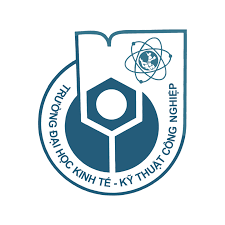
**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

****

**TÀI LIỆU HỌC TẬP**

**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

**Đối tượng: Sinh viên trình độ Đại học (Hệ không chuyên ngành**

**khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh)**

**Ngành đào tạo: Chung cho các ngành**

**Hà Nội, 2021**

**MỤC LỤC**

[**LỜI GIỚI THIỆU** 6](#_Toc76024440)

[CHƯƠNG 1.](#_Toc76024441) [NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 7](#_Toc76024442)

[1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 7](#_Toc76024443)

[*1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học* 7](#_Toc76024444)

[*1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen* 9](#_Toc76024445)

[1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học 11](#_Toc76024446)

[*1.2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học* 11](#_Toc76024447)

[*1.2.2. V.I.Lênin vận dụng phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới* 13](#_Toc76024448)

[*1.2.3. Sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau V.I.Lênin qua đời* 15](#_Toc76024449)

[1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học 18](#_Toc76024450)

[*1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học* 18](#_Toc76024451)

[*1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học* 19](#_Toc76024452)

[*1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học* 20](#_Toc76024453)

[CHƯƠNG 2](#_Toc76024454). [SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN 23](#_Toc76024455)

[2.1. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân 23](#_Toc76024456)

[*2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân* 23](#_Toc76024457)

[*2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân* 25](#_Toc76024458)

[*2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân* 28](#_Toc76024459)

[2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của Giai cấp công nhân hiện nay 31](#_Toc76024460)

[*2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay* 31](#_Toc76024461)

[*2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai công nhân trên thế giới hiện nay* 33](#_Toc76024462)

[2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 34](#_Toc76024463)

[*2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam* 34](#_Toc76024464)

[*2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay* 36](#_Toc76024465)

[*2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nam* 38](#_Toc76024466)

[CHƯƠNG 3](#_Toc76024467). [CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ](#_Toc76024468) [LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 41](#_Toc76024469)

[3.1. Chủ nghĩa xã hội 41](#_Toc76024470)

[*3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.* 41](#_Toc76024471)

[*3.1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội* 43](#_Toc76024472)

[*3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội* 44](#_Toc76024473)

[3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 49](#_Toc76024474)

[*3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* 49](#_Toc76024475)

[*3.2.2. Đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* 51](#_Toc76024476)

[3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 53](#_Toc76024477)

[*3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa* 53](#_Toc76024478)

[*3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay* 55](#_Toc76024479)

[CHƯƠNG 4](#_Toc76024480). [DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC](#_Toc76024481) [XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 59](#_Toc76024482)

[4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 59](#_Toc76024483)

[*4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ* 59](#_Toc76024484)

[*4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa* 61](#_Toc76024485)

[4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 62](#_Toc76024486)

[*4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa* 62](#_Toc76024487)

[*4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa* 65](#_Toc76024488)

[4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 66](#_Toc76024489)

[*4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* 66](#_Toc76024490)

[*4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* 68](#_Toc76024491)

[*4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay* 70](#_Toc76024492)

[CHƯƠNG 5](#_Toc76024493). [CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP](#_Toc76024494) [TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 74](#_Toc76024495)

[5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 74](#_Toc76024496)

[*5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội* 74](#_Toc76024497)

[*5.1.2. Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* 75](#_Toc76024498)

[5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 77](#_Toc76024499)

[*5.2.1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* 77](#_Toc76024500)

[*5.2.2. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH* 78](#_Toc76024501)

[5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 78](#_Toc76024502)

[*5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam* 78](#_Toc76024503)

[*5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam* 80](#_Toc76024504)

[CHƯƠNG 6](#_Toc76024505). [VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO](#_Toc76024506) [TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 86](#_Toc76024507)

[6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 86](#_Toc76024508)

[*6.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc* 86](#_Toc76024509)

[*6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam* 90](#_Toc76024510)

[6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 94](#_Toc76024511)

[*6.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo* 94](#_Toc76024512)

[*6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay* 99](#_Toc76024513)

[6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 102](#_Toc76024514)

[*6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam* 102](#_Toc76024515)

[*6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* 104](#_Toc76024516)

[CHƯƠNG 7](#_Toc76024517). [VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ](#_Toc76024518) [LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 107](#_Toc76024519)

[7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 107](#_Toc76024520)

[*7.1.1. Khái niệm gia đình* 107](#_Toc76024521)

[*7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội* 109](#_Toc76024522)

[*7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình* 110](#_Toc76024523)

[7.2. Cơ sở xây dựng gia định trong thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội 113](#_Toc76024524)

[*7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội* 113](#_Toc76024525)

[*7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội* 114](#_Toc76024526)

[*7.2.3. Cở sở văn hóa* 114](#_Toc76024527)

[*7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ* 115](#_Toc76024528)

[7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 117](#_Toc76024529)

[*7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những vấn đề đặt ra từ sự biến đổi của gia đình* 117](#_Toc76024530)

[*7.3.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* 121](#_Toc76024531)

[**TÀI LIỆU THAM KHẢO** 124](#_Toc76024532)

**DANH MỤC VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ viết tắt** | **Nội dung từ viết tắt** |
| CNCS | Chủ nghĩa cộng sản |
| CNH | Công nghiệp hóa |
| CNTB | Chủ nghĩa tư bản |
| CNXH | Chủ nghĩa xã hội |
| CSCN | Cộng sản chủ nghĩa |
| HĐH | Hiện đại hóa |
| KTTT | Kinh tế thị trường |
| LLSX | Lực lượng sản xuất |
| PTSX | Phương thức sản xuất |
| QHSX | Quan hệ sản xuất |
| TBCN | Tư bản chủ nghĩa |
| XHCN | Xã hội chủ nghĩa |

**LỜI GIỚI THIỆU**

Thực hiện việc đổi mới dạy và học các môn Lý luận chính trị theo Kế hoạch số 3056/BGDĐT-GDĐH về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 19/7/2019 mang ý nghĩa quan trọng, cần thiết góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên, nâng cao ý thức rèn luyện, học tập đáp ứng yêu cầu về tri thức và phẩm chất chính trị, đạo đức trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội, truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân; Có ý thức trách nhiệm thực hiện chủ trưởng, đường lối, quan điểm xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các văn kiện của Đảng trong nhiệm kỳ khóa XIII; Từng bước hình thành thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo; Xây dựng, phát triển nhân sinh quan cách mạng, tu dưỡng đạo đức con người mới và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Với tầm quan trọng của nó, môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong năm môn học mang tính bắt buộc trong hệ thống giáo dục quốc dân trong đó có trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu giảng dạy, học tập của tập thể giảng viên, sinh viên, Khoa Lý luận Chính trị biên soạn tài liệu học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội theo Quyết định số 829/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về ban hành *“Quy định biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu học tập”*; Góp phần đào tạo người lao động bổ sung vào đội ngũ giai cấp công nhân. Đồng thời, giúp người học tự ý thức rèn luyện, học tập đáp ứng yêu cầu về tri thức và phẩm chất chính trị phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới - phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Tài liệu học tập sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp duy vật biện chứng, Lôgic kết hợp lịch sử, trừu tượng hóa khoa học, thống kê, phân tích,…

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song tài liệu học tập không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nên vẫn còn những nội dung cần tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để tài liệu có thể hoàn thiện hơn./..

Xin trân trọng cảm ơn!

**Thay mặt tập thể tác giả**

**Chủ biên**

ThS. Nguyễn Văn Bảng

**CHƯƠNG 1**

**NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

**MỤC ĐÍCH CỦA CHƯƠNG**

*- Kiến thức:* Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, phát triển các giai đoạn phát triển; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXH khoa học.

*- Kỹ năng:* Giúp người học có cái nhìn tổng quan về cấu trúc, phạm trù của CNXH khoa học; Khả năng so sánh đối tượng CNXH khoa học với các khoa học xã hội khác; Từng bước có tư duy, phương pháp tiếp cận và phân tích những hiện thực nảy sinh trong thực tiễn xây dựng, đổi mới và phát triển đất nước.

*- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên có thái độ tích cực trong việc học tập các môn Lý luận chính trị; Có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng XHCN và con đường đi lên CNXH; Tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới thành công do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi sướng và lãnh đạo.

**NỘI DUNG BÀI GIẢNG**

## 1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

### *1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học*

*1.1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội*

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, PTSX TBCN đã phát triển mạnh mẽ gắn liền với sự ra đời và lớn mạnh của nền công nghiệp lớn, công nghiệp cơ khí. Cách mạng công nghiệp đã làm xuất hiện một LLSX mới, đó là nền đại công nghiệp, phát triển ngày càng sâu rộng, cả về quy mô sản xuất và năng suất lao động, kinh nghiệm quản lý.... Những cuộc khủng hoảng hàng hóa thừa theo chu kỳ và hiện tượng người lao động thất nghiệp càng nhiều. Trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, C.Mác và Ph.Ăngghen đánh giá: “Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ đã tạo ra một LLSX nhiều hơn và đồ sộ hơn LLSX của tất cả các thế hệ trước đây gộp lại”1.

Cùng với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản, giai cấp công nhân có sự gia tăng nhanh chóng về số lượng, chất lượng và sự chuyển đổi về cơ cấu. Giai cấp tư sản và giai cấp công nhân trở thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội, vừa nương tựa vào nhau để cùng tồn tại, vừa có mâu thuẫn đối kháng với nhau về lợi ích. Nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh đã bắt đầu có tổ chức và trên quy mô rộng khắp. Phong trào Hiến chương của những người lao động ở nước Anh diễn ra trên 10 năm (1835-1848); Phong trào công nhân dệt ở thành phố Xi-lê-di, nước Đức diễn ra năm 1844. Đặc biệt, phong trào công nhân dệt thành phố Li-on, nước Pháp kéo dài 3 năm (1831-1834) đã có tính chất chính trị



1C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, Tập 4, Tr.603

rõ nét. Nếu năm 1831, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Lion giương cao khẩu hiệu “sống có việc làm hay là chết trong đấu tranh” chỉ thuần túy vì mục tiêu kinh tế, thì đến năm 1834, khẩu hiệu của phong trào đã chuyển sang mục đích chính trị: “Cộng hòa hay là chết”.

Điều kiện kinh tế - xã hội đòi hỏi phải có lý luận tiên phong dẫn đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Điều mà CNXH không tưởng trước đó không thể đảm đương. Điều kiện kinh tế - xã hội ấy không chỉ đặt ra yêu cầu đối với các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời một lý luận mới, tiến bộ soi sáng sự vận động đi lên của lịch sử - CNXH khoa học.

*1.1.1.2. Tiền đề khoa học và tư tưởng lý luận*

\*Tiền đề khoa học

Đầu thế kỷ XIX, nhân loại đã đạt nhiều thành tựu to lớn trên lĩnh vực khoa học, tiêu biểu là ba phát minh tạo nền tảng cho phát triển tư duy lý luận, đó là: Học thuyết Tiến hóa, phát minh năm 1859, của người Anh Charles Darwin (1809-1882); Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, phát minh năm 1842-1845, của người Nga M.V.Lômôlôxốp (1711-1765) và Người Đức Maye (1814-1878); Học thuyết tế bào, phát minh năm 1838-1839, của nhà thực vật học người Đức Matthias Jakob Schleiden (1804 - 1881) và nhà vật lý học người Đức Theodor Schwam (1810-1882). Thành tựu của những phát minh này là cơ sở khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận để nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị - xã hội của các nhà sáng lập CNXH khoa học sau này.

\*Tiền đề tư tưởng lý luận

Cùng với những thành tựu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, trong khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, đó là sự ra đời của triết học cổ điển Đức với tên tuổi của các nhà triết học vĩ đại: George Wilhelm; Friedrich Hêghen (1770-1831) và Lutvich Phoiơbắc (1804 - 1872); Kinh tế chính trị học cổ điển Anh: Adam Smith (1723-1790) và David Ricardo (1772-1823); XHCN không tưởng phê phán đã tạo ra những tiền đề lý luận trực tiếp để C.Mác và Ph.Ănghen kế thừa, cải biến và phát triển thành chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhà không tưởng Pháp như Cơlôđơ Hăngri Đơ Xanh Ximông (1769-1825), Sáclơ Phuriê (1772-1837) và nhà không tưởng người Anh Rôbớt Ôoen (1771-1858).

Những tư tưởng XHCN không tưởng do các nhà XHCN không tưởng Pháp, Anh đã có những giá trị nhất định: 1) Thể hiện tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột, của cải khánh kiệt, đạo đức đảo lộn, tội ác gia tăng; 2) Đã đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai về tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội; đã nêu ra vai trò của công nghiệp và khoa học - kỹ thuật; về xóa bỏ sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc; về sự nghiệp giải phóng phụ nữ; về vai trò lịch sử của nhà nước…; 3) Chính những tư tưởng có tính phê phán và sự dấn thân trong thực tiễn của các nhà XHCN không tưởng, trong chừng mực, đã thức tỉnh phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và người lao động.

Những giá trị khoa học, cống hiến mà các ông đã để lại đã tạo ra tiền đề cho các nhà tư tưởng, các nhà khoa học thế hệ sau kế thừa. Vấn đề còn lại là ở chỗ ai là người có đủ khả năng kế thừa, phát triển những di sản ấy và kế thừa, phát triển như thế nào? Vượt lên tất cả, những giá trị khoa học, cống hiến của các nhà tư tưởng đã tạo ra tiền đề tư tưởng - lý luận, C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa những hạt nhân hợp lý, lọc bỏ những bất hợp lý, không tưởng, xây dựng và phát triển CNXH khoa học.

### *1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen*

*1.1.2.1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị*

C.Mác (1818-1883) và Ph.Ăngghen (1820-1895) trưởng thành từ một quốc gia có nền triết học phát triển rực rỡ với những thành tựu nổi bật là chủ nghĩa duy vật của L. Phoiơbắc và phép biện chứng của V.Ph.Hêghen. Bằng trí tuệ uyên bác, các ông đã tiếp thu với một tinh thần phê phán đối với các giá trị của nền triết học cổ điển với kho tàng tư tưởng lý luận mà các thế hệ trước để lại; Sớm đắm mình trong các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động,…chính điều này đã cho phép các ông đến với nhau, giúp nhận thức được bản chất những sự kiện kinh tế - xã hội, chính trị - xã hội đang diễn ra trong lòng chế độ TBCN. Kế thừa các giá trị khoa học trong kho tàng tư tưởng nhân loại, quan sát, phân tích với một tinh thần khoa học những sự kiện đang diễn ra đã cho phép các ông từng bước phát triển các học thuyết của mình, đưa các giá trị tư tưởng lý luận nói chung, tư tưởng XHCN nói riêng phát triển lên một trình độ mới về chất.

Nhờ hai phát kiến vĩ đại: Chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư, hai ông đã luận giải một cách khoa học sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (được coi là phát kiến thứ ba của C.Mác và Ph.Ăngghen). Nhờ những phát kiến này các ông đã khắc phục được một cách triệt để những hạn chế có tính lịch sử của CNXH không tưởng.

Trong giai đoạn từ 1843-1848 vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã có nhiều tác phẩm lớn “Thời trẻ” thể hiện quá trình chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị và từng bước củng cố, dứt khoát, kiên định, nhất quán và vững chắc lập trường đó, mà nếu không có sự chuyển biến này thì chắc chắn sẽ không có CNXH khoa học. Có thể nêu một số tác phẩm tiêu biểu nhất thể hiện sự trưởng thành về nhận thức khoa học và sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trịcủa hai ông trong thời gian này: “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen” (C.Mác, 1843); “Góp phần phê phán kinh tế chính trị học” (Ph.Ăngghen, 1844); “Bản thảo kinh tế triết học năm 1844” (C.Mác, 1844 ); “Gia đình thần thánh” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1844-1845); “Tình cảnh giai cấp lao động ở Anh” (Ph.Ăngghen, 1845); “Hệ tư tưởng Đức” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1845-1946 ); “Sự khốn cùng của triết học” (C.Mác,1847); “Những nguyên lý của CNCS” (Ph.Ăngghen, 1847); “Điều lệ của Đồng minh những người cộng sản” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1847); Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (năm 1848) đã đánh dấu sự ra đời của CNXH khoa học - học thuyết khoa học và cách mạng soi sáng con đường và quá trình chuyển biến cách mạng của loài người từ CNTB lên CNXH và CNCS trê phạm vi thế giới.

*1.1.2.2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen*

\*Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Trên cơ sở kế thừa “cái hạt nhân hợp lý” của phép biện chứng và lọc bỏ quan điểm duy tâm, thần bí của Triết học Hêghen; kế thừa những giá trị duy vật và loại bỏ quan điểm siêu hình của Triết học Phoiơbắc, đồng thời nghiên cứu nhiều thành tựu khoa học tự nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập “Học thuyết duy vật biện chứng”, với ý nghĩa như phương pháp luận chung nhất để nghiên cứu xã hội TBCN, từ đó sáng lập ra một trong những học thuyết khoa học lớn nhất mang ý nghĩa vạch thời đại cho khoa học xã hội phát triển lên tầm cao mới: “Học thuyết duy vật lịch sử” mà nội dung cơ bản của nó là lý luận về “hình thái kinh tế - xã hội” chỉ ra bản chất của sự vận động và phát triển của xã hội loài người. Chủ nghĩa duy vật lịch sử là phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen; là cơ sở về mặt triết học khẳng định sự sụp đổ của giai cấp tư sản và sự thắng lợi của giai cấp công nhân đều tất yếu như nhau.

\*Học thuyết về giá trị thặng dư

Từ việc phát hiện ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đi sâu nghiên cứu nền sản xuất công nghiệp và nền kinh tế TBCN. Chính trong quá trình nghiên cứu khoa học gắn với hoạt động thực tiễn trong phong trào công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng tạo ra bộ “Tư bản”, mà giá trị to lớn nhất là “Học thuyết về giá trị thặng dư”. Học thuyết này chứng minh một cách khoa học rằng: Trong chủ nghĩa tư bản, sức lao động của công nhân là loại “hàng hóa đặc biệt” mà nhà tư bản đã mua và có những thủ đoạn tinh vi chiếm đoạt ngày càng lớn “giá trị thặng dư” được sinh ra nhờ bóc lột sức lao động của công nhân làm thuê. Đây là nguyên nhân cơ bản làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản tăng lên không thể dung hòa trong khuôn khổ CNTB. Học thuyết giá trị thặng dư là sự luận chứng khoa học về phương diện kinh tế khẳng định sự diệt vong của CNTB và sự ra đời tất yếu của CNXH.

\* Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân

Với phát kiến này đã khắc phục một cách triệt để những hạn chế có tính lịch sử của CNXH không tưởng đã luận chứng về phương diện chính trị - xã hội của sự diệt vong không tránh khỏi của CNTB và sự ra đời tất yếu của CNXH.

Trong xã hội tư bản, mâu thuẫn về mặt kinh tế đã biểu hiện ra thành mâu thuẫn chính trị giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản - hai giai cấp có vai trò nổi bật nhất, đối lập trực tiếp nhau và mâu thuẫn ngày càng gay gắt trong suốt thời gian tồn tại và phát triển của CNTB. Giai cấp tư sản, Nhà nước của nó vẫn thường xuyên phải “điều chỉnh, thích nghi” về kinh tế với giai cấp công nhân một cách tạm thời, song mâu thuẫn này không thể giải quyết triệt để. Tất yếu nỏ ra cuộc cách mạng XHCN là sứ mệnh lịch sử có tính chất toàn thế giới của giai cấp công nhân.

*1.1.2.3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học*

“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo được công bố trước toàn thế giới vào ngày 24 tháng 2 năm 1848. Đây là tác phẩm kinh điển chủ yếu của CNXH khoa học, đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác bao gồm ba bộ phận hợp thành: Triết học, Kinh tế chính trị học và CNXH khoa học.

“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” còn là cương lĩnh chính trị, là kim chỉ nam hành động của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống CNTB, giải phóng loài người khỏi mọi áp bức, bóc lột giai cấp, bảo đảm cho loài người được thực sự sống trong hòa bình, tự do và hạnh phúc.

Tác phẩm này đã nêu và phân tích một cách có hệ thống lịch sử và lôgic hoàn chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất, đầy đủ, xúc tích và chặt chẽ nhất thâu tóm hầu như toàn bộ những luận điểm của CNXH khoa học; tiêu biểu và nổi bật là những luận điểm:

- Cuộc đấu tranh của giai cấp trong lịch sử loài người đã phát triển đến một giai đoạn mà giai cấp công nhân không thể tự giải phóng mình nếu không đồng thời giải phóng vĩnh viễn xã hội ra khỏi tình trạng phân chia giai cấp, áp bức, bóc lột và đấu tranh giai cấp.

- Lôgic phát triển tất yếu của xã hội tư sản cũng như sự sụp đổ của CNTB và sự thắng lợi của CNXH là tất yếu.

- Giai cấp công nhân, do có địa vị kinh tế - xã hội đại diện cho LLSX tiên tiến, có sứ mệnh lịch sử thủ tiêu CNTB, đồng thời là lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng CNXH, CNCS.

- Những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống CNTB, cần thiết phải thiết lập sự liên minh với các lực lượng dân chủ để đánh đổ chế độ phong kiến chuyên chế, đồng thời không quên đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng là CNCS.

- CNXH khoa học là bộ phận thể hiện tập trung nhất tính chính trị - thực tiễn sinh động của chủ nghĩa Mác.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác, của CNXH khoa học.

## 1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học

### *1.2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học*

*1.2.1.1. Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871)*

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cách mạng dân chủ tư sản ở các nước Tây Âu (1848-1852), C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: để giành được quyền thống trị chính trị, giai cấp công nhân cần đạp tan bộ máy quan liêu của nhà nước tư sản thiết lập chuyên chính vô sản - công cụ chủ yếu để xây dựng thành công CNXH, thực hiện liên minh với quần chúng nhân dân lao động phi vô sản hợp thành động lực căn bản của cách mạng, giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên lập trường của giai cấp công nhân, giữa CNXH và chủ nghĩa cộng sản là thời kỳ chuyển biến cách mạng lâu dài, thời kỳ quá độ chính trị và nhà nước chính là chuyên chính cách mạng của giai cấp công nhân.

Toàn bộ những nguyên cơ bản nhất về chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết về giá trị thặng dư đã được C.Mác trình bày một cách có hệ thống trong tác phẩm “Bộ tư bản”. Điều này đã tạo lập cơ sở khoa học vững chắc cho việc luận giải tất yếu diệt vong của CNTB và tất yếu thắng lợi của CNXH và CNCS, lý giải một cách sâu sắc nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

*1.2.1.2. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895*

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXH khoa học trong các tác phẩm chủ yếu: “Nội chiến ở Pháp” (1871), “Phê phán Cương lĩnh Gôta” (1875), “Chống Đuyrinh” (1876), “Sự phát triển của CNXH từ không tưởng đến khoa học” (1875); “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước” (1884)…

Khẳng định CNXH khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác, các ông đã nêu ra nhiệm vụ nghiên cứu của CNXH khoa học: “Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu chính ngay bản chất của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ - đó là nhiệm vụ của CNXH khoa học, sự thể hiện về lý luận của phong trào vô sản”2.

Một nội dung quan trọng khác của tác phẩm có liên quan đến các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học là hai ông đã dự đoán về tương lai của CNXH và chủ nghĩa cộng sản. Đó là khi tình trạng vô chính phủ trong nền sản xuất xã hội được thay thế bằng nền sản xuất có tổ chức, có kế hoạch thì những điều kiện sống xung quanh con người chi phối và kiểm soát, lúc đó con người trở thành những người làm chủ thực sự. Cũng từ lúc đó, con người bắt đầu sự sáng tạo ra lịch sử của mình một cách hoàn toàn có ý thức. Đó là bước nhảy vọt của con người từ vương quốc tất yếu sang vương quốc của tự do.

Mặc dù, với những cống hiến tuyệt vời cả về lý luận và thực tiễn, song cả C.Mác và Ph.Ăngghen không bao giờ tự cho học thuyết của mình là một hệ thống giáo điều, “nhất thành bất biến”, trái lại, nhiều lần hai ông đã chỉ rõ đó chỉ là những “gợi ý” cho mọi suy nghĩ và hành động. Trong Lời nói đầu viết cho tác phẩm Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850 của C.Mác, Ph.Ăngghen đã thẳng thắn thừa nhận sai lầm về dự báo khả năng nổ ra những cuộc cách mạng vô sản ở châu Âu, vì lẽ “Lịch sử đã chỉ rõ rằng thái



2C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội 1995, Tập 20, Tr.393

triển kinh tế trên lục địa lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để xóa bỏ PTSX TBCN”3. Đây cũng chính là “gợi ý” để Lênin và các nhà tư tưởng lý luận của giai cấp công nhân tiếp tục bổ sung và phát triển phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Đánh giá về chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin chỉ rõ: “Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác”4

### *1.2.2. V.I.Lênin vận dụng phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới*

*1.2.2.1. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga*

V.I.Lênin (1870-1924) là người bảo vệ, kế thừa và vận dụng sáng tạo các nguyên lý cơ bản của CNXH khoa học, phân tích và tổng kết một cách nghiêm túc các sự kiện lịch sử diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản là sứ mệnh của V.I.Lênin.

Thời gian này, Lênin đã viết hàng loạt tác phẩm: “Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống chống những dân chủ - xã hội ra sao” (1894); “Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơruvê về nội dung đó” (1894); “Làm gì?” (1902); “Một bước tiến, hai bước lùi” (1904), “Nhà nước và cách mạng” (1917)…

V.I.Lênin đã trình bày một cách có hệ thống những khái niệm, phạm trù khoa học phản ánh những quy luật, thuộc tính bản chất chi phối sự vận động biến đổi của đời sống xã hội trong quá trình chuyển biến tất yếu từ CNTB lên CNXH và chủ nghĩa cộng sản, cụ thể:

- Đấu tranh chống các trào lưu phi mác xít (chủ nghĩa dân túy tự do, phái kinh tế, phái mác xít hợp pháp) nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác, mở đường cho chủ nghĩa Mác thâm nhập mạnh mẽ vào nước Nga;

- Kế thừa nhữngdi sản lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen về chính đảng, V.I.Lênin đã xây dựng lý luận về đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của đảng;

- Kế thừa, phát triển tư tưởng cách mạng không ngừng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã hoàn chỉnh lý luận về cách mạng XHCN và chuyên chính vô sản, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và các điều kiện tất yếu cho sự chuyển biến sang cách mạng XHCN; những vấn đề mang tính quy luật của cách mạng XHCN, xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc XHCN; vấn đề dân tộc và cương lĩnh dân tộc, đoàn kết và liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và các tầng lớp lao động khác; những vấn đề về quan hệ quốc tế và chủ nghĩa quốc tế vô sản, quan hệ cách mạng XHCN với phong trào giải phóng dân tộc.

- Phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về khả năng thắng lợi của cách



3C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, Tập 22, Tr.761.

4V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005, Tập 23, Tr.50.

mạng XHCN, trên cơ sở nghiên cứu, phân tích về chủ nghĩa đế quốc, V.I.Lênin kết luận: cách mạng vô sản có thể thắng lợi ở một số nước hay thậm chí ở một nước riêng lẻ, nơi CNTB chưa phải là phát triển nhất, nhưng là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền TBCN. V.I.Lênin là người đầu tiên nói đến phạm trù hệ thống chuyên chính vô sản, bao gồm hệ thống của Đảng Bônsêvic lãnh đạo, Nhà nước Xô viết quản lý và tổ chức công đoàn.

Gắn hoạt động lý luận với thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin trực tiếp lãnh đạo Đảng của giai cấp công nhân Nga tập hợp lực lượng đấu tranh chống chế độ chuyên chế Nga hoàng, tiến tới giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga.

*1.2.2.2. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga*

V.I.Lênin tiếp tục viết nhiều tác phẩm quan trọng bàn về những nguyên lý của CNXH khoa học trong thời kỳ mới: “Cách mạng vô sản và tên phản bội Causky” (1918); “Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô Viết” (1918), “Bàn về nhà nước” (1919), “Kinh tế chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản” (1919), “Bàn về thuế lương thực” (1921)... Trong các tác phẩm, V.I.Lênin đặc biệt quan tâm đến những vấn đề:

- Chuyên chính vô sản - hình thức nhà nước mới, nhà nước dân chủ, dân chủ đối với những người vô sản và nói chung những người không có của và chuyên chính chống giai câp tư sản. Cơ sở và nguyên tắc cao nhất là sự liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và toàn thể nhân dân lao động cũng như các tầng lớp lao động khác dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để thực hiện nhiệm vụ cơ bản của chuyên chính vô sản là thủ tiêu mọi chế độ người bóc lột người, là xây dựng CNXH.

- Phê phán các quan điểm của kẻ thù xuyên tạc về bản chất của chuyên chính vô sản chung quy chỉ là bạo lực, và chỉ rõ: chuyên chính vô sản... không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột và cũng không phải chủ yếu là bạo lực... là việc giai cấp công nhân đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn so với chủ nghĩa tư bản, đấy là nguồn sức mạnh, là điều đảm bảo cho thắng lợi hoàn toàn và tất nhiên của CNCS; Chuyên chính vô sản là một cuộc đấu tranh kiên trì, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và bằng kinh tế, bằng giáo dục và bằng hành chính, chống những thế lực và những tập tục của xã hội cũ.

- Về chế độ dân chủ: Chỉ có dân chủ tư sản hoặc dân chủ XHCN, không có dân chủ thuần tuý hay dân chủ nói chung. Sự khác nhau căn bản giữa hai chế độ dân chủ này là chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần; chính quyền Xô viết so với nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất thì cũng dân chủ hơn gấp triệu lần.

- Về cải cách hành chính bộ máy nhà nước: Trước hết, phải có một đội ngũ những người cộng sản cách mạng đã được tôi luyện và tiếp sau là phải có bộ máy nhà nước phải tinh, gọn, không hành chính, quan liêu.

- Dự thảo cương lĩnh xây dựng CNXH ở nước Nga; nêu ra nhiều luận điểm khoa học độc đáo: Cần có những bước quá độ nhỏ trong thời kỳ quá độ nói chung lên CNXH; giữ vững chính quyền Xô viết thực hiện điện khí hóa toàn quốc; xã hội hóa những tư liệu sản xuất cơ bản theo hướng XHCN; xây dựng nền công nghiệp hiện đại; điện khí hóa nền kinh tế quốc dân; cải tạo kinh tế tiểu nông theo những nguyên tắc XHCN; thực hiện cách mạng văn hóa… Đặc biệt, V.I.Lênin nhấn mạnh, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, cần thiết phải phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

- Vấn đề dân tộc trong hoàn cảnh đất nước có rất nhiều sắc tộc. Ba nguyên tắc cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc: Quyền bình đẳng dân tộc; quyền dân tộc tự quyết và tình đoàn kết của giai cấp vô sản thuộc tất cả các dân tộc; Giai cấp vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại…

Cùng với những cống hiến hết sức to lớn về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin còn nêu một tấm gương sáng ngời về lòng trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp công nhân, với lý tưởng cộng sản do C.Mác, Ph.Ăngghen phát hiện và khởi xướng. Những điều đó đã làm cho V.I.Lênin trở thành một thiên tài khoa học, một lãnh tụ kiệt xuất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới. Tuy nhiên, sự cần thiết phải tiếp tục tổng kết thực tiễn để hoàn thiện lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể.

### *1.2.3. Sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau V.I.Lênin qua đời*

Sau khi V.I.Lênin qua đời, đời sống chính trị thế giới chứng kiến biết bao thay đổi:

Chiến tranh thế giới lần thứ hai do các thế lực đế quốc phản động cực đoan gây ra từ 1939-1945 để lại biết bao hậu quả cực kỳ khủng khiếp cho nhân loại. Liên Xô góp phần quyết định chấm dứt chiến tranh, cứu nhân loại khỏi thảm họa của chủ nghĩa phát xít và tạo điều kiện hình thành hệ thống XHCN thế giới, tạo lợi thế so sánh cho lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH.

J.Xtalin kế tục là người lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản (b) Nga và sau đó là Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng thời là người ảnh hưởng lớn nhất đối với Quốc tế III cho đến năm 1943, khi G.Đi-mi-trốp là chủ tịch Quốc tế III. Từ năm 1924 đến năm 1953, có thể gọi là “Thời đoạn Xtalin” trực tiếp vận dụng và phát triển CNXH khoa học. Chính Xtalin và Đảng Cộng sản Liên Xô đã gắn lý luận và tên tuổi của C.Mác với V.I.Lênin thành “Chủ nghĩa Mác-Lênin”. Bước đầu xây dựng CNXH, với những thành quả to lớn và nhanh chóng về nhiều mặt để Liên Xô trở thành một cường quốc XHCN đầu tiên và duy nhất trên toàn cầu, buộc thế giới phải thừa nhận và nể trọng. Thể hiện ở một số nội dung cơ bản:

- Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Matxcơva tháng 11-1957 đã tổng kết và thông qua 9 quy luật chung của công cuộc cải tạo XHCN và xây dựng CNXH.

- Sự thống nhất lực lượng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế còn được thể hiện ở Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế cũng họp ở Matxcơva vào tháng giêng năm 1960. Hội nghị đã phân tích tình hình quốc tế và những vấn đề cơ bản của thế giới, đưa ra khái niệm về “thời đại hiện nay”; xác định nhiệm vụ hàng đầu của các Đảng Cộng sản và công nhân là bảo vệ và củng cố hòa bình ngăn chặn bọn đế quốc hiếu chiến phát động chiến tranh thế giới mới; tăng cường đoàn kết phong trào cộng sản đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và CNXH. Hội nghị đã khẳng định: “Hệ thống XHCN thế giới, các lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc nhằm cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội, đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu của những đặc điểm chủ yếu của sự phát triển lịch sử của xã hội loài người trong thời đại ngày nay”*5*. Hội nghị năm 1960 sở vật chất cần thiết, xây dựng mức sản xuất cao trên cơ sở kỹ thuật tiên tiến, điện khí hóa nền kinh tế quốc dân, cơ giới hóa và tự động hóa nền sản xuất.

Hội nghị Matcơva thông qua văn kiện: Những nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn hiện tại và sự thống nhất hành động của các Đảng Cộng sản, công nhân và tất cả các lực lương chống đế quốc.

Tiếp đó đến những năm cuối của thập niên 80 đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, do nhiều tác động tiêu cực, phức tạp từ bên trong và bên ngoài, mô hình của chế độ XHCN của Liên Xô và Đông Âu lần lượt sụp đổ, hệ thống XHCN tan rã, CNXH đứng trước một thử thách đòi hỏi phải vượt qua.

Trên thế giới, sau sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu, chỉ còn một số nước XHCN hoặc nước có xu hướng tiếp tục theo CNXH, do vẫn có một Đảng Mác-Lênin lãnh đạo. Những Đảng Mác-Lênin kiên trì hệ tư tưởng Mác-Lênin, CNXH khoa học, từng bước giữ ổn định để cải cách, đổi mới và phát triển.

Trước hết là, Trung Quốc tiến hành cải cách, mở từ năm 1978 đã thu được những thành tựu đáng ghi nhận, cả về lý luận và thực tiễn. Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ ngày thành lập (1 tháng 7 năm 1921) đến nay đã trải qua 3 thời kỳ lớn: Cách mạng, xây dựng và cải cách, mở cửa. Đại hội XIX với chủ đề: “Quyết thắng xây dựng toàn diện xã hội khá giả, giành thắng lợi vĩ đại CNXH đặc sắc Trung Quốc thời đại mới”, đã khẳng định: Xây dựng Trung Quốc trở thành cường quốc hiện đại hóa XHCN giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa, tươi đẹp vào năm 2050; “Nhân dân Trung Quốc sẽ được hưởng sự hạnh phúc và thịnh vượng cao hơn, và dân tộc Trung Quốc sẽ có chỗ đứng cao hơn, vững hơn trên trường quốc tế”, ông Tập nói về tầm nhìn tới năm 2059. Song, qua 40 năm thực hiện, Trung Quốc đã trở thành nước thứ hai trên thế giới về kinh tế và nhiều vấn đề, nhất là về lý luận “Một quốc gia, hai chế độ” cũng là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Trên tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ thành công trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, mà trên lĩnh



5Xem http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/cac-ban-dang-trung-uong/books

vực lý luận, Đảng đã có những đóng góp đáng ghi nhận. Có thể khái quát những đóng góp vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin của Đảng Cộng sản Việt Nam như sau:

- Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là một tính quy luật của cách mạng Việt Nam, trong điều kiện thời đại ngày nay;

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, đồng thời đổi mới từng bước về chính trị, đảm bảo giữ vững sự ổn định chính trị, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện gắn phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm và xây dựng Đảng là khâu then chốt với phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội;

- Xây dựng và phát triển nền KTTT định hướng XHCN, tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Xây dựng phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái;

- Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân;

- Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh của mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân, mọi thành phần dân tộc và tôn giáo, mọi công dân Việt Nam ở trong nước hay ở nước ngoài, tạo nên sự thống nhất và đồng thuận xã hội tạo động lực cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ tổ quốc;

- Mở rộng quan hệ đối ngoại, thực hiện hội nhập quốc tế; tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, khai thác mọi khả năng có thể hợp tác theo định hướng XHCN, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;

- Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển.

Từ thực tiễn 35 năm đổi mới, Đảng ta đã rút ra một số bài học lớn, góp phần phát triển CNXH khoa học trong thời kỳ mới:

Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Hai là, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Bốn là, phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn 35 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là kết tinh những thể hiện sinh động các nguyên lý, quy luật được đúc kết của CNXH khoa học ở Việt Nam và trong hoàn cảnh lịch sử Việt Nam, trong điều kiện lịch sử cụ thể của thời đại ngày nay.

## 1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học

### *1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học*

Mọi khoa học đều có đối tượng nghiên cứu riêng là những quy luật, tính quy luật thuộc khách thể nghiên cứu của nó. Điều đó cũng hoàn toàn đúng với CNXH khoa học, khoa học lấy lĩnh vực chính trị - xã hội của đời sống xã hội làm khách thể nghiên cứu.

Những quy luật hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa, không chỉ là đối tượng riêng của CNXH khoa học mà còn của nhiều môn khoa học xã hội khác. CNXH khoa học là sự tiếp tục một cách lôgic triết học và kinh tế chính trị học mácxít, là sự biểu hiện trực tiếp mục đích và hiệu lực chính trị của chủ nghĩa Mác-Lênin trong thực tiễn. CNXH có chức năng chỉ ra con đường thực hiện bước chuyển biến từ CNTB lên CNXH bằng cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân đưới sự lãnh đạo của đội tiền phong là Đảng Cộng sản.

CNXH khoa học có chức năng giác ngộ và hướng dẫn giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình trong ba thời kỳ: Đấu tranh lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền; thiết lập sự thống trị của giai cấp công nhân, thực hiện sự nghiệp cải tạo và xây dựng CNXH; phát triển CNXH tiến lên CNCS.

CNXH khoa học luận giải một cách khoa học về phương hướng và những nguyên tắc của chiến lược, sách lược của giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của nó trong các giai đoạn đấu tranh vì CNXH và CNCS, về con đường và các hình thức đấu tranh của giai cấp công nhân, cách mạng XHCN, về vai trò, nguyên tắc tổ chức và hình thức thích hợp hệ thống chính trị của giai cấp công nhân, về những tiền đề, điều kiện của công cuộc cải tạo XHCN và xây dựng CNXH, về quy luật, bước đi, hình thức, phương pháp của việc tổ chức xã hội theo hướng XHCN, về mối quan hệ gắn bó với phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ, phong trào XHCN trong quá trình cách mạng thế giới.

Một nhiệm vụ vô cùng quan trọng của CNXH khoa học là phê phán đấu tranh bác bỏ những trào lưu tư tưởng chống cộng, chống CNXH, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và những thành quả của cách mạng XHCN.

Ph.Ăngghen, trong tác phẩm CNXH từ không tưởng đến khoa học đã nêu nhiệm vụ của CNXH khoa học: “Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy - đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện đại. Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu ngay chính bản chất của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất sự nghiệp của chính họ - đó là nhiệm vụ của CNXH khoa học, sự thể hiện về mặt lý luận của phong trào công nhân”6.

Từ những quan niệm trên có thể khái quát, đối tượng của CNXH khoa học: Là những qui luật, tính qui luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội CSCN mà giai đoạn thấp là CNXH; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ CNTB lên CNXH và CNCS.

### *1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học*

CNXH khoa học sử dụng phương pháp luận chung nhất là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác-Lênin. Trên cơ sở phương pháp luận chung đó, Chủ nghĩa xã hội khoa học cũng đặc biệt chú trọng sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể hơn và những phương pháp có tính liên ngành, tổng hợp.

- Phương pháp kết hợp lịch sử - lôgíc. Đây cũng là một nội dung của phương pháp luận triết học Mác-Lênin, nhưng nó là phương pháp đặc trưng và đặc biệt quan trọng đối với CNXH khoa học. Phải trên cơ sở những tư liệu thực tiễn của các sự thật lịch sử mà phân tích để rút ra những nhận định, những khái quát về lý luận có kết cấu chặt chẽ, khoa học - tức là rút ra được lôgíc của lịch sử, không dừng lại ở sự liệt kê sự thật lịch sử. Để rút ra được lôgíc của quá trình lịch sử, căn bản là quy luật mâu thuẫn giữa LLSX và QHSX, giữa giai cấp bóc lột và bị bóc lột, quy luật đấu tranh giai cấp dẫn đến các cuộc cách mạng xã hội và do đó, cuối cùng “đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản", dẫn đến CNXH và CNCS.

- Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể là phương pháp có tính đặc thù của CNXH khoa học.

Khi nghiên cứu, khảo sát thực tế, thực tiễn một xã hội cụ thể, đặc biệt là trong điều kiện của thời kỳ quá độ lên CNXH, những người nghiên cứu, khảo sát... phải luôn có sự nhạy bén về chính trị - xã hội trước tất cả các hoạt động và quan hệ xã hội, trong nước và quốc tế. Trong thời đại còn giai cấp và đấu tranh giai cấp, còn chính trị thì mọi hoạt động,



6C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội. 1994, Tập 17, Tr.456

mọi quan hệ xã hội ở các lĩnh vực, kể cả khoa học công nghệ, tri thức và sử dụng tri thức, các nguồn lực, các lợi ích... đều có nhân tố chính trị chi phối mạnh nhất, bởi chính trị không thể không đứng ở vị trí hàng đầu so với kinh tế. Không chú ý phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội, không có nhạy bén chính trị và lập trường - bản lĩnh chính trị vững vàng, khoa học thì dễ mơ hồ, lầm lẫn, sai lệch khôn lường.

- Phương pháp so sánh được sử dụng trong nghiên cứu CNXH khoa học nhằm so sánh và làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt trên phương diện chính trị- xã hội giữa PTSX TBCN và XHCN; giữa các loại hình thể chế chính trị và giữa các chê độ dân chủ, dân chủ TBCN và XHCN… phương pháp so sánh còn được thực hiện trong việc so sánh các lý thuyết, mô hình XHCN…

- Các phương pháp có tính liên ngành: Cần thiết phải sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể của các khoa học xã hội khác: như phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, sơ đồ hoá, mô hình hoá, v.v.. để nghiên cứu những khía cạnh chính trị - xã hội của các mặt hoạt động trong một xã hội còn giai cấp, đặc biệt là trong CNTB và trong CNXH, trong đó có thời kỳ quá độ lên CNXH.

Ngoài ra, CNXH khoa học còn gắn bó trực tiếp với phương pháp phương pháp tổng kết lý luận từ thực tiễn, nhất là thực tiễn về chính trị - xã hội để từ đó rút ra những vấn đề lý luận có tính quy luật của công cuộc xây dựng CNXH ở mỗi quốc gia cũng như của hệ thống XHCN.

### *1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học*

*\*Về mặt lý luận:*

Với tư cách là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin, nên việc nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển lý luận CNXH khoa học phải được đặt trong quan hệ với triết học, kinh tế chính trị học Mác-Lênin, bởi nếu không triết học, kinh tế chính trị học dễ chệch hướng chính trị - xã hội, trước hết và chủ yếu là chệch hướng bản chất, mục tiêu là xây dựng CNXH, CNCS, giải phóng hoàn toàn xã hội và con người khỏi các chế độ tư hữu, áp bức, bất công, chiến tranh, nghèo nàn lạc hậu và mọi tai họa xã hội khác... mà thực tế lịch sử nhân loại đã từng chứng kiến.

Nghiên cứu, học tập và phát triển CNXH khoa học, về mặt lý luận có ý nghĩa quan trọng trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng xã hội, giải phóng con người... Cũng như triết học và kinh tế chính trị học Mác-Lênin, CNXH khoa học không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là ở chỗ cải tạo thế giới theo qui luật phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXH khoa học góp phần định hướng chính trị - xã hội cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, Nhà nước XHCN và nhân dân trong cách mạng XHCN, trong công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc XHCN.

Nghiên cứu, học tập CNXH khoa học cũng làm cho ta có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đối với Đảng ta, Nhà nước, chế độ ta; chống CNXH, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

*\*Về mặt thực tiễn*

Bất kỳ một lý thuyết khoa học nào, đặc biệt là các khoa học xã hội, bao giờ cũng có khoảng cách nhất định so với thực tiễn, nhất là những dự báo khoa học có tính quy luật. Nghiên cứu, học tập CNXH khoa học lại càng thấy rõ những khoảng cách đó, bởi vì CNXH trên thực tế, chưa có nước nào xây dựng hoàn chỉnh. Sau khi chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, cùng với thoái trào của hệ thống XHCN thế giới, lòng tin vào CNXH và CNXH khoa học, chủ nghĩa Mác-Lênin của nhiều người có giảm sút. Đó là một thực tế, vì thế nghiên cứu, học tập và phát triển CNXH khoa học càng khó khăn trong tình hình hiện nay và cũng có ý nghĩa chính trị cấp bách.

Chỉ có bản lĩnh vững vàng và sự sáng suốt, kiên định chủ động sáng tạo tìm ra những nguyên nhân cơ bản và bản chất của những sai lầm, khuyết điểm, khủng hoảng, đổ vỡ và của những thành tựu to lớn trước đây cũng như của những thành quả đổi mới, cải cách ở các nước XHCN, chúng ta mới có thể đi tới kết luận chuẩn xác rằng: không phải do chủ nghĩa xã hội - một xu thế xã hội hoá mọi mặt của nhân loại; cũng không phải do chủ nghĩa Mác - Lênin, CNXH khoa học... làm các nước XHCN khủng hoảng.

Việc nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, lý luận chính trị - xã hội nói riêng và các khoa học khác... càng là vấn đề thực tiễn cơ bản và cấp thiết. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, dao động, thoái hoá, biến chất trong đảng và cả xã hội, giáo dục lý luận chính trị - xã hội một cách cơ bản khoa học tức là ta tiến hành củng cố niềm tin thật sự đối với CNXH... cho cán bộ, học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên và nhân dân. Tất nhiên đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và mở rộng hợp tác quốc tế; tiến hành hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá về kinh tế; xây dựng "kinh tế tri thức", thực hiện cơ chế KTTT định hướng XHCN... đang là những vận hội lớn, đồng thời cũng có những thách thức lớn đối với nhân dân ta, dân tộc ta.

CNXH khoa học góp phần quan trọng việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng XHCN và con đường đi lên CNXH. Niềm tin khoa học được hình thành trên cơ sở nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở nhận thức khoa học, thông qua giáo dục, hoạt động thực tiễn mà niềm tin được hình thành, phát triển. Niềm tin khoa học là sự thống nhất giữa nhận thức, tình cảm, ý chí và quyết tâm trở thành động lực tinh thần hướng con người đến hoạt động thực tiễn một cách chủ động, tự giác, sáng tạo và cách mạng./..

**NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN**

1. Phân tích điều kiện kinh tế - xã hội và vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen trong việc hình thành CNXH khoa học?

2. Phân tích sự vận dụng và phát triển CNXH khoa học của V.I.Lênin?

3. Phân tích sự vận dụng và phát triển CNXH khoa học của các Đảng cộng sản và công nhân quốc tế từ sau khi V.I.Lênin qua đời?

4. Nêu và phân tích đối tượng của CNXH khoa học? Ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXH khoa học hiện nay.

# CHƯƠNG 2

# SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

**MỤC ĐÍCH CỦA CHƯƠNG**

*- Kiến thức:* Sinh viên nắm vững quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay.

*- Kỹ năng:* Biết vận dụng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành CNXH khoa học vào việc phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam, trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

*- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Góp phần xây dựng và củng cố niềm tin khoa học; lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

**NỘI DUNG BÀI GIẢNG**

## 2.1. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân

### *2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân*

C.Mác và Ph.Ăngghen đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để trình bày quan niệm của mình về giai cấp công nhân như: giai cấp vô sản; giai cấp vô sản hiện đại; Giai cấp công nhân hiện đại; giai cấp công nhân đại công nghiệp,...

Đó là những cụm từ đồng nghĩa để chỉ: giai cấp công nhân - con đẻ của nền đại công nghiệp TBCN, giai cấp đại biểu cho LLSX tiên tiến, cho PTSX hiện đại. Các ông còn dùng những thuật ngữ có nội dung hẹp hơn để chỉ các loại công nhân trong các ngành, nghề khác nhau, trong những giai đoạn phát triển khác nhau của công nghiệp: công nhân khoáng sản, công nhân công trường thủ công, công nhân công xưởng, công nhân nông nghiệp.

Dù diễn đạt bằng những khái niệm khác nhau, song giai cấp công nhân được các nhà kinh điển xác định trên hai phương diện cơ bản: kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội.

*2.1.1.1. Giai cấp công nhân trên phương diện kinh tế - xã hội*

Thứ nhất, giai cấp công nhân với phương thức lao động công nghiệp trong nền sản xuất TBCN: đó là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao.

Mô tả quá trình phát triển của giai cấp công nhân,C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: trong công trường thủ công và trong nghề thủ công, người công nhân sử dụng công cụ của mình còn trong công xưởng thì người công nhân phải phục vụ máy móc. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, công nhân công nghiệp công xưởng là bộ phận tiêu biểu cho giai cấp công nhân hiện đại.

Các ông nhấn mạnh rằng: “Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp; còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp” và “công nhân Anh là đứa con đầu lòng của nền công nghiệp hiện đại”

Thứ hai, giai cấp công nhân trong QHSX TBCN. Đó là giai cấp của những người lao động không sở hữu TLSX chủ yếu của xã hội. Họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị chủ tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Đối lập với nhà tư bản, công nhân là những người lao động tự do, với nghĩa là tự do bán sức lao động của mình để kiếm sống. Chính điều này khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản.

Những công nhân ấy, buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hóa, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác, vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường .

Như vậy, đối diện với QHSX TBCN, đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân trong chế độ TBCN theo C.Mác và Ph.Ăngghen là giai cấp vô sản “giai cấp công nhân làm thuê hiện đại, vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân nên buộc phải bán sức lao động của mình để sống”

Mâu thuẫn cơ bản của PTSX TBCN là mâu thuẫn giữa LLSX xã hội hóa ngày càng rộng lớn với QHSX TBCN dựa trên chế độ tư hữu TBCN về tư liệu sản xuất. Mâu thuẫn cơ bản này thể hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn về lợi ích giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Lao động sống của công nhân là nguồn gốc của giá trị thặng dư và sự giàu có của giai cấp tư sản cũng chủ yếu nhờ vào việc bóc lột được ngày càng nhiều hơn giá trị thặng dư.

Mâu thuẫn đó cho thấy, tính chất đối kháng không thể điều hòa giữa giai cấp công nhân (giai cấp vô sản) với giai cấp tư sản trong PTSX TBCN và trong chế độ TBCN.

*2.1.1.2. Giai cấp công nhân trên phương diện chính trị - xã hội*

Trong chế độ TBCN, sự thống trị của giai cấp tư sản, đặc biệt của bộ phận tư sản đại công nghiệp là điều kiện ban đầu cho sự phát triển giai cấp công nhân. “Nói chung, sự phát triển của giai cấp vô sản công nghiệp được quy định bởi sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp. Chỉ có dưới sự thống trị của giai cấp này thì sự tồn tại của giai cấp vô sản công nghiệp mới có được một quy mô toàn quốc, khiến nó có thể nâng cuộc cách mạng của nó lên thành một cuộc cách mạng toàn quốc…”

Nghiên cứu giai cấp công nhân (giai cấp vô sản) từ phương diện kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội trong CNTB, C.Mác và Ph.Ăngghen đã không những đưa lại quan niệm khoa học về giai cấp công nhân mà còn làm sáng tỏ những đặc điểm quan trọng của nó với tư cách là một giai cấp cách mạng có sứ mệnh lịch sử thế giới. Có thể khái quát những đặc điểm chủ yếu của giai cấp công nhân bao gồm:

- Đặc điểm nổi bật của giai cấp công nhân là lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa.

- Giai cấp công nhân là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Do đó, giai cấp công nhân là đại biểu cho LLSX tiên tiến, cho PTSX tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại.

- Nền sản xuất đại công nghiệp và PTSX tiên tiến đã rèn luyện cho giai cấp công nhân những phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp. Đó là một giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để.

Những đặc điểm ấy chính là những phẩm chất cần thiết để giai cấp công nhân có vai trò lãnh đạo cách mạng. Tư phân tích trên có thể hiểu về giai cấp công nhân theo khái niệm sau:

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; Là giai cấp đại diện cho LLSX tiên tiến; Là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ CNTB lên CNXH; Ở các nước TBCN, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; Ở các nước XHCN, giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của mình.

### *2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

*2.1.2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chính là những nhiệm vụ mà giai cấp công nhân cần phải thực hiện với tư cách là giai cấp tiên phong, là lực lượng đi đầu trong cuộc cách mạng xác lập hình thái kinh tế - xã hội CSCN.

\*Nội dung kinh tế

Là nhân tố hàng đầu của LLSX xã hội hóa cao, giai cấp công nhân cũng là đại biểu cho QHSX mới, tiên tiến nhất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, đại biểu cho PTSX tiến bộ nhất thuộc về xu thế phát triển của lịch sử xã hội.

Vai trò chủ thể của giai cấp công nhân, trước hết là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất để sản xuất ra của cải vật chất ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội. Bằng cách đó, giai cấp công nhân tạo tiền đề vật chất kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.

Mặt khác, tính chất xã hội hóa cao của LLSX đòi hỏi một QHSX mới, phù hợp với chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội là nền tảng, tiêu biểu cho lợi ích của toàn xã hội. Giai cấp công nhân đại biểu cho lợi ích chung của xã hội.

Chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất không có lợi ích riêng với nghĩa là tư hữu. Nó phấn đấu cho lợi ích chung của toàn xã hội. Nó chỉ tìm thấy lợi ích chân chính của mình khi thực hiện được lợi ích chung cho cả xã hội.

Ở các nước XHCN, giai cấp công nhân thông qua quá trình công nghiệp hóa và thực hiện “một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động” để tăng năng suất lao động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý và phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Trên thực tế, hầu hết các nước XHCN lại ra đời từ phương thức phát triển rút ngắn, bỏ qua chế độ TBCN. Do đó, để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình về nội dung kinh tế, giai cấp công nhân phải đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng LLSX (vốn bị kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ), thúc đẩy LLSX phát triển để tạo cơ sở cho QHSX mới, XHCN ra đời.

CNH là một tất yếu có tính quy luật để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải là lực lượng đi đầu thực hiện CNH, cũng như hiện nay, trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế, yêu cầu mới đặt ra đòi hỏi phải gắn liền CNH với HĐH, đẩy mạng CNH gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

\*Nội dung chính trị - xã hội

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của CNTB, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế và văn hóa, xây dựng nền chính trị dân chủ - pháp quyền, quản lý kinh tế - xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu của CNXH.

\*Nội dung tư tưởng, văn hóa

Thực hiện sứ mệnh của mình, giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động; công bằng; dân chủ; bình đẳng và tự do.

Hệ giá trị mới này là sự phủ định các giá trị tư sản mang bản chất tư sản và phục vụ cho giai cấp tư sản; những tàn dư các giá trị đã lỗi thời, lạc hậu của các xã hội quá khứ.Hệ giá trị mới thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới XHCN sẽ từng bước phát triển và hoàn thiện.

Giai cấp công nhân thực hiện cuộc cách mạng về văn hóa, tư tưởng bao gồm cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội. Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác-Lênin, đấu tranh để khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ. Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới XHCN, đạo đức và lối sống mới XHCN là một trong những nội dung căn bản mà cách mạng XHCN trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng đặt ra đối với sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân hiện đại.

*2.1.2.2. Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

\*Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân xuất phát từ những tiền đề kinh tế - xã hội của sản xuất mang tính xã hội hóa với hai biểu hiện nổi bật là:

Thứ nhất, xã hội hóa sản xuất làm xuất hiện những tiền đề vật chất, thúc đẩy sự phát triển của xã hội, thúc đẩy sự vận động của mâu thuẫn cơ bản trong lòng PTSX TBCN. Sự xung đột giữa tính chất xã hội hóa của LLSX với tính chất chiếm hữu tư nhân TBCN về TLSX là nội dung kinh tế - vật chất của mâu thuẫn cơ bản đó trong CNTB.

Thứ hai, quá trình sản xuất mang tính chất xã hội hóa đã sinh ra giai cấp công nhân và rèn luyện nó thành chủ thể thực hiện sứ mệnh lịch sử. Do mâu thuẫn về lợi ích cơ bản không thể điều hòa giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, nên mâu thuẫn này trở thành động lực chính cho cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội hiện đại.

Giải quyết mâu thuẫn cơ bản về kinh tế và chính trị trong lòng PTSX TBCN chính là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Đó là tính quy định khách quan, yêu cầu khách quan của sự vận động, phát triển của lịch sử từ CNTB lên CNXH và chủ nghĩa cộng sản.

Có sự thống nhất, tác động biện chứng giữa tính quy định khách quan về sứ mệnh lịch sử với nỗ lực chủ quan của chủ thể thực hiện sứ mệnh lịch sử đó. Giai cấp công nhân ở trình độ trưởng thành trong cuộc đấu tranh giai cấp chống CNTB, từ đấu tranh kinh tế (tự phát) đến đấu tranh tư tưởng, lý luận (tự giác, có ý thức hệ tiên tiến chủ đạo) tiến đến trình độ cao nhất là đấu tranh chính trị, có đội tiên phong lãnh đạo là Đảng Cộng sản…thì với tư cách chủ thể, nó thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình một cách tự giác, có tổ chức, có sự liên kết với quần chúng lao động trong dân tộc và quốc tế, với chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân (chủ nghĩa quốc tế vô sản).

\*Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là sự nghiệp cách mạng của bản thân giai cấp công nhân cùng với đông đảo quần chúng và mang lại lợi ích cho đa số

Đây là một cuộc cách mạng của đại đa số mưu lợi ích cho tuyệt đại đa số nhờ việc hướng tới xây dựng một xã hội dựa trên chế độ công hữu những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Sự thống nhất cơ bản về lợi ích của giai cấp công nhân với lợi ích của nhân dân lao động tạo ra điều kiện để đặc điểm quan trọng này về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được thực hiện.

LLSX xã hội hóa cao, ở trình độ phát triển hiện đại và chế độ công hữu sẽ tạo ra cơ sở kinh tế để chấm dứt vĩnh viễn chế độ người bóc lột người.

Giai cấp công nhân chỉ có thể tự giải phóng mình thông qua việc đồng thời giải phóng các giai cấp bị áp bức bóc lột khác, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của nó là Đảng Cộng sản sẽ thực hiện sứ mệnh lịch sử bằng một cuộc cách mạng triệt để không chỉ xóa bỏ sự thống trị áp bức của CNTB mà còn xây dựng thành công chế độ xã hội mới - XHCN và cộng sản chủ nghĩa, tiến tới một xã hội không còn giai cấp. Thực hiện cuộc cách mạng XHCN và cộng sản chủ nghĩa để xây dựng thành công CNXH và CNCS, để xác lập hình thái kinh tế - xã hội CSCN (mà giai đoạn đầu là CNXH) - đó là con đường, phương thức để thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân. Đó là một tiến trình lịch sử lâu dài gắn liền với vai trò, trọng trách lãnh đạo của Đảng Cộng sản đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Xây dựng thành công CNXH và CNCS, đến lúc đó giai cấp công nhân mới hoàn thành được sứ mệnh lịch sử thế giới của mình.

\*Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân không phải là thay thế chế độ sở hữu tư nhân này bằng một chế độ sở hữu tư nhân khác mà là xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Đối tượng xóa bỏ ở đây là sở hữu tư nhân TBCN là nguồn gốc sinh ra những áp bức, bóc lột, bất công trong xã hội hiện đại

Sự xóa bỏ này hoàn toàn bị quy định một cách khách quan từ trình độ phát triển của LLSX.

\*Việc giai cấp công nhân giành lấy quyền lực thống trị xã hội là tiền đề để cải tạo toàn diện, sâu sắc và triệt để xã hội cũ và xây dựng thành công xã hội mới với mục tiêu cao nhất là giải phóng con người

Nếu các cuộc cách mạng trước đây, điển hình là cách mạng tư sản coi việc giành được chính quyền là mục tiêu duy nhất để thực hiện quyền tư hữu thì cuộc cách mạng của giai cấp công nhân nhằm xóa bỏ tình trạng bóc lột, áp bức và nô dịch con người, xóa bỏ sự thống trị của giai cấp tư sản để thực hiện quyền làm chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong chế độ xã hội mới - XHCN và CSCN. Đó là cuộc cách mạng triệt để nhất thực hiện lý tưởng và mục tiêu của CNCS “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người như C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, năm 1848.

### *2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

*2.1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Khẳng định tính tất yếu khách quan sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu rõ: “…Cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đạo huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”.

Điều kiện khách quan quy định vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bao gồm:

Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân quy định.

Giai cấp công nhân là con đẻ, là sản phẩm của nền đại công nghiệp trong PTSX TBCN, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Vì thế, giai cấp công nhân đại diện cho PTSX tiên tiến và LLSX hiện đại.

Nền sản xuất hiện đại với xu thế xã hội hóa cao tạo ra “tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết” (C.Mác) cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Điều kiện khách quan này là nhân tố kinh tế, quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ QHSX TBCN, giành chính quyền về tay mình, chuyển từ giai cấp “tự nó” thành giai cấp “vì nó”. Giai cấp công nhân trở thành đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển LLSX và QHSX TBCN, tạo nên nền tảng vững chắc để xây dựng CNXH với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới, không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.

Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định.

Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng: tính tổ chức và kỉ luật, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội.

Những phẩm chất ấy của giai cấp công nhân được hình thành từ những tiền đề khách quan, được quy định từ địa vị kinh tế và địa vị chính trị - xã hội của nó trong nền sản xuất hiện đại và trong xã hội hiện đại mà giai cấp tư sản và CNTB đã tạo ra một cách khách quan, ngoài ý muốn của nó.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân sở dĩ được thực hiện bởi giai cấp công nhân vì nó là giai cấp cách mạng, đại biểu cho LLSX hiện đại, cho PTSX tiên tiến thay thế PTSX TBCN, xác lập PTSX CSCN, hình thái kinh tế - xã hội CSCN. Giai cấp công nhân là đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử. Đây là đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Hoàn toàn không phải vì nghèo khổ mà mà giai cấp công nhân là một giai cấp cách mạng. Tình trạng nghèo khổ của giai cấp công nhân dưới CNTB là hậu quả của sự bóc lột, áp bức mà giai cấp tư sản và CNTB tạo ra đối với công nhân. Đó là trạng thái mà cách mạng sẽ xóa bỏ để giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng xã hội.

*2.1.3.2. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử*

Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ ra những điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của minh. Đó là:

\*Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng

Thông qua sự phát triển này có thể thấy sự lớn mạnh của giai cấp công nhân cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng của công nghiệp, của kĩ thuật và công nghệ.

Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng của giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Chất lượng giai cấp công nhân phải thể hiện ở trình độ trường thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tức là tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử, do đó giai cấp công nhân phải được giác ngộ về lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Là giai cấp đại diện tiêu biểu cho PTSX tiên tiến, chất lượng giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kĩ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay. Cuộc cách mạng công nghiệp lầ thứ 4 (4.0) đang tác động sâu sắc vào sản xuất, vào quản lý và đời sống xã hội nói chung, đang đòi hỏi sự biến đổi sâu sắc tính chất, phương thức lao động của công nhân, lao động bằng trí óc, bằng năng lực trí tuệ, bằng sức sáng tạo sẽ ngày càng tăng lên, lao động giản đơn, cơ bắp trong truyền thống sẽ giảm dần bởi sự hỗ trợ của máy móc, của công nghệ hiện đại, trong đó có vai trò của công nghệ thông tin. Trình độ học vấn, tay nghề, bậc thợ của công nhân, văn hóa sản xuất, văn hóa lao động đáp ứng yêu cầu của kinh tế trì thức là những thước đo quan trọng về sự phát triển chất lượng của giai cấp công nhân hiện đại.

Chỉ với sự phát triển như vậy về số lượng và chất lượng, đặc biệt về chất lượng thì giai cấp công nhân mới có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình.

\* Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình

-Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo các cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

-Quy luật chung cho sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa CNXH khoa học, tức chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân.

-Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp.

-Đảng Cộng sản đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội. Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở bản chất giai cấp công nhân mà còn ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, với quần chúng lao động đông đảo trong xã hội, thực hiện cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo để giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội.

\*Ngoài hai điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan nêu trên chủ nghĩa Mác-Lênin còn chỉ rõ, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo

Đây cũng là một điều kiện quan trọng không thể thiếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

## 2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của Giai cấp công nhân hiện nay

### *2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay*

Giai cấp công nhân hiện nay là những tập đoàn người sản xuất và dịch vu bằng phương thức công nghiệp tạo nên cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của thế giới hiện nay.

So với giai cấp công nhân truyền thống ở thế kỷ XIX thì giai cấp công nhân hiện nay vừa có những điểm tương đồng vừa có những điểm khác biệt, có những biến đổi mới trong điều kiện lịch sử mới. Cần phải làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt đó theo quan điểm lịch sử - cụ thể của chủ nghĩa Mác-Lênin, mặt khác, cần có những bổ sung, phát triển nhận thức mới về việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.

Thứ nhất, về điểm tương đồng.

Giai cấp công nhân hiện nay vẫn đang là LLSX hàng đầu của xã hội hiện đại. Họ là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại mang tính chất xã hội hóa ngày càng cao. Ở các nước phát triển, có một tỉ lệ thuận giữa sự phát triển của giai cấp công nhân với sự phát triển kinh tế. Lực lượng lao động bằng phương thức công nghiệp chiếm tỷ lệ cao ở mức tuyệt đối ở những nước có trình độ phát triển cao về kinh tế, đó là những nước công nghiệp phát triển (như các nước thuộc nhóm G7). Cũng vì thế, đa số các nước phát triển hiện nay đều thực hiện chiến lược CNH nhằm đẩy nhanh tốc độ, chất lượng và quy mô phát triển. Công nghiệp hóa vẫn là cơ sở khách quan để giai cấp công nhân hiện đại phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng.

Cũng giống như thế kỷ XIX, ở các nước TBCN hiện nay, công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và CNTB bóc lột giá trị thặng dư. QHSX TBCN với chế độ sở hữu tư nhân TBCN sản sinh ra tình trạng bóc lột này vẫn tồn tại. Thực tế đó cho thấy, xung đột về lợi ích cơ bản giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân (giữa tư bản và lao động) vẫn tồn tại, vẫn là nguyên nhân cơ bản, sâu xa của đấu tranh giai cấp trong xã hội hiện đại ngày nay.

Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và CNXH.

Từ những điểm tương đồng đó của công nhân hiện đại so với công nhân thế kỉ XIX, có thể khẳng định: Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn mang giá trị khoa học và cách mạng, vẫn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và quần chúng lao động, chống CNTB và lựa chọn con đường XHCN trong sự phát triển của thế giới ngày nay.

Thứ hai, những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại.

Gắn liền với cách mạng và khoa học công nghệ hiện đại, với sự phát triển kinh tế tri thức, công nhân hiện đại có xu hướng trí tuệ hóa.Tri thức hóa và trí thức hóa công nhân là hai mặt của cùng một quá trình, của xu hướng trí tuệ hóa đối với công nhân và giai cấp công nhân. Trên thực tế đã có thêm nhiều khái niệm mới để chỉ công nhân theo xu hướng này. Đó là “công nhân tri thức”, “công nhân trí thức”, “công nhân áo trắng”, lao động trình độ cao. Nền sản xuất và dịch vụ hiện đại đòi hỏi người lao động phải có hiểu biết sâu rộng tri thức và kỹ năng nghề nghiệp.

Báo cáo phát triển nhân lực của Ngân hàng Thế giới từ đầu thế kỷ XXI (2002) đã nêu rõ: “Tri thức là một động lực cơ bản cho việc gia tăng năng suất lao động và cạnh tranh toàn cầu. Nó là yếu tố quyết định trong quá trình phát minh, sáng kiến và tạo ra của cải xã hội.”

Ngày nay, công nhân được đào tạo chuẩn mực và thường xuyên được đào tạo lại, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong nền sản xuất. Hao phí lao động hiện đại chủ yếu là hao phí về trí lực chứ không còn thuần túy là hao phí sức lực cơ bắp. Cùng với nhu cầu vật chất, nhu cầu về tinh thần và văn hóa tinh thần của công nhân ngày càng tăng, phong phú đa dạng hơn và đòi hỏi chất lượng hưởng thụ tinh thần cao hơn.

Với tri thức và khả năng làm chủ công nghệ, với năng lực sáng tạo trong nền sản xuất hiện đại, người công nhân hiện đại đang có thểm điều kiện vật chất để tự giải phóng. Công nhân hiện đại với trình độ tri thức và làm chủ công nghệ cao, với sự phát triển của năng lực trí tuệ trong kinh tế tri thức, trở thành nguồn lực cơ bản, nguồn vốn xã hội quan trọng nhất trong các nguồn vốn của xã hội hiện đại.

Tính chất xã hội hóa của lao động công nghiệp mang nhiều biểu hiện mới: sản xuất công nghiệp trong thế giới toàn cầu hóa đang mở rộng thành “chuỗi giá trị toàn cầu”. Quá trình sản xuất một sản phẩm liên kết nhiều công đoạn của nhiều vùng, miền, quốc gia, khu vực. Khác với truyền thống, trong nền sản xuất hiện đại dựa trên nền sự phát triển của công nghiệp và công nghệ cao, đã xuất hiện những hình thức liên kết mới như “xuất khẩu lao động tại chỗ”, “làm việc tại nhà”, “nhóm chuyên gia quốc tế”, “quốc tế hóa các tiêu chuẩn sản xuất công nghiệp” (như ISO 9001, 9002). Tính chất xã hội hóa cao của lao động hiện đại ngày càng được mở rộng và nâng cao. LLSX hiện đại đã vượt ra khỏi phạm vi quốc gia - dân tộc và mang tính chất quốc tế, trở thành lực lượng sản xuất của thế giới toàn cầu.

Trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp thế hệ mới (4.0), công nhân hiện đại cũng tăng nhanh về số lượng, thay đổi lớn về cơ cấu trong nền sản xuất hiện đại.

Với các nước XHCN, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp lãnh đạo và Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền. Đó là những biến đổi mới của giai cấp công nhân hiện nay so với giai cấp công nhân thế kỷ XIX.

### *2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai công nhân trên thế giới hiện nay*

*2.2.2.1. Nội dung về kinh tế - xã hội*

Thông qua vai trò của giai cấp công nhân trong quá trình sản xuất với công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo cho phát triển bền vững, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự phát triển xã hội ngày càng thể hiện rõ, bởi sự phát triển sản xuất của CNTB trong thế giới ngày nay với sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động - dịch vụ trình độ cao lại chính là nhân tố kinh tế - xã hội thúc đẩy sự chín muồn các tiền đề của CNXH trong lòng CNTB. Đó lại là điều kiện để phát huy vai trò chủ thể của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và CNXH.

Mặt khác, mâu thuẫn lợi ích cơ bản giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản cũng ngày càng sâu sắc ở từng quốc gia và trên phạm vi toàn cầu. Toàn cầu hóa hiện nay vẫn mang đậm tính chất TBCN với những bất công và bất bình đẳng xã hội lại thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi thế giới, phấn đấu cho việc xác lập một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng, đó là từng bước thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong kinh tế - xã hội.

*2.2.2.2. Về nội dung chính trị - xã hội*

Ở các nước TBCN, mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và lao động là chống bất công và bất bình đẳng xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, được nêu rõ trong cương lĩnh chính trị của các Đảng Cộng sản trong các nước TBCN. Đối với các nước XHCN, nơi các Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền, nội dung chính trị - xã hội của sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kì quá độ lên CNXH, đặc biệt là xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

*2.2.2.3. Về nội dung văn hóa, tư tưởng*

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong điều kiện thế giới ngày nay trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng trước hết là cuộc đấu tranh ý thức hệ. Đó là cuộc đấu tranh giữa CNXH với CNTB. Cuộc đấu tranh này đang diễn ra phức tạp và quyết liệt, nhất là trong nền KTTT phát triển với những tác động mặt trái của nó. Mặt khác, khi hệ thống XHCN thế giới tan rã, phong trào cách mạng thế giới đang phải vượt qua những thoái trào tạm thời thì niềm tin vào lý tưởng XHCN cũng đứng trước những thử thách càng làm cho cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận giữa CNTB với CNXH trở nên phức tạp và gay gắt hơn.

Song các giá trị đặc trưng cho bản chất khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân, của CNXH vẫn mang ý nghĩa chỉ đạo, định hướng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng lao động chống CNTB và lựa chọn con đường XHCN cho sự phát triển của xã hội.

Các giá trị như lao động, sáng tạo, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do vẫn là những giá trị được nhân loại thừa nhận và phấn đấu thực hiện. Trên thực tế, các giá trị mà nhân loại hướng tới đều tương đồng với các giá trị lý tưởng, mục tiêu của giai cấp công nhân.

Không chỉ ở các nước XHCN mà ở nhiều nước TBCN cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vì những giá trị cao cả đó đã đạt được nhiều tiến bộ xã hội quan trọng.

Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu của CNXH cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chính là nội dung của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay về văn hóa tư tưởng.

## 2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

### *2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam*

Tại Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ướng khóa X, Đảng ta đã xác định: Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Giai cấp công nhân ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau đây:

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản vào đầu thế kỷ XX, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân và bè lũ tay sai của chúng. Giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm vì sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, dưới ách thống trị của thực dân Pháp.

- Trực tiếp đối kháng với tư bản Pháp, trong cuộc đấu tranh chống tư bản thực dân đế quốc và phong kiến để giành độc lập, chủ quyền, xóa bỏ ách bóc lột và thống trị thực dân , giai cấp công nhân đã tự thể hiện mình là lực lượng chính trị tiên phong để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân và phong kiến thống trị, mở đường cho sự phát triển của dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản. Giai cấp công nhân Việt Nam không chỉ thể hiện đặc tính cách mạng của mình ở ý thức giai cấp và lập trường chính trị mà còn thể hiện tinh thần dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, với dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết và bất khuất chống xâm lược.

Tuy số lượng giai cấp công nhân Việt Nam khi ra đời còn ít, những đặc tính của công nhân với tư cách là sản phẩm của đại công nghiệp chưa thật đầy đủ, lại sinh trưởng trong một xã hội nông nghiệp còn mang nhiều tàn dư của tâm lý tiểu nông nhưng giai cấp công nhân Việt Nam sớm được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng chống thực dân đế quốc nên đã trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị của giai cấp, sớm giác ngộ lí tưởng, mục tiêu cách mạng, tức là giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, nhất là từ khi Đảng ra đời. Lịch sử đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và của Đảng cũng như của phong trào công nhân Việt Nam do Đảng lãnh đạo gắn liền với lịch sử và truyền thống đấu tranh của dân tộc, nổi bật ở truyền thống yêu nước và đoàn kết đã cho thấy giai cấp công nhân Việt Nam trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, với Đảng Cộng sản với lý tưởng, mục tiêu cách mạng độc lập dân tộc và CNXH. Giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để và là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản.

- Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp trong xã hội. Lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc gắn chặt với nhau, tạo thành động lực thúc đẩy đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc trong mọi thời kì đấu tranh cách mạng, từ cách mạng giải phóng dân tộc đế cách mạng XHCN, trong xây dựng CNXH và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Đại bộ phận công nhân Việt Nam xuất thân từ nông dân và các tầng lớp lao động khác, cùng chung lợi ích, cùng chung nguyện vọng và khát vọng đấu tranh cho độc lập tự do, để giải phóng dân tộc và phát triển dân tộc Việt Nam, hướng đích tới CNXH nên giai cấp công nhân Việt Nam có mối liên hệ tự nhiên, chặt ché với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động trong xã hội. Đặc điểm này tạo ra thuận lợi để giai cấp công nhân xây dựng khối liên minh giai cấp với giai cấp nông dân, với đội ngũ trí thức làm nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó cũng là cơ sở xã hội rộng lớn để thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, trước đay cũng như hiện nay.

Những đặc điểm nêu trên bắt nguồn từ lịch sử hình thành và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam với cơ sở kinh tế - xã hội và chính trị ở đầu thế kỷ XX.

Ngày nay, nhất là trong hơn 30 đổi mới vừa qua, những đạc điểm đó của giai cấp công nhân đã có những biến đổi do tác động của tình hình kinh tế - xã hội trong nước và những tác động của tình hình quốc tế và thế giới. Bản thân giai cấp công nhân Việt Nam cũng có những biến đổi từ cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, trình độ học vấn và tay nghề bậc thợ, đến đời sống, lối sống, tâm lý ý thức. Đội tiên phong của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản đã có một quá trình trưởng thành, trở thành Đảng cầm quyền, duy nhất cầm quyền ở Việt Nam, đang nỗ lực tự đổi mới, tự chỉnh đốn để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng ngang tầm nhiệm vụ.

Có thể nói tới những biến đổi đó trên những nét chính sau đây:

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đấu trong sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.

- Công nhân tri thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến, và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội, là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

Trong môi trường kinh tế - xã hội đổi mới, trong đà phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp lần thứ 4, giai cấp công nhân Việt Nam đứng trước thời cơ phát triển và những thách thức nguy cơ trong phát triển.

- Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, cùng với việc xây dựng, phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh, hiện đại, phải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền phải thật sự trong sạch vững mạnh. Đó là điểm then chốt để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ở Việt Nam.

### *2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay*

Trong thời kì đổi mới, Đảng ta đã xác định vai trò của giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử to lớn của giai cấp công nhân ở nước ta.

“Trong thời kì đổi mới, giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho PTSX tiên tiến, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng CNXH, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng” .

Để thực hiện sứ mệnh lịch sử to lớn đó, giai cấp công nhân Việt Nam phát huy vai trò của một giai cấp tiên phong, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể thuộc nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

*\*Về kinh tế*

Giai cấp công nhân Việt Nam với số lượng đông đảo công nhân có cơ cấu ngành nghề đa dạng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ công nghiệp ở mọi thành phần kinh tế, với chất lượng ngày một nâng cao về kĩ thuật và công nghệ sẽ là nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền KTTT hiện đại, định hướng XHCN, lấy khoa học - công nghệ làm động lực quan trọng, quyết định tăng năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thực hiện hài hòa lợi ích cá nhân - tập thể và xã hội.

Giai cấp công nhân phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Đây là vấn đề nổi bật nhất đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay. Thực hiện thắng lợi mục tiêu CNH, HĐH, làm cho nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có nền công nghiệp hiện đại, định hướng XHCN trong một, hai thập kỉ tới, với tầm nhìn tới giữa thế kỷ XXI (2050) đó là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân mà giai cấp công nhân là nòng cốt. CNH, HĐH ở Việt Nam phải gắn liền với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tham gia vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, giai cấp công nhân có điều kiện khách quan thuận lợi để phát triển cả số lượng và chất lượng, làm cho những phẩm chất của giai cấp công nhân hiện đại được hình thành và phát triển đầy đủ trong môi trường xã hội hiện đại, với phương thức lao động công nghiệp hiện đại. Đó còn là điều kiện làm cho giai cấp công nhân Việt Nam khắc phục được những nhược điểm, hạn chế vốn có do hoàn cảnh lịch sử và nguồn gốc xã hội sinh ra (tâm lý tiểu nông, lối sống nông dân, thói quen, tập quán lạc hậu từ truyền thống xã hội nông nghiệp cổ truyền thâm nhập vào công nhân).

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên lĩnh vực kinh tế gắn liền với việc phát huy vai trò của giai cấp công nhân, của công nghiệp, thực hiện khối liên minh công - nông - trí thức để tạo ra những động lực phát triển nông nghiệp - nông thôn và nông dân ở nước ta theo hướng phát triển bền vững, hiện đại hóa, chủ động hội nhập quốc tế, nhất là hội nhập kinh tế quốc tế, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái. Như vậy, đẩy mạnh CNH, HĐH là một quá trình tạo ra sự phát triển và trưởng thành không chỉ đối với giai cấp công nhân mà cón đối với nông dân, tạo ra nội dung mới, hình thức mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả khối liên minh công - nông - trí thức ở nước ta.

*\*Về chính trị - xã hội*

Cùng với nhiệm vụ giữa vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thì nhiệm vụ “Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” là những nội dung chính yếu, nổi bật thể hiện sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân về phương diện chính trị - xã hội. Thực hiện trọng trách đó, đội ngũ cán bộ đảng viên trong giai cấp công nhân phải nêu cao trách nhiệm tiên phong, đi đầu, góp phần củng cố và phát triển cơ sở chính trị - xã hội quan trọng của Đảng đồng thời giai cấp công nhân (thông qua hệ thống tổ chức công đoàn) chủ động, tích cực tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thực sự tỏng sạch, vững mạnh, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN để bảo vệ nhân dân - đó là trọng trách lịch sử thuộc về sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

*\*Về văn hóa tư tưởng*

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc có nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới XHCN, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị và con người Việt Nam, hoàn thiện nhân cách - Đó là nội dung trực tiếp về văn hóa tư tưởng thể hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, trước hết là trọng trách lãnh đạo của Đảng. Giai cấp công nhân còn tham gia vào cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng lý luận để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên định lý tưởng, mục tiêu và con đường cách mạng độc lập dân tộc và CNXH. Muốn thực hiện được sứ mệnh lịch sử này, giai cấp công nhân Việt Nam phải thường xuyên giáo dục cho các thế hệ công nhân và lao động trẻ em ở nước ta về ý thức giai cấp, bản lĩnh chính trị, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa giai cấp công nhân với dân tộc, đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Đó là sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong thời đại Hồ Chí Minh.

### *2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nam*

*2.3.3.1. Phương hướng*

Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN là: Đối với giai cấp công nhân, phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Giải quyết việc làm, giảm tối đa số công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt chính sách và pháp luật đối với công nhân và lao động, như Luật Lao động, Luật Công đoàn, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, chăm sóc, phục hồi sức khỏe đối với công nhân; có chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao. Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế… Chăm lo đào tạo cán bộ và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú.

Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng ta đã ra Nghị quyết về: Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kì đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”, trong đó nhấn mạnh: “... xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế; thực hiện sứ mệnh lịch của của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam…Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, phát triển nhan về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng yêu cấu phát triển đất nước; ngày càng được trí thức hóa: có trình độ học vấn, chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế;…có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII khẳng định: “Coi trọng giữ vững bản chất giai cấp công nhân và các nguyên tắc sinh hoạt của Đảng”1. Đồng thời, “Chú trọng xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp công nhân, giai cấp nông nhân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới”2. Vì vậy, Đảng và Nhà nước phải “quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân; bảo đảm việc làm, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ cho công nhân; sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân”3

*2.3.3.2. Một số giải pháp chủ yếu*

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kì mới cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, nâng cao nhận thức kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, CNH, HĐH đất nước.

Hai là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức và doanh nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò giai cấp công nhân trong khối đại đoàn kết dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước; đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

Ba là, thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, CNH, HĐH đất nước, hội nhập quốc tế. Xử lí đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực tiễn tiến bộ và công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hóa lợi ích giữa công nhân, sử dụng người lao động, Nhà nước và toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.



1Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện ĐH toàn quốc lầm thứ XII, Nxb. CTQG-ST, Hà Nội, 2016, Tr.186.

2Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện ĐH toàn quốc lầm thứ XII, Nxb. CTQG-ST, Hà Nội, 2016, Tr.37-38.

3Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện ĐH toàn quốc lầm thứ XII, Nxb. CTQG-ST, Hà Nội, 2016, Tr.160.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ, có học vấn, chuyên môn và kĩ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

Năm là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóp góp tích cực của người sử dụng lao động. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân.

**NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN**

1. Nêu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

2. Trình bày những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

3. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thế giới hiện nay?

4. Phân tích những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay?

5. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam?

# CHƯƠNG 3

# CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN

# CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

**MỤC ĐÍCH CỦA CHƯƠNG**

*- Kiến thức:* Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội CSCN, về CNXH, thời kỳ quá độ lên CNXH và quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở Việt Nam.

*- Kỹ năng:* Giúp người học bước đầu có khả năng vận dụng những nội dung bài học vào phân tích, giải đáp những vấn đề thực tiễn liên quan đến CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam.

*- Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Khẳng định niềm tin vào định hướng XHCN của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng, lãnh đạo; tham gia vào phê phán những quan điểm sai trái thù địch phủ nhận con đường đi lên CNXH ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

**NỘI DUNG BÀI GIẢNG**

## 3.1. Chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận theo bốn nghĩa:

1) Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống giai cấp thống trị;

2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công;

3) Là một khoa học - CNXH khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp cấp nhân, khoa học về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình chuyển biến từ CNTB lên CNCS mà giai đoạn đầu là CNXH, được xem là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin;

4) Là một chế độ xã hội hiện thực tốt đẹp, xã hội XHCN, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội CSCN.

### *3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.*

Các nhà sáng lập CNXH khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen khi nghiên cứu lịch sử phát triển của xã hội loài người, nhất là lịch sử xã hội tư bản đã xây dựng nên học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội. Học thuyết vạch rõ những qui luật cơ bản của vận động xã hội, chỉ ra phương pháp khoa học để giải thích lịch sử. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác, không chỉ làm rõ những yếu tố cấu thành hình thái kinh tế - xã hội mà còn xem xét xã hội trong quá trình biến đổi và phát triển không ngừng.

Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội do C.Mác và Ph.Ăngghen khởi xướng được V.I.Lênin bổ sung, phát triển và hiện thực hoá trong công cuộc xây dựng CNXH ở nước Nga Xô viết, trở thành học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, tài sản vô giá của nhân loại.

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin, đã chỉ ra tính tất yếu sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội TBCN bằng hình thái kinh tế - xã hội CSCN, đó là quá trình lịch sử - tự nhiên. Sự thay thế này được thực hiện thông qua cách mạng XHCN xuất phát từ hai tiền đề vật chất quan trọng nhất là sự phát triển của LLSX và sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin đã cung cấp những tiêu chuẩn duy vật, khoa học cho sự phân kỳ lịch sử, trong đó có sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội CSCN.

Khi phân tích hình thái kinh tế - xã hội CSCN, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, hình thái kinh tế - xã hội CSCN phát triển từ thấp lên cao qua hai giai đoạn, giai đoạn thấp - XHCN và giai đoạn cao - CSCN; giữa xã hội TBCN và xã hội CSCN là thời kỳ quá độ lên CNCS. Trong tác phẩm “Phê phán cương lĩnh Gôta” (1875), C.Mác đã cho rằng: Giữa xã hội TBCN và xã hội CSCN là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản. Khẳng định quan điểm của C.Mác, V.I.Lênin cho rằng: Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa CNTB và CNCS, có một thời kỳ quá độ nhất định.

Về xã hội của thời kỳ quá độ, C.Mác cho rằng đó là xã hội vừa thoát thai từ xã hội TBCN, xã hội chưa phát triển trên cơ sở của chính nó còn mang nhiều dấu vết của xã hội cũ để lại: Cái xã hội mà chúng ta nói ở đây không phải là một xã hội CSCN đã phát triển trên cơ sở của chính nó, mà trái lại là một xã hội CSCN vừa thoát thai từ xã hội TBCN, do đó là một xã hội về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lọt lòng ra.

Từ thực tiễn nước Nga, V.I.Lênin cho rằng, đối với những nước chưa có CNTB phát triển cao cần phải có thời kỳ quá độ khá lâu dài từ CNTB lên CNXH.

Như vậy, về mặt lý luận và thực tiễn, thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNCS, được hiểu theo hai nghĩa:

Thứ nhất, đối với các nước chưa trải qua CNTB phát triển, cần thiết phải có thời kỳ quá độ khá lâu dài từ CNTB lên CNXH - những cơn đau đẻ kéo dài;

Thứ hai, đối với những nước đã trải qua CNTB phát triển, giữa CNTB và CNCS có một thời kỳ quá độ nhất định, thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia, thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNCS.

### *3.1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội*

Bằng lý luận hình thái kinh tế - xã hội, C.Mác đã đi sâu phân tích, tìm ra qui luật vận động của hình thái kinh tế - xã hội TBCN, dự báo khoa học về sự ra đời và tương lai của hình thái kinh tế - xã hội CSCN. V.I.Lênin cho rằng: C.Mác xuất phát từ chỗ, CNCS hình thành từ CNTB, phát triển lên từ CNTB, là kết quả tác động của một lực lượng xã hội do CNTB sinh ra - giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại.

*\*Điều kiện kinh tế*

Các nhà sáng lập CNXH khoa học, đã thừa nhận vai trò to lớn của CNTB khi khẳng định: Sự ra đời của CNTB là một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển mới của nhân loại. Nhờ những bước tiến to lớn của LLSX, biểu hiện tập trung nhất là sự ra đời của công nghiệp cơ khí (cách mạng công nghiệp lần thứ 2), CNTB đã tạo ra bước phát triển vượt bậc của LLSX. Trong vòng chưa đầy một thế kỷ, CNTB đã tạo ra được một LLSX nhiều hơn và đồ sộ hơn LLSX mà nhân loại tạo ra đến lúc đó. Tuy nhiên, các ông cũng chỉ ra rằng, trong xã hội TBCN, LLSX càng được cơ khí hóa, hiện đại hóa càng mang tính xã hội hóa cao, thì càng mâu thuẫn với QHSX TBCN dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN. QHSX từ chỗ đóng vai trò mở đường cho LLSX phát triển, thì ngày càng trở nên lỗi thời, xiềng xích của LLSX.

*\*Điều kiện chính trị - xã hội*

Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của LLSX với chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN đối với tư liệu sản xuất, trở thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản của CNTB, biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại với giai cấp tư sản lỗi thời. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản xuất hiện ngay từ đầu và ngày càng trở nên gay gắt và có tính chính trị rõ rệt.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen chính sự phát triển của PTSX TBCN đến một lúc nào đó sẽ tạo ra tiền đề để xóa bỏ nó. Tiền đề đó chính là sự ra đời và phát triển của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh “đào mồ” chôn CNTB. Sự trưởng thành của giai cấp công nhân được đánh dấu bằng sư ra đời của Đảng cộng sản, đội tiền phong của giai cấp công nhân, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản thông qua cuộc cách mạng vô sản.

Cách mạng vô sản là cuộc cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, trên thực tế được thực hiện bằng con đường bạo lực cách mạng nhằm lật đổ chế độ TBCN, thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, thực hiện sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội XHCN và CSCN. Tuy nhiên, cách mạng vô sản, về mặt lý thuyết cũng có thể được tiến hành bằng con đường hòa bình, nhưng vô cùng hiếm, quí và trên thực tế chưa xảy ra.

Do tính sâu sắc và triệt để, cách mạng vô sản chỉ có thể thành công, hình thái kinh tế - xã hội CSCN chỉ có thể được thiết lập và phát triển trên cơ sở của chính nó, một khi tính tích cực chính trị của giai cấp công nhân được khơi dậy và phát huy trong liên minh với các giai cấp và tầng lớp những người lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

### *3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội*

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, CNXH với tính cách là một chế độ xã hội ra đời và tồn tại ở giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội CSCN. Đó là một xã hội tiến bộ, ưu việt, là quá trình lịch sử tự nhiên phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử xã hội loài người. Do đó, so với các xã hội đã từng tồn tại trong lịch sử, CNXH có một số đặc trưng cơ bản sau:

Một là, cơ sở vật chất của CNXH phải được tạo ra bởi một nền sản xuất tiên tiến, hiện đại. Đây được coi là đặc trưng cơ bản nhất trong số các đặc trưng của CNXH. Theo V.I.Lênin, cuộc cách mạng XHCN về thực chất là cuộc cách mạng trong lĩnh vực kinh tế nên CNXH phải có một nền kinh tế phát triển cao hơn so với CNTB trước đó. Trên thực tế, trước khi CNXH ra đời từ các nước TBCN thì bản thân nền kinh tế ở một số nước TBCN cũng đã đạt tới trình độ xã hội hóa rất cao. Tuy nhiên, mặc dù có nền kinh tế phát triển với trình độ cao nhưng CNTB chưa đủ khả năng tạo ra sự thịnh vương cho toàn xã hội bởi những mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội tư bản đã không cho phép giai cấp tư sản tạo ra điều đó. CNXH với mục tiêu hướng đến sự thịnh vượng và đáp ứng nhu cầu về phúc lợi ngày càng cao cho toàn thể nhân dân thì càng không có cách nào khác là phải tạo ra một LLSX có trình độ cao hơn hẳn LLSX TBCN. Do đó chỉ khi CNXH tạo ra được một nền sản xuất công nghiệp hiện đại, với năng suất lao động ngày càng tăng, số lượng của cải vật chất tạo ra ngày càng nhiều thì mới có khả năng đảm bảo đáp ứng những nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội cho toàn dân.

Tuy vậy, cũng theo chủ nghĩa Mác-Lênin, đối với một số quốc gia đi lên CNXH xuất phát từ một nền kinh tế tư bản phát triển trung bình hoặc “bỏ qua chế độ TBCN” thì việc tạo ra một nền kinh tế có trình độ phát triển cao trong một thời gian ngắn không phải là dễ dàng. Điều đó, đòi hỏi các đảng cộng sản và công nhân tại các quốc gia này phải biết cách sử dụng “các bước đi quá độ” thích hợp, trong đó không loại trừ khả năng sử dụng và tiếp tục duy trì các quan hệ kinh tế TBCN ngay trong lòng chế độ XHCN (V.I.Lênin gọi là sử dụng hình thức “CNTB nhà nước” để phát triển theo định hướng XHCN) trong một giai đoạn nhất định (gọi là thời kỳ quá độ) để tạo ra bước đột phá cho việc tạo ra một LLSX tiến tiến ở các giai đoạn tiếp theo.

Hai là, CNXH từng bước xóa bỏ chế độ sở hữu TBCN đồng thời tiến hành thiết lập chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân tiến tới thiết lập chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất là đặc điểm nổi bật của chế độ XHCN về kinh tế. Bởi đây là điều kiện tiên quyết để giải phóng người lao động ra khỏi các quan hệ bóc lột TBCN, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để thực hiện tổ chức quản lý sản xuất và thực hiện phân phối công bằng trong chế độ mới. C.Mác và Ph.Ăngghen cũng lưu ý việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân TBCN để thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới CNXH không hoàn toàn đồng nghĩa với việc xóa bỏ sở hữu cá nhân dưới CNXH. Điều đó có nghĩa là: CNXH xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân nhưng quyền sở hữu cá nhân vẫn được tôn trọng.

Mặc dù thừa nhận việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân để thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới CNXH, song C.Mác và Ph.Ăngghen cũng cho rằng: do chế độ sở hữu tư nhân TBCN từ lâu vốn là một trong những động lực quan trọng cho nền kinh tế TBCN nên việc xóa bỏ nó ngay lập tức là không thể mà phải trải qua một quá trình rất khó khăn và lâu dài trong hiện thực. V.I.Lênin cho rằng: Trong “giai đoạn thấp của xã hội CSCN”, chưa thể thực hiện công bằng, bình đẳng, về mặt của cải thì vẫn còn chênh lệch, nhưng tình trạng người áp bức bóc lột người không còn nữa vì những tư liệu sản xuất chủ yếu đã được sở hữu thuộc về xã hội. Đặc biệt, đối với các quốc gia trong quá trình đi lên CNXH với xuất phát điểm của nền kinh tế còn ở trình độ thấp thì việc thiết lập ngay chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chưa thể thực hiện ngay. Thậm chí, trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ có thể thực hiện chế độ kinh tế nhiều thành phần. Tất nhiên, việc thực hiện chế độ kinh tế đa sở hữu chỉ là bước phát triển tạm thời để tiến tới chế độ công hữu dưới CNXH khi đủ điều kiện chín muồi.

Thứ ba, CNXH tạo ra cách thức tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới với năng suất cao. Khi đạt tới xã hội XHCN, tư liệu sản xuất đã mang tính xã hội hóa cao, không còn chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đòi hỏi việc tổ chức vận hành và quản lý nền sản xuất mới này phải hết sức khoa học, chặt chẽ và hiệu quả cao nếu không sẽ tạo ra một sự lãng phí nguồn lực và suy giảm về động lực thúc đẩy phát triển dưới CNXH. Muốn vậy, CNXH cần phải tạo ra một cách thức tổ chức lao động và kỷ luật mới cho người lao động với năng suất cao. Quan niệm về kỷ luật lao động mới không đồng nghĩa với việc tăng cường khả năng, kiểm tra, kiểm soát đối với người lao động. Trái lại, cách thức lao động mới của người lao động dưới CNXH dựa trên tinh thần hăng say, tự giác và sáng tạo. Mặt khác, quá trình tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới phải tạo ra cho người lao động hiểu rằng: lao động của họ giờ đây không còn là sự cưỡng bức hay lao động “tự tha hóa”. Trái lại, hoạt động lao động trong xã hội mới đối với mỗi người giờ đây thực sự là lao động “vì mình”, lao động “cho mình”, lao động là vinh quang.

Tuy nhiên, để có được cách tổ chức lao động mới với ý nghĩa lao động tự giác sáng tạo đối với bản thân mỗi người lao động thì cần phải thực hiện chế độ kiểm kê, kiểm soát toàn dân. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với việc tổ chức quản lý và vận hành nền kinh tế trong giai đoạn đầu của CNXH.

Nghiên cứu thực tiễn xây dựng CNXH ở nước Nga vào những năm đầu tiên của cuộc cách mạng cho thấy ngay sau khi kết thúc cuộc nội chiến nước Nga bắt tay vào xây dựng CNXH với rất nhiều khó khăn về kinh tế. Với mục tiêu một mặt vừa đưa nước Nga khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế, nhưng khác tiếp tục định hướng cho nền kinh tế của nước Nga phát triển theo con đường XHCN, V.I.Lênin đã vận dụng triệt để cách thức tổ chức quản lý và kỷ luật lao động mới đối với người lao động Nga. Đề ra các nguyên tắc nhằm kiểm kê, kiểm soát toàn dân đối với sản xuất và phân phối sản phẩm là một hình thức của sự quá độ, là cái giữ cho xã hội không đi chệch khỏi con đường XHCN trong điều kiện thực hiện CNTB nhà nước. Rõ ràng là nhờ việc áp dụng cách thức tổ chức và kỷ luật lao động mới trong trong điều kiện cụ thể của cách mạng Nga của V.I.Lênin đã đưa nền kinh tế Nga sau này là Liên Xô trở thành một trong những nền kinh tế có tính ưu việt nhất của nhân loại trong những năm thuộc nửa đầu của thế kỷ 20.

Như vậy, CNXH sẽ tạo ra một năng suất lao động cao hơn con người nhờ việc đưa ra một hình thức tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới. Hình thức tổ chức lao động và kỷ luật lao động đó được vận dụng hết sức linh hoạt dựa trên nguyên tắc tự giác, tự nguyện song có sự kiểm kê, kiểm soát toàn dân đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm đảm bảo lợi ích của đa số người lao động.

Bốn là, CNXH thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Trong giai đoạn XHCN nền sản xuất chưa phát triển đến mức đủ sức thỏa mãn nhu cầu của tất cả mọi thành viên trong xã hội nên nguyên tắc phân phối của cải trong xã hội chủ yếu dựa vào lao động với khẩu hiệu: "làm theo năng lực, hưởng theo lao động". Phân phối theo lao động là hình thức phân phối căn bản của CNXH, là nguyên tắc phân phối chủ yếu thích hợp nhất với các thành phần kinh tế dựa trên chế độ sở hữu công hữu về tư liệu sản xuất. Do đó dựa trên cơ sở của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất mà chế độ người bóc lột người bị xoá bỏ. Người lao động làm chủ những tư liệu sản xuất nên tất yếu cũng làm chủ phân phối theo thu nhập. Lao động đang trở thành cơ sở quyết định địa vị và phúc lợi vật chất của mỗi người. Theo V.I.Lênin, phân phối theo lao động là cách thức phân phối trong giai đoạn thấp của xã hội CSCN. Cách thức phân phối theo lao động là thích hợp nhất với CNXH, bởi vì nó được dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Dưới CNXH việc thực hiện tốt phân phối theo lao động sẽ có nhiều tác dụng to lớn đối với xã hội và bản thân người lao động. Bởi lẽ nó đáp ứng được những đòi hỏi cấp bách của sự công bằng xã hội, nó kết hợp chặt chẽ lợi ích của sản xuất xã hội với lợi ích của từng cá nhân lao động. Nó khuyến khích người lao động đi sâu vào nghề nghiệp chuyên môn làm cho đội ngũ lao động lành nghề ngày càng đông đảo. Điều đó còn thúc đẩy người lao động ra sức học tập văn hoá kỹ thuật, góp phần làm cho sự khác biệt giữa lao động trí óc và lao động bằng chân tay bị xoá bỏ dần. Tạo điều kiện cho việc phân bổ và sử dụng nguồn sức lao động được ổn định trong cả nước đảm cho sản xuất xã hội cân bằng và có kế hoạch. Thêm vào đó nó góp phần giáo dục về quan điểm, thái độ và kỷ luật lao động đối với mỗi thành viên xã hội. Nó làm cho bản thân người lao động vì lợi ích vật chất của mình mà quan tâm đến kết quả lao động của mình, từ đó ra sức mà đẩy mạnh sản xuất.

Về cơ bản nguyên tắc phân phối theo lao động đã thể hiện được tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội về tính nhân văn, công bằng giữa người với người trong xã hội. Tuy nhiên, để thực hiện được nguyên tắc này một cách có hiệu quả cần có một sự nhận thức toàn diện và phấn đấu lâu dài. Đặc biệt, trong giai đoạn đầu của CNXH (thời kỳ quá độ) còn tồn tại nhiều mối quan hệ giai cấp, tầng lớp và những thành phần kinh tế khác nhau nên việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động phải hết sức linh hoạt, không máy móc hoặc cào bằng. Ngoài hình thức phân phối theo lao động là cơ bản, một số hình thức phân phối khác có thể vẫn được kết hợp sử dụng như phân phối theo phúc lợi xã hội, phân phối dựa vào mức đóng góp vốn (cổ phần, cổ phiếu…), khả năng cống hiến cho cộng đồng xã hội, v.v..

Năm là, nhà nước dưới CNXH là nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, nhưng cũng đồng thời mang tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc

- Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, giai cấp công nhân sau khi nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình đã đứng lên tập hợp các giai cấp và tầng lớp lao động tiến hành đấu tranh “lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền”. Bước tiếp theo, giai cấp vô sản dùng sự thống trị của mình để từng bước đoạt lấy tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất đó vào trong tay nhà nước, tiến hành tổ chức xây dựng xã hội mới - xã hội XHCN.

Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin dưới CNXH nhà nước vẫn còn tồn tại nhưng đó không phải là nhà nước của giai cấp thống trị, bóc lột mà là nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Cũng giống như các nhà nước trong lịch sử, nhà nước XHCN sinh ra trước hết là nhằm thực hiện các chức năng thống trị chính trị của giai cấp công nhân, là một tổ chức thông qua đó đảng của giai cấp công nhân thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội. Nhà nước XHCN là một tổ chức chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng dựa trên cơ sở kinh tế của CNXH. Do đó, nhà nước XHCN là một nhà nước kiểu mới thay thế nhà nước tư sản nhờ kết quả của cuộc cách mạng XHCN; là hình thức chuyên chính của giai cấp vô sản được thực hiện trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Nhà nước mang tính nhân dân rộng rãi. Nhà nước XHCN được sinh ra trước hết nhằm bảo vệ cho lợi ích thống trị của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, lợi ích của giai cấp công nhân cũng thống nhất với lợi ích của đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động khác trong tiến trình cách mạng XHCN nên nhà nước XHCN cũng được coi là nhà nước của nhân dân lao động. Với tư cách là một trong những tổ chức cơ bản nhất của hệ thống chính trị XHCN, nhà nước XHCN là tổ chức thể hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhà nước XHCN là công cụ quản lý do chính đảng của giai cấp cộng nhân lãnh đạo nhân dân tổ chức ra nhằm thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân.

Với tư cách là một nhà nước mang tính nhân dân rộng rãi, nhà nước XHCN vừa là cơ quan quyền lực, vừa là bộ máy hành chính, vừa là tổ chức quản lý kinh tế, văn hóa xã hội của nhân dân. Là hình thức biểu hiện tập trung và tiêu biểu nhất của nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN không chỉ là nơi tập hợp được quần chúng nhân dân lao động và lôi cuốn họ tham gia sinh hoạt chính trị, mà còn là nơi để quần chúng nhân dân tham gia quản lý đất nước, quản lý xã hội.

Nhà nước mang tính dân tộc sâu sắc. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, trong tiến trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc… thì nhà nước XHCN - nhà nước của giai cấp công nhân cũng đồng thời mang tính dân tộc sâu sắc. Trong nhà nước XHCN, lợi ích của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích dân tộc. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nhà nước XHCN không chỉ bảo vệ lợi ích giai cấp mà còn phải biết bảo vệ lợi ích dân tộc, biết giải quyết các vấn đề giai cấp từ các vấn đề dân tộc.

Đặc biệt, trong thế giới đa cực phức tạp như hiện nay, các mối quan hệ giai cấp, dân tộc và quốc tế đan xen phức tạp đòi hỏi nhà nước XHCN phải xem xét một cách biện chứng linh hoạt. Tuy nhiên, theo V.I.Lênin việc tiếp cận và giải quyết vấn đề dân tộc của nhà nước XHCN trong mọi trường hợp cần phải đứng vững trên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân.

Sáu là, mục tiêu cao nhất của CNXH giải phóng và phát triển con người toàn diện. Là một trong những học thuyết triết học vĩ đại nhất trong lịch sử tư tưởng nhân loại, ngay từ khi mới ra đời học thuyết Mác đã đặt ra mục tiêu của cuộc cách mạng XHCN như Ph.Ăngghen khẳng định là đấu tranh để giải phóng con người, tạo ra bước nhảy của con người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do, là làm cho con người, cuối cùng làm chủ tồn tại xã hội của chính mình, thì cũng do đó làm chủ tự nhiên, làm chủ cả bản thân mình trở thành người tự do. Để đạt được mục tiêu tổng quát đó, chủ nghĩa Mác-Lênin đề ra mục tiêu cụ thể của cuộc cách mạng XHCN là phải đấu tranh xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này đi bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ. Đấu tranh giải phóng con người phải được thể hiện trên các nội dung cụ thể như giải phóng con người (cụ thể là đa số quần chúng nhân dân lao động) khỏi sự áp bức về chính trị, về kinh tế và đời sống văn hóa. Chỉ khi được giải phóng hoàn toàn trên các phương diện đó, con người mới thực sự hoàn toàn có được cuộc sống tự do.

Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, CNXH chính là đích đến của những con người tự do. Dưới CNXH, các quan hệ áp bức, bóc lột và bất công hoàn toàn được xóa bỏ, nhân dân lao động thực sự được giải phóng và tham gia làm chủ trong các quan hệ chính trị, kinh tế và văn hóa. Ph.Ăngghen cho rằng, dưới CNXH và CNCS: Sản xuất ngày càng phát triển, tính chất xã hội hoá của nền sản xuất ngày càng tăng và sự phát triển mới của nền sản xuất xã hội, do các sự phát triển trên đem lại sẽ cần đến những con người hoàn toàn mới, những con người có năng lực phát triển toàn diện, đủ sức tinh thông toàn bộ hệ thống sản xuất. Chính nền sản xuất xã hội đó sẽ tạo nên những con người mới, các thành viên trong xã hội có khả năng sử dụng toàn diện năng lực phát triển toàn diện của mình.

Theo Ph.Ăngghen: mục đích cao cả của sự phát triển XHCN là phát triển con người toàn diện, nâng cao năng lực và phẩm giá con người, giải phóng con người về mặt xã hội. Do đó, chỉ có CNXH và CNCS mới làm cho sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

## 3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

### *3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ rõ: Lịch sử xã hội đã, đang và sẽ trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội: Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, TBCN và CSCN. So với các hình thái kinh tế - xã hội đã xuất hiện trong lịch sử, hình thái kinh tế - xã hội CSCN có sự khác biệt về chất, trong đó không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành người tự do... Bởi vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, từ CNTB lên CNXH tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ chính trị. C.Mác khẳng định: “Giữa xã hội TBCN và xã hội CSCN là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia, tương ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị và nhà nước của thời kỳ ấy, không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”1. V.I.Lênin khẳng định: Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa CNTB và CNCS, có một thời kỳ quá độ nhất định. Khẳng định tính tất yếu của thời kỳ quá độ, đồng thời các nhà sáng lập CNXH khoa học cũng phân biệt có hai loại quá độ từ CNTB lên CNCS: 1) Quá độ trực tiếp từ CNTB lên CNCS đối với những nước đã trải qua CNTB phát triển. Cho đến nay thời kỳ quá độ trực tiếp lên CNCS từ CNTB phát triển chưa từng diễn ra; 2) Quá độ gián tiếp từ CNTB lên CNCS đối với những nước chưa trải qua CNTB phát triển. Trên thế giới một thế kỷ qua, kể cả Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây, Trung Quốc, Việt Nam và một số nước XHCN khác ngày nay, theo đúng lý luận Mác-Lênin, đều đang trải qua thời kỳ quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau.

Trong lý luận về hình thái kinh tế - xã hội CSCN, ngoài việc phân kỳ hình thái thành hai giai đoạn thì C.Mác và Ph.Ăngghen còn chú ý giai đoạn “quá độ” ban đầu sau khi CNCS lọt lòng, “thoát thai” từ CNTB mà ngày nay chúng ta gọi là thời kỳ quá độ lên CNXH. Theo C.Mác “Thời kỳ quá độ” là thời kỳ vận động “chuyển tiếp” từ xã hội cũ (TBCN) lên xã hội mới (CSCN) với ba đặc điểm cơ bản: Một là, “thời kỳ quá độ chính trị”; hai là, sự tồn tại của nhà nước “chuyên chính vô sản” ba là, thời kỳ “cải biến từ xã hội nọ sang xã hội kia” với nhiều yếu tố còn tồn tại đan xen giữa cái cũ và cái mới.

Kế thừa và phát triển những tư tưởng của C.Mác về thời kỳ quá độ, V.I.Lênin cho rằng: Giữa CNTB và CNCS, có một thời kỳ quá độ nhất định. Tuy nhiên, về độ dài của thời kỳ quá độ, V.I.Lênin viết: Nếu cuộc cách mạng XHCN diễn ra ở một nước tư bản trung bình hoặc kém phát triển thì nhất định phải trải qua một “thời kỳ quá độ kéo dài” và cần phải phân chia thời kỳ quá độ thành những bước quá độ nhỏ hơn. Đó là lý do để đưa ra các danh từ “quá độ đặc biệt”, thậm chí quá độ “đặc biệt của đặc biệt” khi áp dụng đối



1C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1983, Tập 19, Tr.47.

với các quốc gia khi tiến hành cuộc cách mạng XHCN với mà phát điểm với trình độ phát triển trung bình và kém phát triển như đối với cuộc cách mạng Nga lúc bấy giờ.

Đương nhiên, đối với các quốc gia này muốn thực hiện được phải có Đảng cộng sản lãnh đạo. Theo V.I.Lênin ở các nước này cần chú trọng khắc phục những biểu hiện của tính tiểu tư sản, tiểu nông trong đảng cộng sản, trong quần chúng chống lại mọi kẻ thủ phá hoại…để từng bước quá độ lên CNXH; phải trải qua và sử dụng rất nhiều “những bước nho nhỏ”, “những hình thức trung gian quá độ”, đan xen giữa “các thành phần”, “các mảnh”… của cả CNTB và CNXH, v.v..

Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên CNXH được lý giải từ các căn cứ sau đây:

Một là, giữa CNTB (và các chế độ xã hội bóc lột khác…) và CNXH là hai kiểu chế độ xã hội khác nhau về bản chất. CNTB được xây dựng và phát triển dựa trên chế độ kinh tế lấy sở hữu tư nhân làm chủ yếu, trái lại CNXH là xã hội được xây dựng và phát triển dựa trên chế độ kinh tế lấy sở hữu công cộng làm chủ yếu. Do đó, ngay sau khi giai cấp công nhân giành được chính quyền từ tay giai cấp thống trị bóc lột cũ, cần thiết phải có một thời gian nhất định để giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động từng bước xóa bỏ chế độ kinh tế chủ yếu dựa trên chế độ sở hữu tư nhân sang nền kinh tế mới chủ yếu dựa trên chế độ sở hữu công cộng về các tư liệu sản xuất. Đặc biệt, đối với các quốc gia đi lên CNXH xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu thì thời gian quá độ cho phép chuyển đổi giữa các nền kinh tế có thể diễn ra lâu hơn, thậm chí tính chất còn phức tạp hơn.

Hai là, theo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin thì tiền đề kinh tế của CNXH phải được hình thành trên cơ sở của LLSX hiện đại, tính chất xã hội hóa cao hơn nhiều lần so với những LLSX tiên tiến nhất của các nền kinh tế tư bản hiện tại giai cấp công nhân và nhân dân lao động sau cuộc cách mạng XHCN thành công ở giai đoạn một cần có một thời gian nhất định để tổ chức sắp xếp lại hoạt động của nền sản xuất, từng bước đưa trình độ của nền sản xuất mới lên cao. Đối với với các quốc gia chưa kinh qua TBCN, chưa thực hiện quá trình CNH, HĐH thời kỳ quá độ có thể kéo dài hơn với nhiệm vụ trọng tâm chủ yếu là quá trình CNH, HĐH XHCN.

Ba là, các quan hệ kinh tế, xã hội của CNXH không tự nảy sinh một cách tự giác trong lòng CNTB, chúng chỉ có thể là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo một cách tự phát kiên trì và lâu dài dưới chế độ XHCN. Trên thực tế, tại một số quốc gia TBCN tiên tiến hiện nay đã và đang xuất hiện một số quan hệ đủ điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các quan hệ kinh tế, xã hội XHCN, do đó muốn chuyển các mối quan hệ này thành mối quan hệ tự giác, chủ động cũng cần có thời gian cải tạo và phát triển.

Bốn là, công cuộc xây dựng CNXH là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp. Với tư cách là người CNXH mới, giai cấp công nhân và nhân dân lao động không thể ngay lập tức có thể đảm đương được công việc ấy, nó cần phải có thời gian nhất định.

Thời kỳ quá độ lên CNXH ở các nước có trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau có thể diễn ra khoảng thời gian dài, ngắn khác nhau. Đối với những nước đã trải qua CNTB phát triển ở trình độ cao khi tiến lên CNXH thì thời kỳ quá độ có thể tương đối ngắn. Những nước đã trải qua giai đoạn phát triển CNTB ở trình độ trung bình, đặc biệt là những nước còn ở trình độ phát triển tiền tư bản, có nền kinh tế lạc hậu thì thời kỳ quá độ thường kéo dài với rất nhiều khó khăn, phức tạp.

Sơ đồ các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội CSCN của các nhà lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin.

### *3.2.2. Đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

*3.2.2.1. Nội dung thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Trong lĩnh vực kinh tế. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH cần thực hiện việc sắp xếp, bố trí lại các LLSX hiện có của xã hội; cải tạo QHSX cũ, xây dựng QHSX mới theo hướng tạo ra sự phát triển cân đối của nền kinh tế, bảo đảm phục vụ ngày càng tốt đời sống nhân dân lao động. Việc sắp xếp, bố trí lại các LLSX của xã hội nhất định không thể theo muốn nóng vội chủ quan mà phải tuân theo tính tất yếu khách quan của các quy luật kinh tế, đặc biệt là quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX.

Đối với những nước chưa trải qua quá trình CNH TBCN, tất yếu phải tiến hành CNH XHCN nhằm tạo ra được cơ sở vật chất, kỹ thuật của CNXH. Đối với những nước này, nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ quá độ phải là tiến hành CNH, HĐH nền kinh tế theo định hướng XHCN.

Quá trình CNH, HĐH XHCN diễn ra ở các nước khác nhau với những điều kiện lịch sử khác nhau có thể được tiến hành với những nội dung cụ thể và hình thức, bước đi khác nhau. Đó cũng là quán triệt quan điểm lịch sử - cụ thể trong việc xác định những nội dung, hình thức và bước đi trong tiến trình CNH XHCN ở thời kỳ quá độ lên CNXH.

Trong lĩnh vực chính trị. Nội dung cơ bản trong lĩnh vực chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH là tiến hành cuộc đấu tranh chống lại những thế lực thù địch, chống phá sự nghiệp xây dựng CNXH; tiến hành xây dựng, củng cố nhà nước và nền dân chủ XHCN ngày càng vững mạnh, bảo đảm quvền làm chủ trong hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của nhân dân lao động: xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội thực sự là nơi thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động; xây dựng Đảng Cộng sản ngày càng trong sạch, vững mạnh ngang tầm với các nhiệm vụ của mỗi thời kỳ lịch sử.

Trong lĩnh vực tư tưởng - văn hoá. Nội dung cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng - văn hóa của thời kỳ quá độ lên CNXH là: thực hiện tuyên truyền phổ biến những tư tưởng khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân trong toàn xã hội; khắc phục những tư tưởng và tâm lý có ảnh hưởng tiêu cực đối với tiến trình xây dựng CNXH; xây dựng nền văn hoá mới XHCN, tiếp thu giá trị tinh hoa của các nền văn hóa trên thế giới.

Trong lĩnh vực xã hội. Nội dung cơ bản trong lĩnh vực xã hội của thời kỳ quá độ lên CNXH là phải thực hiện việc khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng xã hội; xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người theo mục tiêu lý tưởng tự do của người này là điều kiện, tiền đề cho sự tự do của người khác.

*3.2.2.2. Đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH là sự tồn tại đan xen, thâm nhập lẫn nhau giữa CNTB và CNXH trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Về kinh tế: Thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu còn tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần trong một hệ thống kinh tế quốc dân thông nhất. Đây là bước quá độ trung gian tất yếu trong quá trình xây dựng CNXH, không thể dùng ý chí để xóa bỏ ngay kết cấu nhiều thành phần của nền kinh tế, nhất là đối với những nước còn ở trình độ chưa trải qua sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên CNXH được xác lập trên cơ sở khách quan của sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất với những hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, đan xen hỗn hợp và tương ứng với nó là những hình thức phân phối khác nhau, trong đó hình thức phân phối theo lao động tất yếu ngày càng giữ vai trò là hình thức phân phối chủ đạo.

Về chính trị: Do kết cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH đa dạng, phức tạp, nên kết cấu giai cấp của xã hội trong thời kỳ này cũng đa dạng phức tạp. Nói chung, thời kỳ này thường bao gồm: giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, những người sản xuất nhỏ, tầng lớp tư sản và một số tầng lớp xã hội khác tuỳ theo từng điều kiện cụ thể của mỗi nước. Các giai cấp, tầng lớp này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Theo V.I.Lênin, thời kỳ quá độ là thời kỳ lâu dài, có rất nhiều khó khăn, phức tạp, phải trải qua nhiều lần thử nghiệm để rút ra những kinh nghiệm, những hướng đi đúng đắn; tuy nhiên, trong quá trình thử nghiệm ấy, về mặt chính trị “có thể phải trả giá cho những sai lầm nghiêm trọng”.

Về tư tưởng - văn hoá: Trong thời kỳ quá độ lên CNXH còn tồn tại nhiều yếu tố tư tưởng và văn hoá khác nhau. Bên cạnh tư tưởng XHCN còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông, v.v.. Trên lĩnh vực văn hoá cũng tồn tại các yếu tố văn hoá cũ và mới, chúng thường xuyên đấu tranh với nhau. Đó là thời kỳ, xét về mọi phương diện, đều có sự phát triển của tính tự phát tiểu tư sản, nhất là trong lĩnh vực văn hóa tư tưởng, là thời kỳ chứa đựng mâu thuẫn không thể dung hòa giữa tính kỷ luật nghiêm ngặt của giai cấp vô sản và tính vô chính phủ, vô kỷ luật của các tầng lớp tiểu tư sản.

Thực chất của thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH là thời kỳ diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản đã bị đánh bại không còn là giai cấp thống trị và những thế lực chống phá CNXH với giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động. Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra trong điều kiện mới là giai cấp công nhân đã nắm được chính quyền nhà nước, quản lý tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Cuộc đấu tranh giai cấp với những nội dung, hình thức mới, diễn ra trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hóa, bằng tuyên truyền vận động là chủ yếu, bằng hành chính và luật pháp.

## 3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

### *3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa*

*3.3.1.1. Sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Vấn đề đặt ra cho dân tộc ta là bằng con đường nào để dành lại độc lập cho dân tộc và nhiều nhà yêu nước đã tìm tòi các con đường khác nhau. Lịch sử Việt Nam đã chứng minh rằng các phòng trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và khuynh hướng tư sản trong quá trình tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc đều không thành công. Từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc, Người khẳng định: Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản, Chỉ có CNXH, CNCS mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.

Hồ Chi Minh đã nhận thức và phản ánh đúng sự lựa chọn của dân tộc ta. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam đã đánh dấu sự chuyển biến của cách mạng Việt Nam sang một phạm trù cách mạng kiểu mới, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng khẳng định: Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối xuyên suốt là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH đã đem đến cho dân tộc ta sức mạnh tổng hợp, là nhân tố để cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi vĩ đại, đó là: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Việt Nam tiến lên CNXH trong điều kiện vừa thuận lợi, vừa có khó khăn đan xen:

Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa nửa phong kiến, LLSX thấp kém. Đất nước qua chiến tranh ác liệt, kéo dài nhiều thập kỷ, hậu quả chiến tranh để lại nặng nề. Những tàn dư thực dân phong kiến còn nhiều. Các thế lục thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ XHCN của dân tộc và nhân dân ta.

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các quốc gia tham gia ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển đất nước. Những xu thế đó vừa là thời cơ và thách thức đối với Việt Nam trên con đường xây dựng CNXH.

Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH, cho dù chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông âu sụp đổ. Các nước với các chế độ chính trị khác nhau vẫn cùng tồn tại và phát triển, vừa hợp tác, vừa đấu tranh vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ nhân loại còn gặp nhiều khó khăn, song theo quy luật tiến hóa của xã hội loài người, nhất định con người sẽ tiến tới CNXH và CNCS.

Quá độ lên CNXH bỏ quá chế độ TBCN là sự lựa chọn khoa học, phản ánh đúng quy luật khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay. Cương lĩnh năm 1930 của Đảng chỉ rõ: Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, sẽ tiến lên CNXH. Đây là sự lựa chọn dứt khoát, đúng đắn của Đảng, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của dân tộc, của nhân dân, phản ánh đúng xu thế của thời đại, phù hợp với luận điểm khoa học và sáng tạo của chủ nghĩa Mác-Lênin.

*3.3.1.2. Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối xuyên suốt là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nước ta tạm thời chia hai miền: miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH; miền Nam tiếp tục làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Những thành tựu của miền Bắc đã thật sự xứng đáng là hậu phương lớn của miền Nam và có vai trò quyết định trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt nam: giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và xây dựng CNXH ở miền Bắc.

Đất nước thống nhất, cả nước đi lên CNXH, vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí minh về thời kỳ quá độ lên CNXH ở “những nước tiểu nông”, Đảng ta và nhân ta đã có những thành quả bước đầu trong xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Nhưng trong hơn 10 năm (1975-1985), chúng ta cũng đã phạm một số sai lầm, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội; trong lĩnh vực tư tưởng, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và sự yếu kém về vận dụng các quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta. Những sai lầm chủ quan cộng với hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại và tác động tiêu cực của bối cảnh quốc tế đã làm cho nước ta rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội vào cuối những năm 70, đầu những năm 80 thế kỷ XX.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Đảng ta đã xác định: Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên CNXH từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về LLSX, QHSX và kiến trúc thượng tầng. Vì vậy, thời kỳ quá độ nước ta nhất thiết phải trải qua nhiều bước, nhiều chặng đường phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen, trung gian, quá độ.

Sau mười năm đổi mới (1996), nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ của chặng đường đầu thời kỳ qúa độ, đất nước chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Chúng ta đã có những điều kiện để hiểu biết đầy đủ hơn về con đường đi lên CNXH ở nước ta, có thể thấy rõ những bước cụ thể hóa về phát triển “bỏ qua chế độ TBCN”, đó là, bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của QHSX và kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh LLSX, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta còn nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế. Với cơ cấu kinh tế đó tất yếu tồn tại nhiều giai cấp và tầng lớp xã hội, trong đó có những giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Do đó, mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh. Với các mối quan hệ đó, Đảng ta đã chỉ rõ: Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH theo định hướng XHCN, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước XHCN phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để; đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; đấu tranh quyết liệt chống âm mưu diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động nhằm tạo ra sự thay đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

### *3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*

*3.3.2.1. Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng*

Trong quá trình đổi mới, nhận thức của Đảng ta về đặc trưng của xã hội CNXH được phát triển và cụ thể dần thông qua các kỳ đại hội. Đặc biệt, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH”. Trong Cương lĩnh này, vấn đề xã hội - xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là xã hội như thế nào, lần đầu tiên được xác định qua sáu đặc trưng cơ bản. 1/ Do nhân dân lao động làm chủ; 2/ Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và chế độ công hữu về các TLSX chủ yếu; 3/ Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc; 4/ Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; 5/ Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; 6/ Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Đó chính là những đặc trưng bản chất hay mục tiêu cơ bản của CNXH ở Việt Nam mà nhân dân ta xây dựng và hướng tới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Từ những bài học và kinh nghiệm thực tiễn xây dựng CNXH theo đường lối đổi mới, đúng như nhận định của Đảng nêu ra tại Đại hội lần thứ X, nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ngày càng sáng tỏ hơn, hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản nhất. Sau 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (Cương lĩnh 1991), Đảng Cộng sản Việt Nam thấy rằng cần thiết phải có một cương lĩnh mới phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới trên cơ sở kế thừa, sửa đổi, bổ sung và phát triển Cương lĩnh 1991. Cũng cần nhấn mạnh rằng, nhằm phát huy tinh thần trách nhiệm và sự đóng góp trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, bản dự thảo cương lĩnh mới đó được đưa ra thảo luận, góp ý một cách công khai, rộng rãi và dân chủ trước khi trình Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2011) thông qua.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh đã bổ sung và phát triển xã hội XHCN mà chúng ta xây dựng là một xã hội:

1/ Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

2/ Do nhân dân làm chủ;

3/ Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX tiến bộ phù hợp;

4/ Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

5/ Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;

6/ Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng;

7/ Có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo;

8/ Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Tám đặc trưng cơ bản vừa phản ánh quan niệm tổng quát về CNXH vừa làm rõ nội dung các lĩnh vực của đời sống xã hội phải thực hiện. Tám đặc trưng đó trải qua xây dựng sẽ từng bước hình thành, từ định hướng tới định hình, bảo đảm yêu cầu phát triển hài hòa, bền vững CNXH ở Việt Nam.

*3.3.2.2. Con đường (Phương hướng) đi lên chủ nghĩa xã hội (Xây dựng CNXH) ở Việt Nam*

Một là, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền KTTT định hướng XHCN.

Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tám phương hướng bao quát những điểm căn bản, chủ yếu trong đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện sự nhất quán của Đảng với các quan điểm đổi mới và phát triển; phản ánh nội dung toàn diện các lĩnh vực xây dựng và phát triển đất nước theo mục tiêu phát triển bền vững , không chỉ là kinh tế - xã hội - môi trường mà còn phải chú trọng phát triển văn hóa, con người và bảo đảm sự ổn định, củng cố vững chắc chế độ chính trị với Nhà nước pháp quyền, nền dân chủ, vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Trong đó, Đảng ta đặt ở hàng đầu vấn đề đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường, đây là vấn đề cấp thiết nhất hiện nay, giải quyết nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH và đó là đòi hỏi tất yếu, do nước ta quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN. Không đẩy mạnh CNH không thể thực hiện bước chuyển đưa nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp, không thể có nền kinh tế phát triển cao với năng suất lao động cao dựa trên khoa học - công nghệ, không thể có LLSX hiện đại.

Nhân tố quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là ở sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng. Đây là bài học lớn đã được tổng kết và được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Do đó, phải ra sức xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và bản lĩnh cầm quyền của Đảng để Đảng ngang tầm nhiệm vụ, xứng đáng là Đảng cách mạng chân chính, trong sạch vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”, xứng đáng với sự tin cậy, ủy thác của nhân dân.

Thực hiện tám phương hướng cơ bản tạo cơ sở để đạt được tám đặc trưng của xã hội XHCN ở nước ta. Đây là quan hệ giữa định hướng XHCN với định hình CNXH ở Việt Nam, được thực hiện trong một quá trình lâu dài, phản ánh đúng đặc điểm, yêu cầu của thời kỳ quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở nước ta.

Các mối quan hệ đó tồn tại khách quan trong thực tiễn đổi mới, hội nhập quốc tế để phát triển và hiện đại hóa đất nước. Giải quyết tốt các mối quan hệ đó là điều kiện, là phương thức bảo đảm thực hiện mục tiêu đổi mới. Nhận thức và giải quyết các mối quan hệ đó là cả một quá trình và trên nguyên tắc, phải xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn đất nước, chú trọng nghiên cứu dự báo xu hướng phát triển của đất nước và thế giới, những diễn biến của khu vực, quốc tế tác động tới nước ta trên cả hai mặt thuận lợi và khó khăn, tích cực và tiêu cực để đón kịp, tận dụng thời cơ, chủ động vượt qua thách thức và nguy cơ, tôn trọng quy luật khách quan, “không phiến diện, cực đoan, duy ý chí”

Tám đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN, tám phương hướng xây dựng CNXH và tám mối quan hệ lớn trong phát triển, tạo thành hệ thống quan điểm lý luận CNXH ở Việt Nam, phản ánh quy luật và tính quy luật của đổi mới, phát triển và CNH, HĐH đất nước, của công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam trong điều kiện bỏ qua chế độ TBCN, trong bối cảnh thời đại và thế giới đương đại.

Qua 35 năm đổi mới, Đảng ta đã hình thành được một hệ thống quan điểm lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta, làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách, pháp lật của Đảng và Nhà nước để đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, góp phần bổ sung và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN**

1. Phân tích quan điểm của Cộng sản Việt Nam về các đặc trưng cơ bản của mô hình CNXH mà nhân dân ta đang hướng tới xây dựng?

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH với tư cách là một chế độ xã hội trên thực tế? Những điều kiện con đường đi lên CNXH?

3. Phân tích tính tất yếu và đặc điểm về “quá độ bỏ qua” CNTB tiến thẳng lên CNXH ở Việt Nam?

4. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên CNXH?

5. Phân tích về tính tất yếu, đặc điểm và nội dung thời kỳ quá độ lên CNXH.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH vào Việt Nam như thế nào?

# CHƯƠNG 4

# DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC

# XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

**MỤC ĐÍCH CỦA CHƯƠNG**

*- Kiến thức:* Giúp người học nhận thức đúng đắn bản chất và đầy đủ và bản nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc xây dựng và hoàn thiện về dân chủ và nhà nước XHCN Việt Nam hiện nay.

*- Kỹ năng:* Giúp người học có thể vận dụng lý luận về dân chủ XHCN và nhà nước XHCN vào phân tích những hiện tượng, vấn đề liên quan đến dân chủ, xây dựng nhà nước trong thực tiễn đất nước, trước hết là đối với nhiệm vụ của cá nhân.

*- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Giúp người học khẳng định bản chất tiến bộ của nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN; Có thái độ phê phán những quan điểm sai trái phủ nhận tính chất tiến bộ của nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng.

**NỘI DUNG BÀI GIẢNG**

## 4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa

### *4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ*

Quan niệm về dân chủ và nền dân chủ Dân chủ và thực hiện dân chủ là nhu cầu khách quan của con người. Ngay từ xã hội công xã nguyên thủy, để duy trì sự tồn tại của mình, con người đã biết tự tổ chức ra những hoạt động có tính cộng đồng, các thành viên công xã đều bình đẳng tham gia vào mọi công việc của xã hội. Việc cử ra những người đứng đầu các cộng đồng và phế bỏ những người đứng đầu nếu không thực thi đúng những qui định chung được giao cho mọi thành viên công xã quyết định thông qua đại hội nhân dân. Đây được coi là hình thức dân chủ sơ khai, chất phác của những tổ chức cộng đồng tự quản trong xã hội chưa có giai cấp.

Trong nền dân chủ sơ khai của Aten, Hy Lạp (khoảng thế kỷ thứ V đến thế kỷ thứ IV tr.CN), thuật ngữ dân chủ (demokratos) được ghép từ chữ nhân dân (Demos) và quyền lực (Kratos) để chỉ hệ thống chính trị tồn tại ở một số thành bang Hy Lạp, nổi bật nhất là Aten sau cuộc nổi dậy của dân chúng vào năm 508 tr.CN, với nghĩa là quyền lực của nhân dân. Tuy nhiên, trên thực tế, không phải mọi người dân đều có quyền tham gia vào việc lựa chọn người đứng đầu, mà chỉ những người nắm giữ tư liệu sản xuất của xã hội, như chủ nô, quý tộc,... Còn đại đa số các tầng lớp nhân dân lao động và nô lệ thì không có quyền tham gia vào việc lựa chọn người đứng đầu. Đó chính là nền dân chủ chủ nô. Việc xã hội loài người chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của dân chủ. Dân chủ với tư cách quyền lực của nhân dân được thực hiện bởi những tổ chức tự quản một cách tự nguyện, theo truyền thống đã chuyển sang một hình thức mới gắn với nhà nước. Kể từ đây, dân chủ được thể chế hóa bằng chế độ nhà nước, bằng pháp luật của giai cấp thống trị và được thực hiện chủ yếu bằng sự cưỡng chế.

Cùng với sự tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ, lịch sử xã hội loài người bước vào thời kỳ đen tối với sự thống trị của nhà nước chuyên chế phong kiến, chế độ dân chủ chủ nô đã bị xóa bỏ và thay vào đó là chế độ độc tài chuyên chế. Sự thống trị của giai cấp trong thời kỳ này được khoác lên chiếc áo thần bí của thế lực siêu nhiên. Họ xem việc tuân theo ý chí của giai cấp thống trị là bổn phận của mình trước sức mạnh của đấng tối cao. Do đó, ý thức về dân chủ và đấu tranh để thực hiện quyền làm chủ của người dân đã không có bước tiến đáng kể nào.

Cuối thế kỷ XIV - đầu thế kỷ XV, giai cấp tư sản với những tư tưởng tiến bộ về tự do, công bằng, dân chủ đã mở đường cho sự ra đời của nền dân chủ tư sản. Nền dân chủ này là một bước tiến lớn của nhân loại với những giá trị nổi bật về quyền tự do, bình đẳng, dân chủ. Tuy nhiên, do được xây dựng trên nền tảng kinh tế là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, nên trên thực tế, nền dân chủ tư sản vẫn là nền dân chủ của thiểu số những người nắm giữ tư liệu sản xuất đối với đại đa số nhân dân lao động. Theo V.I.Lênin, ngay cả “trong những điều kiện phát triển thuận lợi nhất của nó” - “chế độ cộng hòa dân chủ” thì chế độ dân chủ ấy vẫn “luôn luôn là một chế độ dân chủ đối với một thiểu số, vẫn chỉ là một chế độ dân chủ đối với riêng những giai cấp có của, đối với riêng bọn giàu có mà thôi1.

Từ việc nghiên cứu các chế độ dân chủ trong lịch sử, chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, dân chủ là sản phẩm và là thành quả của quá trình đấu tranh giai cấp cho những giá trị tiến bộ của nhân loại. Do đó, dân chủ là một giá trị nhân văn của nhân loại, phản ánh trình độ phát triển của mỗi xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

Trong xã hội có giai cấp đối kháng, dân chủ bao giờ cũng mang tính giai cấp, không có dân chủ chung chung trừu tượng, phi giai cấp. Bản chất của dân chủ được thể hiện ở tính giai cấp, nó bao giờ cũng phản ánh lợi ích của giai cấp nắm giữ tư liệu sản xuất của xã hội, do đó, dân chủ là một phạm trù lịch sử. Theo V.I.Lênin, quá trình phát triển của dân chủ là từ chuyên chế đến dân chủ tư sản; từ dân chủ tư sản đến dân chủ vô sản; từ dân chủ vô sản đến không còn dân chủ nữa.

Như vậy, dân chủ với tư cách một hình thái nhà nước, kiểu nhà nước, dân chủ sẽ mất đi trong xã hội CSCN; với ý nghĩa lịch sử, những giá trị nhân loại, dân chủ sẽ không mất đi, ngược lại càng được phát triển. Do đó, khi xem xét bản chất dân chủ, chế độ dân chủ không chỉ căn cứ vào tính giai cấp, mà còn phải đứng trên quan điểm lịch sử, phải có cái nhìn biện chứng, khoa học về những thành tựu dân chủ với tư cách những giá trị mà loài người đạt được, phản ánh trình độ phát triển của cá nhân và cộng đồng xã hội.



1V.I.Lênin: Toàn tập, Tập 33, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005, Tr.106-107.

### *4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa*

Dân chủ XHCN đã được phôi thai từ trong cuộc cách mạng của Công xã Paris, như V.I.Lênin đã khẳng định: “Công xã dường như đã thay bộ máy nhà nước bị đập tan bằng một chế độ dân chủ “chỉ” hoàn bị hơn mà thôi.... Từ chỗ là dân chủ tư sản đã biến thành dân chủ vô sản, từ chỗ là nhà nước (bằng lực lượng đặc biệt để trấn áp một giai cấp nhất định) nó biến thành một cái gì thực ra không phải là nhà nước hiểu theo nghĩa thật sự nữa”2.

Tuy nhiên, chỉ đến khi Cách mạng Tháng Mười Nga đã thành công với sự ra đời của Nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới và mở ra một thời đại mới: lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động đã giành lại được quyền lực thực sự của mình. Nhà nước XHCN do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua chính đảng của nó đã trở thành nhà nước đầu tiên thực hiện quyền lực của nhân dân.

Bản chất của nền dân chủ mới được thể hiện trên các phương diện sau:

Về chính trị: Nền dân chủ XHCN đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia ngày càng đông đảo và có ý nghĩa quyết định vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Đó là nền dân chủ của đại đa số nhân dân, vì lợi ích của đại đa số nhân dân. Nền dân chủ XHCN đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đó là nền dân chủ mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với ý chung của quần chúng nhân dân lao động, do đó đây là nền dân chủ có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

Về kinh tế: Nền dân chủ XHCN được xây dựng dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội. Đó là QHSX phù hợp với trình độ xã hội hóa ngày càng cao của LLSX, thỏa mãn nhu cầu không ngừng tăng lên về vật chất và tinh thần của nhân dân lao động, đảm bảo mọi người dân điều được thụ hưởng những thành quả của sự phát triển chung của xã hội. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này là cả một quá trình lâu dài, khó khăn và phức tạp.

Về văn hóa, tư tưởng: Các giá trị và chuẩn mực dân chủ thâm nhập và chi phối mọi hoạt động trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Mọi công dân và tổ chức xã hội đều có khả năng nhận thức và vận dụng các giá trị dân chủ, biến thành những nguyên tắc phổ biến trong hoạt động và các QHSX. Những giá trị dân chủ, quyền lực của nhân dân được thể chế hóa thành pháp luật, thành hệ thống chính trị, thành nguyên tắc, mục tiêu và động lực của sự phát triển.

Về xã hội: Trong nền dân chủ XHCN có sự kết hợp hài hòa về lợi ích giữa cá nhân, tập thể và lợi ích của toàn xã hội. Nền dân chủ XHCN ra sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.



2V.I.Lênin: Toàn tập, Tập 33, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005, Tr.52.

Sự ra đời của nền dân chủ XHCN trên thực tế chỉ mới một khoảng thời gian, ngắn hơn rất nhiều so với các nền dân chủ trước đó và còn những hạn chế nhất định trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó, phải không ngừng hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dân chủ của người dân.

## 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

### *4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

*4.2.1.1. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

Khát vọng về một xã hội công bằng, dân chủ, bình đẳng và bác ái đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử. Xuất phát từ nguyện vọng của nhân dân lao động muốn thoát khỏi sự áp bức, bất công và chuyên chế, ước mơ xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng và những giá trị của con người được tôn trọng, bảo vệ và có điều kiện để phát triển tự do tất cả năng lực của mình, nhà nước XHCN ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, chỉ đến khi xã hội TBCN xuất hiện, khi mà những mâu thuẫn giữa QHSX tư bản tư nhân về tư liệu sản xuất với tính chất xã hội hóa ngày càng cao của LLSX trở nên ngày càng gay gắt dẫn tới các cuộc khủng hoảng về kinh tế và mâu thuẫn sâu sắc giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản làm xuất hiện các phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản, thì trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, các Đảng Cộng sản mới được thành lập để lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng và trở thành nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng. Bên cạnh đó, được trang bị bởi vũ khí lý luận là chủ nghĩa Mác-Lênin với tư cách cơ sở lý luận để tổ chức, tiến hành cách mạng và xây dựng nhà nước của giai cấp mình sau chiến thắng.

Nhà nước XHCN ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, tùy vào đặc điểm và điều kiện của mỗi quốc gia, sự ra đời của nhà nước XHCN cũng như việc tổ chức chính quyền sau cách mạng có những đặc điểm, hình thức và phương pháp phù hợp. Song, điểm chung giữa các nhà nước là ở chỗ, đó là tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân, là cơ quan đại diện cho ý chí của nhân dân, thực hiện việc tổ chức quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Như vậy, Nhà nước XHCN là tổ chức mà thông qua đó, Đảng của giai cấp công nhân thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội; là một tổ chức chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng dựa trên cơ sở kinh tế của CNXH; đó là một kiểu nhà nước mới, thay thế cho nhà nước tư sản nhờ kết quả của cuộc cách mạng XHCN; là hình thức chuyên chính vô sản được thực hiện trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

*4.2.1.2. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

So với các kiểu nhà nước khác trong lịch sử, nhà nước XHCN là kiểu nhà nước mới, có bản chất khác với bản chất của các kiểu nhà nước bóc lột trong lịch sử. Tính ưu việt về mặt bản chất của nhà nước XHCN được thể hiện trên các phương diện:

Về chính trị, nhà nước XHCN mang bản chất của giai cấp công nhân,giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động. Trong xã hội XHCN, giai cấp vô sản là lực lượng giữ địa vị thống trị về chính trị. Tuy nhiên, sự thống trị của giai cấp vô sản có sự khác biệt về chất so với sự thống trị của các giai cấp bóc lột trước đây. Sự thống trị của giai cấp bóc lột là sự thống trị của thiểu số đối với tất cả các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động trong xã hội nhằm bảo vệ và duy trì địa vị của mình. Còn sự thống trị về chính trị của giai cấp vô sản là sự thống trị của đa số đối với thiểu số giai cấp bóc lột nhằm giải phóng giai cấp mình và giải phóng tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác trong xã hội. Do đó, nhà nước XHCN là đại biểu cho ý chí chung của nhân dân lao động.

Về kinh tế, bản chất của nhà nước XHCN chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội XHCN, đó là quan hệ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do đó, không còn tồn tại quan hệ sản xuất bóc lột. Nếu như tất cả các nhà nước bóc lột khác trong lịch sử đều là nhà nước theo đúng nghĩa của nó, nghĩa là bộ máy của thiểu số những kẻ bóc lột để trấn áp đa số nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột, thì nhà nước XHCN vừa là một bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế - xã hội của nhân dân lao động, nó không còn là nhà nước theo đúng nghĩa, mà chỉ là “nửa nhà nước”. Việc chăm lo cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước XHCN.

Về văn hóa, xã hội, nhà nước XHCN được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc riêng của dân tộc. Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

Đến một trình độ phát triển nhất định, tính chất xã hội của nhà nước XHCN ngày càng được mở rộng, cơ sở cho sự tồn tại nhà nước không còn thì nhà nước XHCN cũng sẽ tự tiêu vong, các hoạt động quản lý của nhà nước sẽ được chuyển giao cho các tổ chức tự quản, dựa trên cơ sở quyền lực nhân dân rộng rãi.

*4.2.1.3. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

Tùy theo góc độ tiếp cận, chức năng của nhà nước XHCN được chia thành các chức năng khác nhau.

Nếu căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước được chia thành chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

* chức năng đối nội.
* chức năng đối ngoại.

Nếu căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước XHCN được chia thành chức năng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Nếu căn cứ vào tính chất của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước được chia thành chức năng giai cấp (trấn áp) và chức năng xã hội (tổ chức và xây dựng).

- Thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức, xây dựng toàn diện xã hội mới. Đây là chức năng căn bản của nhà nước XHCN, việc xây dựng CNCS, sáng tạo ra những quan hệ kinh tế mới, sáng tạo ra một xã hội mới, có ý nghĩa quyết định thắng lợi tuyệt đối của CNCS đối với CNTB.

- Bạo lực, trấn áp là cái vốn có của mọi nhà nước, do đó, bạo lực, trấn áp cũng là cái vốn có của nhà nước XHCN. Tuy nhiên các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đều cho rằng với bản chất của nhà nước vô sản, thì việc tổ chức, xây dựng mang tính sáng tạo nhằm cải biến xã hội cũ, xây dựng xã hội mới XHCN và CSCN là chức năng căn bản, chủ yếu của nhà nước XHCN.

Xuất phát từ bản chất của nhà nước XHCN, nên việc thực hiện các chức năng của nhà nước cũng có sự khác biệt so với các nhà nước trước đó. Đối với các nhà nước bóc lột, nhà nước của thiểu số thống trị đối với đa số nhân dân lao động, nên việc thực hiện chức năng trấn áp đóng vai trò quyết định trong việc duy trì địa vị của giai cấp nắm quyền chiếm hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Còn trong nhà nước xã hội XHCN, mặc dù vẫn còn chức năng trấn áp, nhưng đó là bộ máy do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức ra để trấn áp giai cấp bóc lột đã bị lật đổ và những phần tử chống đối để bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững an ninh chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù trong thời kỳ quá độ, sự trấn áp vẫn còn tồn tại như một tất yếu, nhưng đó là sự thật trấn áp của đa số nhân dân lao động đối với thiếu số bóc lột. V.I.Lênin khẳng định, “bất cứ một nhà nước nào cũng đều có nghĩa là dùng bạo lực; nhưng toàn bộ sự khác nhau là ở chỗ dùng bạo lực đối với những người bị bóc lột hay đối với kẻ đi bóc lột”3.Theo V.I.Lênin, mặc dù trong giai đoạn đầu của CNCS, “cơ quan đặc biệt, bộ máy trận áp đặc biệt là “nhà nước” vẫn còn cần thiết, nhưng nó đã là nhà nước quá độ, mà không còn là nhà nước theo đúng nghĩa của nó nữa”4.

Tuy nhiên, do tính chất gay gắt của cuộc đấu tranh giai cấp, việc củng cố và tăng cường sức mạnh của bộ máy trấn áp của nhà nước XHCN là vấn đề quan trọng không thể coi nhẹ. Trong quá trình vận động và phát triển, cùng với những thắng lợi trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, vai trò làm chủ của nhân dân lao động ngày càng được phát huy, các phần tử bóc lột và phản cách mạng được cải tạo trở thành những người lao động chân chính…, thì bộ máy hành chính cưỡng chế của nhà nước XHCN sẽ ngày càng được xây dựng một cách tinh giản hơn và việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế sẽ được thực hiện trên cơ sở kết hợp cùng với các biện pháp giáo dục, thuyết phục và các biện pháp kinh tế. Mặt khác, để thực hiện thắng lợi chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, bảo đảm thắng lợi của CNXH, nhà nước XHCN bên cạnh việc xây dựng và củng cố bộ máy hành chính cưỡng chế, còn phải đặc biệt chú ý củng cố và tăng cường bộ máy quản lý kinh tế - xã hội.



3V.I.Lênin: Toàn tập, Tập 43, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005, Tr.380.

4V.I.Lênin: Toàn tập, Tập 33, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005, Tr.111.

Từ những chức năng trên, nhà nước XHCN có những nhiệm vụ chính là:

+ Quản lý kinh tế, xây dựng và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

+ Quản lý văn hoá - xã hội, xây dựng nền văn hoá XHCN, thực hiện giáo dục - đào tạo con người phát triển toàn diện, chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

Ngoài ra, nhà nước XHCN còn có chức năng, nhiệm vụ đối ngoại nhằm mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau vì sự phát triển và tiến bộ xã hội đối với nhân dân các nước trên thế giới.

### *4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa*

Giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN có mối quan hệ thống nhất, tác động qua lại lẫn nhau, cụ thể:

Dân chủ XHCN là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước XHCN. Chỉ trong xã hội dân chủ XHCN, người dân mới có đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình thông qua việc lựa chọn một cách công bằng, bình đẳng những người đại diện cho quyền lợi chính đáng của mình vào bộ máy nhà nước, tham gia một cách trực tiếp hoặc giản tiếp vào hoạt động quản lý của nhà nước, khai thác và phát huy một cách tốt nhất sức mạnh trí tuệ của nhân dân cho hoạt động của nhà nước. Với những tính ưu việt của mình, nền dân chủ XHCN sẽ kiểm soát một cách có hiệu quả quyền lực của nhà nước, ngăn chặn được sự tha hóa của quyền lực nhà nước, có thể dễ dàng đưa ra khỏi cơ quan nhà nước những người thực thi công vụ không còn đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu hướng đến lợi ích của người dân. Ngược lại, nếu các nguyên tắc của nền dân chủ XHCN bị vi phạm, thì việc xây dựng nhà nước XHCN cũng sẽ không thực hiện được. Khi đó, quyền lực của nhân dân sẽ bị biến thành quyền lực của một nhóm người, phục vụ cho lợi ích của một nhóm người.

Ra đời trên cơ sở nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân. Bằng việc thể chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của mỗi công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, đồng thời là công cụ bạo lực để ngăn chặn có hiệu quả các hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân, bảo vệ nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN nằm trong nền dân chủ XHCN là phương thức thể hiện và thực hiện dân chủ. Theo V.I.Lênin, con đường vận động và phát triển của nó là ngày càng hoàn thiện các hình thức đại diện nhân dân, mở rộng dân chủ, nhằm lôi cuốn ngày càng đông đảo nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Thông qua hoạt động quản lý của nhà nước, các nguồn lực xã hội được tập hợp, tổ chức và phát huy hướng đến lợi ích của nhân dân. Ngược lại, nếu nhà nước XHCN đánh mất bản chất của mình sẽ tác động tiêu cực đến nền dân chủ XHCN, sẽ dễ dẫn tới vệc xâm phạm quyền làm chủ của người dân, dẫn tới chuyên chế, độc tài, thủ tiêu nền dân chủ hoặc dân chủ chỉ còn là hình thức.

## 4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

### *4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

Dân chủ là khát vọng lớn nhất của xã hội loài người, đánh giá trình độ văn minh của một quốc gia, dân tộc. Trên thế giới đã cho thấy sự phát triển của các nền dân chủ qua các giai đoạn, thể hiện các nấc thang tiến bộ: Dân chủ chủ nô, dân chủ phong kiến, dân chủ tư sản, dân chủ XHCN.

Trong lịch sử phát triển của các nền dân chủ, dân chủ XHCN là đỉnh cao so với các nền dân chủ khác. Dân chủ XHCN là nền dân chủ chân chính thể hiện quyền làm chủ của mọi công dân đối với nhà nước và toàn xã hội. Việc giai cấp công nhân giành được chính quyền và từng bước xây dựng xã hội mới - xã hội XHCN chính là điểm bắt đầu hình thành nền dân chủ XHCN.

Ở Việt Nam, khi đất nước đang còn bị “một cổ hai tròng”, yêu cầu dân chủ đầu tiên và trước mắt của nhân dân là đất nước được độc lập, người cày có ruộng. Yêu cầu dân chủ đó đạt được bằng cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, cải cách ruộng đất, thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Khi đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai thể chế chính trị khác nhau, nhân dân miền Nam còn phải sống dưới ách chủ nghĩa đế quốc mới và ách áp bức,bóc lột, bất công, nhân dân miền Bắc xây dựng CNXH, vì nhân dân miền Nam mà “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người. Tất cả vì miền Nam ruột thịt”. Yêu cầu dân chủ của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam là được sống trong một đất nước hòa bình, tự do, thống nhất. Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước thu về một mối, hòa bình, độc lập đã được thực hiện, yêu cầu dân chủ trên đã được thực hiện. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, yêu cầu dân chủ của nhân dân là đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Bản chất dân chủ ở Việt Nam là dựa vào Nhà nước XHCN và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Đây là nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách của người làm chủ. Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc, là chủ, dân làm chủ. Điều này đã được Hồ Chí Minh khẳng định:

“Nước ta là nước *dân chủ.*

Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân.*

Bao nhiêu quyền hạn đều là *của dân.*

Công cuộc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân.*

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân.*

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương *do dân cử ra.*

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều *ở dân*”5.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cho đến nay, Đảng luôn xác định xây dựng nền dân chủ XHCN vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cho đến nay, Đảng luôn xác định xây dựng nền dân chủ XHCN vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội. Đảng ta khẳng định niền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta: “Là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”6.

Trong quá trình đổi mới, dân chủ XHCN ngày càng được được mở rộng về cả nội dung: Dân chủ trong chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và diễn ra từ cấp trung ương cho đến cơ sở, lẫn hình thức: Dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp. Hình thức dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra. Những con người và tổ chức ấy đại diện cho nhân dân, thực hiện quyền làm chủ cho nhân dân. Nhân dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm. Quyền lực nhà nước ta là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hình thức dân chủ trực tiếp là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội. Hình thức đó thể hiện ở các quyền được thông tin về hoạt động của nhà nước, được bàn bạc về công việc của nhà nước và cộng đồng dân cư; được bàn đến những quyết định về dân chủ cơ sở, nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước từ Trung ương cho đến cơ sở. Dân chủ ngày càng được thể hiện trong tất cả các mối quan hệ xã hội, trở thành quy chế, cách thức làm việc của mọi tổ chức trong xã hội.

Trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta, một yêu cầu tất yếu là không ngừng củng cố, hoàn thiện những điều kiện đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Thực tiễn xây dựng đất nước cho thấy dân chủ XHCN được thể hiện ở việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo hướng ngày càng mở rộng và hoạt động có hiệu quả. Ý thức làm chủ của nhân dân, trách nhiệm công dân của người dân trong xã hội ngày càng được đề cao trong pháp luật và cuộc sống. Mọi công dân đều có quyền tham gia quản lý xã hội bằng nhiều cách khác nhau, tùy theo trách nhiệm và nghĩa vụ của mình.



5Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 6, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2011, Tr.232

6ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2011, Tr.65

Dân chủ công dân gắn liền với kỷ cương của đất nước, được thể chế hóa bằng luật của nhà nước pháp quyền, trong các nguyên tắc hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Các quy chế dân chủ từ cơ sở cho đến Trung ương và trong các tổ chức chính trị - xã hội đều thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đảng ta khẳng định: “Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân”7.

Ðể tiến lên CNXH, thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, mở rộng hội nhập quốc tế, phát triển bền vững, thực hiện thành công mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của Ðảng đề ra, chúng ta phải coi trọng phát triển nền dân chủ XHCN vì nó là một mục tiêu cơ bản của quá trình xây dựng CNXH. Ðến lượt nó, nền dân chủ XHCN được phát triển và hoàn thiện lại trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy xã hội không ngừng phát triển. CNXH ở nước ta từ chỗ chưa chín muồi đến chín muồi, từ chỗ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, từ chỗ chưa phát triển đến phát triển. Quá trình này cần có thời gian và môi trường ổn định, đặc biệt là ổn định chính trị, nếu không có sự ổn định thì không thể làm được việc gì. Muốn duy trì ổn định xã hội để tiến lên phải phát triển dân chủ XHCN và lấy đó làm động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện xã hội.

Thực tiễn cho thấy, bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam càng ngày càng thể hiện giá trị lấy dân làm gốc. Kể từ khi khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa cho đến nay, nhân dân thực sự trở thành người làm chủ, tự xây dựng, tổ chức quản lý xã hội. Đây là chế độ bảo đảm quyền làm chủ trong đời sống của nhân dân từ chính trị, kinh tế cho đến văn hóa, xã hội; đồng thời phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

### *4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

Tư tưởng nhà nước pháp quyền XHCN mà Đảng ta xây dựng trong quá trình đổi mới đất nước có cơ sở từ tư tưởng dân chủ và xây dựng nhà nước pháp quyền trong lịch sử, đặc biệt là nhà nước pháp quyền tư sản. Những đại biểu xuất sắc đã đặt nền móng tư tưởng cho việc hình thành nhà nước pháp quyền tư sản và chế độ tư sản, như Locke (1632-1704), Montesquieu (1689-1755), Russeau (1712-1778) đều đưa ra những quan niệm mới, khẳng định quyền lực tối cao trong xã hội thuộc về công dân, thay cho việc khẳng định quyền lực đó thuộc về chủ nô và nhà vua trong chế độ phong kiến.

Chính vì vậy, nhà nước pháp quyền là nhà nước thượng tôn pháp luật, nhà nước hướng tới những vấn đề về phúc lợi cho mọi người, tạo điều kiện cho cá nhân được tự do, bình đẳng, phát huy hết năng lực của chính mình. Trong hoạt động của nhà nước pháp quyền, các cơ quan của nhà nước được phân quyền rõ ràng và được mọi người chấp nhận trên nguyên tắc bình đẳng của các thế lực, giai cấp và tầng lớp trong xã hội.



7Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ X. Nxb CTQG, Hà Nội, 2006, Tr.125.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH năm 1991 đã đưa ra những nội dung khái quát liên quan đến nhà nước pháp quyền: Đề cao vai trò tối thượng của Hiến pháp và pháp luật; đề cao quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, đảm bảo quyền con người; tổ chức bộ máy vừa đảm bảo tập trung, thống nhất, vừa có sự phân công giữa các nhánh quyền lực, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền nhằm đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân, tránh lạm quyền. “Nhà nước có mối quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương”8.

Nhận thức của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền càng được làm rõ hơn tại Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII (1/1994). Đảng ta đã dùng khái niệm Nhà nước pháp quyền XHCN. Nội dung phần 2 về những nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới, ở nội dung nhiệm vụ thứ 7: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân”. Tiếp tục phát triển tư tưởng nhà nước pháp quyền XHCN trong các văn kiện Đại hội VIII, IX, X, XI của Đảng ta, với nội dung: Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Nhận thức trên là tiền đề để Đại hội XII, XIII của Đảng làm rõ hơn về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”9.

Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, chúng ta có thể rút ra được một số đặc điểm cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta như sau:

Thứ nhất, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Thứ hai, Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật. Trong tất cả các hoạt động của xã hội, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Thứ ba, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Thứ tư, Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phù hợp với điều 4 Hiến pháp năm 2013. Hoạt động của nhà nước được



8ĐCSVN Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Nxb. Sự Thật, HN, 1991, Tr.19.

9ĐCSVN: Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, HN, 2016, Tr.171.

sát bởi nhân dân: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.

Thứ năm, Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là trung tâm của sự phát triển. Quyền dân chủ của nhân dân được thực hành một cách rộng rãi; “nhân dân có quyền bầu và bãi miễn những đại biểu không xứng đáng”; đồng thời tăng cường thực hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Thứ sáu, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Như vậy, những đặc điểm của Nhà nước pháp quyền XHCN mà Việt Nam chúng ta đang xây dựng đã thể hiện được các tinh thần cơ bản của một nhà nước pháp quyền nói chung. Bên cạnh đó, nó còn thể hiện sự khác biệt so với các nhà nước pháp quyền khác: Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích cho nhân dân; nhà nước là công cụ chủ yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng đi lên CNXH.

Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam thể hiện toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh công, nông và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước phải chăm lo đến lợi ích và cuộc sống của nhân dân; đồng thời động viên, phát huy sức mạnh toàn dân đóng góp trí tuệ, công sức vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong thời kỳ mới. Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ các quyền làm chủ của nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Nhà nước phải hoàn thiện bằng việc ban hành các cơ chế và biện pháp để kiểm soát, ngăn ngừa các tiêu cực của chế độ, như quan liêu, tham nhũng, lãng phí…, giữ nghiêm kỷ cương của xã hôi, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

### *4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay*

*4.3.3.1. Phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay*

Qua 35 năm đổi mới, mặc dù dân chủ XHCN ở Việt Nam đã được phát huy trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; song trong thực tiễn xây dựng nền dân chủ XHCN vẫn còn thể hiện những bất cập, tiêu cực. “Nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, pháp luật còn tồn tại ở nhiều nơi. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực bị vi phạm. Có lúc, có nơi, việc thực hiện dân chủ còn hạn chế hoặc mang tính hình thức; có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”93. Những vấn đề đó đã làm ảnh hưởng tới bản chất tốt đẹp của chế độ dân chủ ở nước ta, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, đối với con đường đi lên CNXH ở nước ta. Để tiếp tục xây dựng bản chất tốt đẹp của nền dân chủ XHCN ở nước ta trong tình hình mới, chúng ta cần phải:

Một là, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ XHCN Việt Nam.

Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của mình, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Đảng phải dân chủ hóa trong sinh hoạt, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Có như vậy, Đảng mới đảm bảo sự lãnh đạo trong sự nghiệp xây dựng CNXH và xây dựng nền dân chủ XHCN.

Hai là, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ XHCN.

Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam phải thực thi quyền dân chủ của nhân dân trên mọi mặt của đời sống xã hội, thể hiện bằng Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước phải đảm bảo quyền con người là giá trị cao nhất. Vì vậy, tất cả các chính sách, pháp luật đều phải dựa vào ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Nhà nước đảm bảo quyền tự do của công dân, đảm bảo danh dự, nhân phảm, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân bằng pháp luật và trên thực tế của đời sống.

Ba là, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ XHCN.

Các tổ chức chính - xã hội ở nước ta cần phải đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động để nâng cao vị trí, vai trò của mình, để tham gia giám sát, phản biện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tạo ra khối đoàn kết toàn dân, chăm lo đời sống nhân dân, thực hiện dân chủ trong đời sống xã hội. Đồng thời tham gia vào bảo vệ chính quyền, xây dựng Đảng, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân.

Bốn là, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội là yếu tố đảm bảo xây dựng nền dân chủ XHCN ở nước ta, nó ảnh hưởng tới đời sống tâm lý của nhân dân khi nhìn nhận dánh giá các chủ trường, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Do đó, cần công khai hóa, minh bạch hóa, dân chủ hóa về thông tin, về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các vấn dề liên quan đến lợi ích chính đáng của nhân dân. Cần cụ thể hóa hơn nữa các quy chế và hình thức thể hiện sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân đối với các vấn đề phát triển của đất nước.

*4.3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

Trong công cuộc đổi mới hiện nay để đảm bảo cho việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, chúng ta phải tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đáp ứng yêu cầu mới:

Một là, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, đồng thời cũng gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với nhân dân. Tổ chức quyền lực của Nhà nước pháp quyền XHCN đảm bảo quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Hai là, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội để đảm bảo đây là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ở nước ta, là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp; thực hiện một số nhiệm vụ thuộc quyền hành pháp và tư pháp, quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hoá. Đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm mạnh và bãi bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Nâng cao năng lực, chất lượng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách. Đẩy mạnh xã hội hóa các ngành dịch vụ công phù hợp với cơ chế thị trường định hướng XHCN.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, điều hành quản lý đất nước. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ; đồng thời cũng phải xây dựng được cơ chế loại bỏ, miễn nhiệm những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ.

Bốn là, đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Phòng, chống tham nhũ, lãng phí và tiến hành tiết kiệm là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tiếp tục hoàn thiện các thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ, phòng chống tham nhũng; có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người đấu tranh chống tham nhũng; xây dựng các chế tài để xử lý các cá nhân và tổ chức vi phạm.

Căn cứ vào đường lối chính trị và cơ sở hiến định về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, bộ máy nhà nước ta 35 năm đổi mới ngày càng được cải cách, đổi mới, hiệu lực và hiệu quả; quản lý nhà nước ngày càng được tăng cường.

Về thực hiện quyền lập hiến, lập pháp: chưa có thời kỳ nào số lượng các dự án luật được Quốc hội ban hành nhiều như trong 35 năm đổi mới, gấp tám lần so với 46 năm trước (từ ngày 2-9-1945 đến 30-2-1986, nước ta ban hành 63 luật, pháp lệnh.

Về thực hiện quyền hành pháp: Không ngừng tiến hành đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính cả trên bốn thành tố hợp thành: cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách đội ngũ cán bộ công chức và cải cách hệ thống quản lý tài chính công. Trong hệ thống các chủ thể của nền hành chính quốc gia, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp cũng được cải cách đổi mới không ngừng, để ngày càng đáp ứng mục tiêu chung của cải cách hành chính là, xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng phát triển đất nước.

Về thực hiện quyền tư pháp: Công cuộc cải cách tư pháp cũng được đẩy mạnh trên cả ba mặt: thể chế, tổ chức và đội ngũ cán bộ. Vì thế, tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và các cơ quan điều tra từng bước được đổi mới; chất lượng điều tra, truy tố và xét xử được tăng cường. Pháp luật trong lĩnh vực tư pháp, từ thủ tục tố tụng cho đến pháp luật về nội dung đều được đổi mới theo tư duy đề cao quyền con người, quyền công dân, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tư pháp trong việc bảo đảm công bằng và công lý về thực hiện quyền tư pháp.

**NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN**

1. Dân chủ là gì? Trình bày một số quan niệm về dân chủ trong lịch sử?

2. So sánh điểm giống và khác nhau giữa nền dân chủ XHCN với các nền dân chủ khác trong lịch sử?

3. Phân tích nguồn gốc, bản chất của nhà nước XHCN?

4. Phân tích mối quan hệ giữa chức năng giai cấp (trấn áp) và chức năng xã hội (xây dựng) của nhà nước XHCN?

5. Phân tích bản chất của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam?

6 Trìn.h bày quá trình hình thành và phát triển quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước XHCN?

7. Phân tích các vấn đề đặt ra trong xây dựng nền dân chủ và nhà nước XHCN ở Việt Nam?

8. Trình bày nội dung định hướng xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam?

9. Trình bày nội dung định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam?

# CHƯƠNG 5

# CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP

# TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

**MỤC ĐÍCH CỦA CHƯƠNG**

*- Kiến thức:* Cung cấp những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Giúp sinh viên hiểu rõ vị trí, vai trò của những giai cấp, tầng lớp cơ bản trong quá trình xây dựng đất nước và nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

*- Kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng nhận diện những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp và nội dung liên minh giai cấp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

*- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào đường lối phát triển của đất nước, đồng thời nhận rõ trách nhiệm của mình trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng XHCN ở Việt Nam.

**NỘI DUNG BÀI GIẢNG**

## 5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

### *5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội*

*5.1.1.1. Khái niệm về cơ cấu xã hội - giai cấp*

Cơ cấu xã hội - giai cấp là tổng thể các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội…giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, cơ cấu xã hội - giai cấp là tổng thể các giai cấp, các tầng lớp xã hội được hình thành sau khi giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của mình là Đảng Cộng sản lãnh đạo dành được chính quyền và bắt đầu sử dụng chính quyền đó để tiến hành cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội XHCN, và thực hiện tổng thể các mối quan hệ giữa các giai cấp và tầng lớp xã hội đó, được hình thành và phát triển trong mối quan hệ hữu cơ với sự vận động và biến đổi của cơ cấu xã hội và sự biến đổi có tính quyết định của cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

*5.1.1.2. Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội*

Trong hệ thống xã hội, mỗi loại hình cơ cấu xã hội đều có vị trí, vai trò xác định và giữa chúng có mối quan hệ, phụ thuộc lẫn nhau. Song vị trí, vai trò của các loại cơ cấu xã hội không ngang nhau, trong đó, cơ cấu xã hội - giai cấp là loại hình cơ bản và có vị trí quyết định nhất, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác vì những lý do cơ bản sau:

Cơ cấu xã hội - giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước; đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý, tổ chức lao động, phân phối thu nhập… trong một hệ thống sản xuất nhất định. Các loại hình cơ cấu xã hội khác không có được những mối quan hệ quan trọng và quyết định này.

Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của các loại cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội, cũng như tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, cơ cấu xã hội - giai cấp là căn cứ cơ bản để từ đó xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi xã hội trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Mặc dù cơ cấu xã hội - giai cấp giữ vị trí quan trọng song không được tuyệt đối hóa nó và xem nhẹ các loại hình cơ cấu xã hội khác.

### *5.1.2. Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên CNXH thường xuyên có những biến đổi mang tính qui luật như sau:

- Một là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH.

Cơ cấu xã hội - giai cấp thường xuyên biến đổi do tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là những thay đổi về PTSX tế trong mỗi thời đại lịch sử. Từ CNTB chuyển sang thời kỳ quá độ lên CNXH sau thắng lợi của cuộc cách mạng XHCN, tất yếu có những biến đổi trong cơ cấu kinh tế của một thời kỳ lịch sử mới và những thay đổi đó cũng tất yếu dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội theo hướng phục vụ thiết thực lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng cộng sản lãnh đạo. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, kinh tế nhiều thành phần với những hình thức sở hữu đa dạng đã hình thành cơ cấu xã hội - giai cấp với nhiều giai cấp, tầng lớp khác nhau.

Ở những nước bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH với xuất phát điểm còn thấp, từ một cơ cấu kinh tế ngành tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp còn phát triển ở trình độ thấp chuyển sang cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng nông nghiệp; chuyển từ cơ cấu vùng lãnh thổ còn chưa định hình sang hình thành các vùng, các trung tâm kinh tế lớn; chuyển từ cơ cấu lực lượng sản xuất hiện đại nhưng không cân đối, trình độ công nghệ nhìn chung còn thấp hoặc trung bình chuyển sang phát triển lực LLSX với trình độ công nghệ cao, hiện đại theo xu hướng dụng những thành quả của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, của kinh tế tri thức…, từ đó hình thành những cơ cấu kinh tế mới tiên tiến, hiện đại hơn, tính chất xã hội hóa cao và đồng bộ hài hòa hơn giữa các vùng, các khu vực, giữa nông thôn và thành thị, đô thị… Quá trình biến đổi trong cơ cấu kinh tế đó tất yếu kéo theo những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp, cả trong cơ cấu tổng thể cũng như những biến đổi trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội. Từ đó, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội cũng thay đổi theo. Mặt khác, nền KTTT phát triển mạnh với tính cạnh tranh cao khiến cho các giai cấp, tầng lớp xã hội cơ bản trong thời kỳ này trở nên năng động, sáng tạo hơn để có thể tạo ra những sản phẩm có giá trị, hiệu quả cao và chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Xu hướng biến đổi này diễn ra rất khác nhau ở các quốc gia khi bắt đầu thời kỳ quá độ lên CNXH do bị qui định bởi những khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, về hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước.

- Hai là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới

Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ ra rằng, hình thái kinh tế - xã hội CSCN đã được “thai nghén” từ trong lòng xã hội TBCN, do vậy ở giai đoạn đầu của nó vẫn còn những “dấu vết của xã hội cũ” được phản ánh về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần. Bên cạnh những dấu vết của xã hội cũ, xuất hiện những yếu tố của xã hội mới do giai cấp công nhân và các giai cấp, tầng lớp trong xã hội bắt tay vào tổ chức xây dựng, do vậy tất yếu sẽ diễn ra sự tồn tại “đan xen” giữa những yếu tố cũ và yếu tố mới. Đây là vấn đề mang tính qui luật và được thể hiện rõ nét nhất trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Về mặt kinh tế là còn tồn tại kết cấu kinh tế nhiều thành phần. Chính cái kết cấu kinh tế đa dạng, phức tạp này dẫn đến những biến đổi đa dạng, phức tạp trong cơ cấu xã hội - giai cấp mà biểu hiện của nó là trong thời kỳ quá độ lên CNXH còn tồn tại các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, giai cấp tư sản (tuy đã bị đánh bại nhưng vẫn còn sức mạnh) đã xuất hiện sự tồn tại và phát triển của các tầng lớp xã hội mới như: tầng lớp doanh nhân, tiểu chủ, tầng lớp những người giàu có và trung lưu trong xã hội…

- Ba là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội.

Trong thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi và phát triển trong mối quan hệ vừa có mâu thuẫn, đấu tranh, vừa có mối quan hệ liên minh với nhau, dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa công nhân, nông dân và trí thức. Mức độ liên minh, xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội tùy thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ. Tính đa dạng và tính độc lập tương đối của các giai cấp, tầng lớp sẽ diễn ra việc hòa nhập, chuyển đổi bộ phận giữa các nhóm xã hội và có xu hướng tiến tới từng bước xóa bỏ dần tình trạng bóc lột giai cấp trong xã hội. Đó là xu hướng tất yếu và là biện chứng của sự vận động, phát triển cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Trong cơ cấu xã hội - giai cấp ấy, giai cấp công nhân, lực lượng tiêu biểu cho PTSX mới giữ vai trò chủ đạo, tiên phong trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Vai trò chủ đạo của giai cấp công nhân còn được thể hiện ở sự phát triển mối quan hệ liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ngày càng giữ vị trí nền tảng chính trị - xã hội, từ đó tạo nên sự thống nhất của cơ cấu xã hội - giai cấp trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH.

## 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

### *5.2.1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH là sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau… giữa các giai cấp, tầng lớp nhằm thực hiện nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực xây dựng thành công CNXH.

Xét dưới góc độ chính trị - xã hội, khẳng định tính tất yếu của liên minh giai cấp, C.Mác đã chỉ rõ: chính cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp có lợi ích đối lập nhau đặt ra nhu cầu tất yếu khách quan phải thực hiện liên minh giai cấp - đó là quy luật chung, phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp. Trong cách mạng XHCN, giai cấp nông dân là “người bạn đồng minh tự nhiên” của giai cấp công nhân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng này cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng xã hội mới.

Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của C.Mác vào nước Nga, V.I.Lênin cũng chỉ ra rằng: Nếu không liên minh với nông dân thì không thể có được chính quyền của giai cấp vô sản, không thể nghĩ được đến việc duy trì chính quyền đó... Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước.

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác vừa là LLSX cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, trong đó trước hết là với trí thức thì không những cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị XHCN cũng ngày càng được củng cố vững chắc. Khẳng định vai trò của trí thức trong khối liên minh, V.I.Lênin viết: Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được.

Xét dưới góc độ kinh tế, liên minh giai cấp, tầng lớp được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ… Mỗi lĩnh vực của nền kinh tế chỉ phát triển được khi gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau để cùng hướng tới phục vụ phát triển sản xuất và tạo thành nền cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Chính những biến đổi trong cơ cấu kinh tế này đã và đang từng bước tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và các tầng lớp nhân dân.

Việc hình thành khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức cũng xuất phát từ chính nhu cầu và lợi ích kinh tế của họ nên các chủ thể của các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ tất yếu phải gắn bó, liên minh chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và lợi ích kinh tế chung của mình. Song quan hệ lợi ích giữa công nhân, nông dân và trí thức cũng có những biểu hiện mới, phức tạp. Bên cạnh sự thống nhất về lợi ích kinh tế, xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích ở những mức độ khác nhau. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến sự đoàn kết, thống nhất của khối liên minh. Do vậy, quá trình thực hiện liên minh đồng thời là quá trình liên tục phát hiện ra mâu thuẫn và có giải pháp kịp thời, phù hợp để giải quyết mâu thuẫn nhằm tạo sự đồng thuận và tạo động lực thúc đẩy quá trình CNH, HĐH đất nước, đồng thời tăng cường khối liên minh ngày càng bền chặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản của giai cấp công nhân.

### *5.2.2. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, khối liên minh thực hiện ba nội dung cơ bản:

- Nội dung kinh tế: Khi bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH, V.I.Lênin chỉ rõ nội dung cơ bản nhất của thời kỳ này là: Chính trị đã chuyển trọng tâm sang chính trị trong lĩnh vực kinh tế, đấu tranh giai cấp mang những nội dung và hình thức mới1. Nội dung này cần thực hiện nhằm thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích kinh tế thiết thân của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí và các tầng lớp khác trong xã hội, nhằm tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho CNXH.

- Nội dung chính trị: Khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cần thực hiện nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng CNXH, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN.

- Nội dung văn hóa xã hội: Xây dựng khối liên minh để các lực lượng dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng nhau xây một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại.

## 5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

### *5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

*5.3.1.1. Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp vừa đảm bảo tính qui luật, vừa mang tính đặc thù của xã hội Việt Nam*

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, cơ cấu xã hội - giai cấp cũng vận động, biến đổi theo đúng qui luật: đó là sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp bị chi phối bởi những biến đổi trong cơ cấu kinh tế. Từ Đại hội VI (1986), dưới sự lãnh đạo của



1V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1977, Tập 36, Tr.214.

Đảng, Việt Nam chuyển mạnh sang cơ chế thị trường phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN. Sự chuyển đổi trong cơ cấu kinh tế đã dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp với việc hình thành một cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng. Sự biến đổi phức tạp, đa dạng của cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam diễn ra trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cơ bản của xã hội; thậm chí có sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp. Chính những biến đổi mới này cũng là một trong những yếu tố có tác động trở lại làm cho nền kinh tế đất nước phát triển trở nên năng động, đa dạng hơn và trở thành động lực góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới xây dựng CNXH.

*5.3.1.2. Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp ngày càng được khẳng định*

Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam ở thời kỳ quá độ lên CNXH bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản sau:

Giai cấp công nhân Việt Nam có vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho PTSX tiên tiến; giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng CNXH, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức .

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, tiến hành CNH, HĐH. Giai cấp công nhân - lực lượng đi đầu của quá trình này sẽ có những biến đổi nhanh cả về số lượng, chất lượng và có sự thay đổi đa dạng về cơ cấu. Sự đa dạng của giai cấp công nhân không chỉ phát triển theo thành phần kinh tế mà còn phát triển theo ngành nghề. Bộ phận “công nhân tri thức” sẽ ngày càng lớn mạnh. Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân cũng ngày càng được nâng lên nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức. Bên cạnh đó, một bộ phận công nhân thu nhập thấp, giác ngộ chính trị, giai cấp chưa cao và còn nhiều khó khăn về mọi mặt vẫn tồn tại.

Giai cấp nông dân cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp…

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, giai cấp nông dân cũng có sự biến đổi, đa dạng về cơ cấu giai cấp; có xu hướng giảm dần về số lượng và tỉ lệ trong cơ cấu xã hội - giai cấp. Trong giai cấp nông dân xuất hiện những chủ trang trại lớn, đồng thời vẫn còn những nông dân mất ruộng đất, nông dân đi làm thuê…và sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ nông dân cũng ngày càng rõ.

Đội ngũ trí thức là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là lực lượng trong khối liên minh. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Ðảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị.

Hiện nay, cùng với yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức trong điều kiện khoa học - công nghệ và cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đang phát triển mạnh mẽ thì vai trò của đội ngũ trí thức càng trở nên quan trọng.

Đội ngũ doanh nhân. Hiện nay ở Việt Nam, đội ngũ doanh nhân đang phát triển nhanh cả về số lượng và qui mô với vai trò không ngừng tăng lên. Đây là tầng lớp xã hội đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh. Trong tầng lớp doanh nhân có các doanh nhân với tiềm lực kinh tế lớn, có những doanh nhân vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Đội ngũ này đang đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Vì vậy, xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

Tầng lớp tiểu chủ. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, tầng lớp này ra đời, phát triển ngày càng đông đảo và đang đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Tầng lớp này còn hoạt động mạnh mẽ hơn trong điều kiện đất nước mở cửa, hội nhập. Một bộ phận sẽ phát triển trở thành doanh nhân. Do đó, cần có chính sách để phát triển tầng lớp tiểu chủ trong mối quan hệ hài hòa với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội.

Đội ngũ thanh niên là rường cột, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo, phát triển, thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước. Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân cho thanh niên, nhất là học sinh, sinh viên để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH.

### *5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về liên minh giai cấp, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã được hình thành từ rất sớm ở nước ta và được khẳng định qua các kỳ Đại hội của Đảng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo.

*5.3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

- Nội dung chính trị của liên minh:

Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng lên CNXH.

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH vẫn còn tồn tại những hệ tư tưởng cũ, những phong tục tập quán cũ lạc hậu; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá chính quyền cách mạng, chống phá chế độ mới, vì vậy trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân, để thực hiện liên minh, phải từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh; xây dựng Nhà nước pháp quyền CNXH của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, đảm bảo các lợi ích chính trị, các quyền dân chủ, quyền công dân, quyền làm chủ, quyền con người của công nhân, nông dân, trí thức và của nhân dân lao động, từ đó, thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Động viên các lực lượng trong khối liên minh gương mẫu chấp hành đường lối chính trị của Đảng; pháp luật và chính sách của nhà nước; sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ XHCN. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch và phản động.

- Nội dung kinh tế của liên minh:

Nội dung kinh tế của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở nước ta thực chất là sự hợp tác giữa họ, đồng thời mở rộng liên kết hợp tác với các lực lượng khác, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân… để xây dựng nền kinh tế mới XHCN hiện đại; trong đó nội dung kinh tế xuyên suốt của thời kỳ quá độ lên CNXH là thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, phát triển bền vững theo định hướng XHCN.

Dưới góc độ kinh tế, xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên và tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí. Xác định đúng cơ cấu kinh tế (của cả nước, của ngành, địa phương, cơ sở sản xuất, v.v.). Từ đó, các địa phương, cơ sở, v.v… vận dụng linh hoạt và phù hợp vào địa phương mình, ngành mình để xác định cơ cấu cho đúng.

Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ…; giữa các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế… để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội. Chuyển giao và ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ cao vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nhằm gắn kết chặt chẽ các lĩnh vực kinh tế cơ bản của quốc gia, qua đó gắn bó chặt chẽ công nhân, nông dân, trí thức và các lực lượng khác trong xã hội làm cơ sở kinh tế - xã hội cho sự phát triển của quốc gia.

- Nội dung văn hóa xã hội của liên minh:

Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh đòi hỏi phải đảm bảo kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng nền văn hóa mới XHCN; bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xoá đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm sóc sức khoẻ và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội.

*5.3.2.2. Phương hướng cơ bản nhằm phát huy tính tích cực của biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam*

Một là, đẩy mạnh CNH, HĐH; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực:

- Cơ cấu xã hội muốn biến đổi theo hướng tích cực phải dựa trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế. Bởi vì chỉ có một nền kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, dựa trên sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại mới có khả năng huy động các nguồn lực cho phát triển xã hội một cách thường xuyên và bền vững. Cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với kinh tế tri thức để tạo môi trường, điều kiện và động lực thúc đẩy sự biến đổi cơ cấu xã hội theo hướng ngày càng phù hợp và tiến bộ hơn.

- Tăng trưởng kinh tế gắn với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường là cơ sở và điều kiện thuận lợi cho những biến đổi tích cực của cơ cấu xã hội, đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nó đến biến đổi cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp. Quan tâm thích đáng và phù hợp với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là với tầng lớp yếu thế của xã hội. Tạo ra cơ hội công bằng cho mọi thành phần xã hội để tiếp cận đến sự phát triển về sở hữu tư liệu sản xuất, về giáo dục, y tế, các chính sách an sinh xã hội v.v…

Hai là, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp:

Trong hệ thống chính sách xã hội, các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp cần được đặt lên vị trí hàng đầu. Các chính sách này không chỉ liên quan đến từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội, mà còn chú ý giải quyết tốt mối quan hệ trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cũng như mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp với nhau để hướng tới đảm bảo công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách phát triển và sự phân hóa giàu nghèo giữa các giai cấp, tầng lớp, hoặc trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội. Cần có sự quan tâm thích đáng và phù hợp đối với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Cụ thể:

- Đối với giai cấp công nhân, quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phát triển cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ công nhân; sửa đổi bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,…

- Đối với giai cấp nông dân, xây dựng và phát huy vai trò chủ thể của họ trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin,…

- Đối với đội ngũ trí thức, xây dựng đội ngũ ngày càng lớn mạnh, chất lượng cao. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của họ. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài xây dựng đất nước.

- Đối với đội ngũ doanh nhân, tạo cơ chế, môi trường thuận lợi cho doanh nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Có cơ chế, chính sách đảm bảo quyền lợi của đội ngũ doanh nhân. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước. Đối với thế hệ trẻ, đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực. Khuyến khích thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc2.

Ba là, tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội:



2ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2016, Tr.160-163.

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khối liên minh, của việc phát huy vai trò của mọi thành phần trong cơ cấu xã hội - giai cấp, từ đó xây dựng chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với từng đối tượng để tạo động lực và tạo sự đồng thuận xã hội.

- Tiếp tục giải quyết tốt các mâu thuẫn, các khác biệt và phát huy sự thống nhất trong các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH và phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bốn là, hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh:

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội. Tiếp tục “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực”3

- Đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ trong tất cả các ngành, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ… làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển của nền kinh tế thống nhất.

Năm là, đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân:

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tăng cường liên minh và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển bền vững đất nước.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà nước theo hướng tinh giản, hiệu quả, Xây dựng Nhà nước phục vụ, kiến tạo phát triển nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành viên trong xã hội được phát triển một cách công bằng trước pháp luật. Mọi chính sách, pháp luật của Nhà nước phải nhằm phục vụ, bảo vệ và vì lợi ích căn bản chính đáng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc với việc tăng cường khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt Trận Tổ quốc thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Công đoàn, Hội nông dân, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, các hoạt động của đội ngũ doanh nhân… Trong liên minh cần đặc biệt chú trọng hình thức liên minh của thế hệ trẻ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cần chủ động hướng dẫn các hình thức hoạt động, các phong trào thi đua yêu nước, phát huy tài năng sáng tạo của tuổi trẻ vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.



3ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2016, Tr.77.

**NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN**

1. Làm rõ cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH? Liên hệ những vấn đề này ở Việt Nam hiện nay?

2. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta hiện nay, để tăng cường khối liên minh vững mạnh, cần coi trọng những vấn đề gì?

3. Phân tích rõ cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH và liên hệ với vấn đề này ở Việt Nam?

4. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH vì sao phải thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp? Phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp Việt nam?

5. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh ở nước ta hiện nay?

6. Làm rõ trách nhiệm của thanh niên, sinh viên trong việc góp phần củng cố khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

# CHƯƠNG 6

# VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

# TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

**MỤC ĐÍCH CỦA CHƯƠNG**

*- Kiến thức:* Trang bị cho người học quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo. Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

*- Kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng tư duy và năng lực vận dụng những nội dung trong bài học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.

*- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Thấy rõ tính khoa học trong tư tưởng và và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo của chủ nghĩa Mác-Lênin, của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó có trách nhiệm góp phần tuyên truyền, góp phần thực hiện chính sách, pháp luật dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước.

**NỘI DUNG BÀI GIẢNG**

## 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

### *6.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc*

*6.1.1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc*

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người. Trước khi cộng đồng dân tộc xuất hiện loài người đã trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao, bao gồm:

Thị tộc xuất hiện trong chế độ công xã nguyên thủy. Huyết thống là yếu tố cơ bản chi phối công đồng này.

Bộ tộc xuất hiện trong chế độ chiếm hữu nô lệ và phong kiến, chịu sự chi phối của yếu tố kinh tế và quan hệ gia cấp.

Dân tộc xuất hiện trên cơ sở của bộ tộc. Trong đó, sự biến đổi của PTSX chính là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc. Theo V.I.Lênin, ở các nước phương Tây, dân tộc xuất hiện khi PTSX TBCN được xác lập thay thế PTSX phong kiến. Lọai dân tộc này, do giai cấp tư sản thống trị, nên được gọi là dân tộc tư sản. Ở các nước phương Đông, do tác động của các nhân tố tự nhiên - xã hội đặc thù trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, cộng đồng dân tộc xuất hiện trước CNTB. Loại dân tộc này gọi là dân tộc tiền tư bản.

Hiện nay, khái niệm dân tộc được hiểu theo nhiều nghĩa, trong đó có hai nghĩa được dùng phổ biến:

Thứ nhất: Dân tộc (Nation) hay quốc gia dân tộc chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước, dân một nước.

Hiểu theo nghĩa này, dân tộc có những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất: Với tư cách là một quốc gia dân tộc

+ Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế. Đây là đặc trưng quan trọng nhất và là cơ sở liên kết các bộ phận, các thành viên của dân tộc, tạo nên nền tảng vững chắc của cộng đồng dân tộc.

+ Có lãnh thổ chung ổn định không bị chia cắt. Đây là địa bàn sinh tồn và phát triển của cộng đồng dân tộc.

+ Có sự quản lý của một nhà nước, nhà nước - dân tộc độc lập.

+ Có ngôn ngữ chung của quốc gia làm công cụ giao tiếp trong xã hội và trong cộng đồng (bao gồm cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết).

+ Có nét đặc thù tâm lý biểu hiện qua nền văn hóa dân tộc và tạo niên bản sắc văn hóa riêng của nền văn hóa dân tộc.

Thứ hai: Dân tộc - tộc người, dùng để chỉ một cộng đồng người có mối liên hệ hặt chẽ và bền vững, có chung sinh hoạt kinh tế, có ngôn ngữ riêng, văn hóa có những đặc thù; xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác tộc người của dân cư cộng đồng đó.

Hiểu theo nghĩa tiếp cận thứ hai này, dân tộc được hình thành lâu dài trong lịch sử và có ba đặc trưng cơ bản sau:

+ Công đồng về ngôn ngữ: đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt các tộc người khác nhau và luôn được các dân tộc coi trọng gìn giữ.

+ Cộng đồng về văn hóa: văn hóa ở mỗi tộc người phản ánh truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của tộc người đó. Lịch sử phát triển của các tộc người gắn liền với truyền thống văn hóa của họ.

+ Ý thức tự giác tộc người: Đây là tiêu chí quyết định nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người.

Như vậy, với nghĩa thứ nhất, dân tộc là toàn bộ nhân dân của quốc gia đó, chẳng hạn: dân tộc Nga, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Ấn Độ, dân tộc Việt Nam…Với nghĩa thứ hai dân tộc là một bộ phận của quốc gia, chẳng hạn: dân tộc Kinh, dân tộc Tày, dân tộc Bana, dân tộc Ê-đê…ở Việt Nam. Tuy khái niệm dân tộc được hiểu theo hai nghĩa. Nhưng thực chất, hai vấn đề này lại gắn bó mật thiết với nhau và không thể tách rời nhau.

*6.1.1.2. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển vấn đề dân tộc*

Nghiên cứu về vấn đề dân tộc và phong trào dân tộc trong điều kiện CNTB độc quyền, V.I.Lênin đã phát hiện ra hai xu thế khách quan trong sự phát triển vấn đề dân tộc.

- Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân tộc muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập. Xu hướng này gắn liền với giai đoạn đầu của CNTB mà nguyên nhân là do sự thức tỉnh và sự trưởng thành của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh đầy đủ về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra để thành lập các dân tộc độc lập.

Biểu hiện của xu hướng này là sự kích thích đời sống và phong trào dân tộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.

- Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hợp lại với nhau. Khi dân tộc ra đời gắn liền với việc mở rộng và tăng cường quan hệ kinh tế, xóa bỏ ngăn cách giữa các dân tộc từ đó hình thành thị trường thế giới, CNTB trở thành hệ thống. Cùng với sự phát triển của LLSX, của khoa học công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản đã làm xuất hiện nhu cầu xoá bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế rộng lớn giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau. Xu hướng này phát huy tác động nổi bật trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc.

Biểu hiện của hai xu hướng phát quan hệ dân tộc trong thời đại ngày nay rất phong phú và đa đạng:

- Xét trong phạm vi các quốc gia XHCN có nhiều dân tộc.

Ở các nước này, xu hướng thứ nhất biểu hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc để đi tới sự tự chủ và phồn vinh của bản thân dân tộc. Xu hướng thứ hai tạo nên sức thúc đẩy mạnh mẽ để các dân tộc trong cộng đồng quốc gia xích lại gần nhau hơn nữa, hòa hợp với nhau ở mức độ cao hơn nữa trong mọi lĩnh vực đời sống.

Nhìn chung, trong điều kiện CNXH, hai xu hướng phát huy tác động cùng chiều, bổ sung, hỗ trợ nhau. Sự tự chủ phồn vinh của mỗi dân tộc sẽ tạo điều kiện vật chất - tinh thần để hợp tác với các dân tộc anh em. Tuy nhiên, sự hòa quyện không làm mất sắc thái của từng dân tộc, ngược lại nó được bảo lưu, giữ gìn và phát huy tinh hoa bản sắc của từng dân tộc.

- Xét trên phạm vi thế giới, sự tác động của hai xu hướng khách quan này thể hiện ở những điểm sau đây:

+ Thời đại ngày nay là thời đại các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đã đứng lên xóa bỏ sự nô dịch, áp bức, giành quyền tự chủ quyết định vận mệnh dân tộc mình như lựa chọn nền chính trị, con đường phát triển của dân tộc, quyền bình đẳng với các dân tộc khác… Đây là mục tiêu vì độc lập dân tộc, thực chất là chống chủ nghĩa đế quốc, chống kì thị dân tộc, phân biệt chủng tộc. Ví dụ phong trào này diễn ra mạnh mẽ vào nhữn năm 60 của thế kỷ XX và kết quả là có khoảng 100 quốc gia giành độc lập dân tộc.

+ Các dân tộc ngày nay có xu hướng xích lại gần nhau để trở thành một quốc gia thống nhất theo nguyên trạng lịch sử.

Các dân tộc có sự tương đồng về địa lý, môi trường, một số giá trị văn hóa…, muốn tạo thành liên minh dân tộc trên cơ sở những lợi ích chúng muốn dựa vào nhau để khắc phục những khó khăn trước mắt nhằm phát triển kinh tế và giải quyết một số vấn đề chung như chiến tranh, môi trường, dịch bệnh, nghèo đói,… Xu hướng xích lại gần nhau thể hiện ở sự liên minh của các dân tộc trên cơ sở lợi ích chung để hình thành các hình thức liên minh đa dạng như liên minh khu vực ASEAN, EU, …

*6.1.1.3. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin*

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin đã được V.I.Lênin nêu ra trên cơ sở tư tưởng của học thuyết Mác về mối quan hệ dân tộc và giai cấp; căn cứ vào sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc giải quyết vấn đề dân tộc những năm đầu thế kỷ XX.

Đồng thời, phân tích sâu sắc hai xu hướng khách quan của sự phát triển các dân tộc gắn liền với quá trình phát triển của CNTB, nhất là giai đoạn CNTB độc quyền V.I.Lênin đã khái quát thành Cương lĩnh dân tộc.

Trong tác phẩm Về quyền dân tộc tự quyết, V.I.Lênin khái quát Cương lĩnh dân tộc gồm có ba nội dung chủ yếu: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc có quyền tự quyết; liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc:

- Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

Bình đẳng là quyền thiêng liêng của các dân tộc, là mục tiêu phấn đấu của các dân tộc, đảm bảo cho các dân tộc không phân biệt số đông, số ít, trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lơi và nghĩa vụ ngang nhau. Đây là cơ sở để xóa bỏ tình trạng nô dịch, áp bức dân tộc, từng bước giữa các dân tộc, khắc phục sự chênh lệch về sự phát triển của các dân tộc, xây dựng sự bình đẳng toàn diện giữa các dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội,...phải được thực hiện một cách đích thực trong đời sống.

- Các dân tộc được quyền tự quyết.

Quyền tự quyết thực chất là một nội dung của quyền bình đẳng. Đó là quyền làm chủ của mỗi dân tộc, có quyền tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

Quyền tự quyết có tính chất hai mặt. Một mặt, là quyền tự do phân lập về chính trị, có nghĩa là sự phân lập của các dân tộc với tư cách là một quốc gia dân tộc độc lập. Mặt khác, quyền dân tộc tự quyết còn là quyền tự nguyên liên bang với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ.

V.I.Lênin viết: “Yêu sách dân tộc phải phục tùng giai cấp vô sản” và “ thừa hận hay không thừa nhận quyền dân tộc tự quyết đối với giai cấp vô sản trong cả hai trường hợp đều phải đảm bảo sự phát triển của chính giai cấp mình”1

- Liên hiệp giai cấp công nhân của các dân tộc.

Đây là tư tưởng cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc của các Đảng cộng sản. Nó phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân, phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp



1V.I.Lênin, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, Tập 23, Tr.319

giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Nó đảm bảo cho phong trào dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi.

Liên hiệp công nhân các dân tộc thực chất là đoàn kết, thống nhất của lực lượng tiến bộ đấu tranh vì hòa bình, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp và dân tộc. Khi CNTB trở thành một hệ thống, giai cấp tư sản là mọt lực lượng quốc tế thì giai cấp vô sản phải liên hiệp lại để chống kẻ thù chung của mình, giải phóng mình, giải phóng toàn nhân loại.

Tóm lại, toàn bộ nội dung Cương lĩnh dân tộc là một thể thống nhất. Trong đó, liên hiệp công nhân các dân tộc là nội dung cơ bản nhất. Nó không chỉ là lời kêu gọi mà còn là giải pháp hữu hiệu đảm bảo việc thực hiện quyền bình đẳng và quyền tự quyết dân tộc. Nội dung đó đóng vai trò liên kết cả ba nội dung của cương lĩnh thành một chỉnh thể.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin là một bộ phận trong cương lĩnh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp; là cơ sở lý luận của đường lối chính sách dân tộc của các Đảng cộng sản và Nhà nước trong các quốc gia đang quá độ lên CNXH.

### *6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam*

*6.1.2.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam*

Ngày nay nghiên cứu về lịch sử phát triển dân tộc Việt Nam, các nhà khoa học tương đối thống nhất ý kiến cho rằng: dân tộc Việt Nam được hình thành từ rất sớm trong lịch sử và không gắn với sự ra đời của CNTB. Theo những kết quả nghiên cứu khoa học thì Việt Nam là một trong những cái nôi lịch sử văn hóa của loài người. Lịch sử dân tộc ta gắn liền với truyền thống trống giặc ngoại xâm và chống thiên tai, đặc biệt là vấn đề trị thủy.

Qúa trình phát triển của dâ tộc Viêt Nam hiện nay nổi lên những đặc điểm cơ bản sau đây:

- Thứ nhất, có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.

Việt Nam có 54 dân tộc anh em sinh sống trên lãnh thổ, trong đó dân tộc kinh có 73.594.341 người chiếm 85,7% dân số cả nước; 53 dân tộc thiêu số có 12.252.656 người chiếm 14,3% dân số. Tỷ lệ số dân giữa các dân tộc cũng không đồng đều, có 10 dân tộc có dân số lớn hơn 1 triệu người (Tày, Nùng, Thái, Mường, Khơme, Mông, Dao, Giarai, Bana, Êđê) nhưng có dân tộc có só dân chỉ vài ba trăm (Cống, Sila, Pu péo, Brâu, Ơđu).

- Thứ hai, các dân tộc cư trú xen kẽ nhau.

Việt Nam vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. Tính chất chuyển cư như vậy đã tạo nên bản đồ cư trú của các dân tộc trở nên phân tán, xen kẽ và làm cho các dân tộc ở Việt Nam không có lãnh thổ tộc người riêng. Vì vây, không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung duy nhất trên một địa bàn.

Đặc điểm cư trú xen kẽ giữa các dân tộc ở nước ta tạo ra điều kiện thuận lợi cơ bản để tăng cường quan hệ dân tộc, mở rộng hiểu biết lẫn nhau, mở rộng giao lưu giúp đỡ nhau cùng phát triển tạo nên một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Mặt khác, do có nhiều tộc ngươi xen kẽ nên trong quá trình sinh sống cũng dễ sinh mâu thuẫn, xung đột, tạo kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc phá hoại an ninh chính trị và sự thống nhất của đất nước. Tính hai mặt này được ta nêu rõ: “Một mặt là điều kiện để tăng cường hiểu biết nhau, đoàn kết xích lại gần nhau; mặt khác cần đề phòng trường hợp có thể chưa thật hiểu nhau, khác nhau về phong tục tập quán,.. làm xuất hiện mâu thuẫn, tranh chấp về lợi ích kinh tế, dẫn tới khả năng va chạm những người thuộc các dân tộc sinh sống trên địa bàn”2.

- Thứ ba, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.

Mặc dù chiếm 14,3% dân số, nhưng 53 dân tộc thiểu số Việt Nam lại cư trú trên 3/4 diện tích lãnh thổ và ở những vi trí trọng yếu của quốc gia cả về kinh tế, an ninh quốc phòng, môi trường sinh thái - đó là vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa của đất nước. Một số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng và khu vực. Ví dụ: dân tộc Thái, Mông, Khơme, Hoa,…do vậy, các thế lực thù địch thường lợi dụng vấn đề dân tộc để âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam.

- Thứ tư, các dân tộc Viêt Nam có trình độ phát triển không đồng đều.

Do điều kiện kinh tế, xã hội và hậu quả của chế độ áp bức, bóc lột, xâm lược trong lịch sử nên trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các dân tộc còn sự chênh lệch. Do vậy, muốn thực hiện bình đẳng dân tộc, phải từng bước giảm, tiến tới xoá bỏ khoảng cách phát triển giữa các dân tộc về kinh tế, văn hóa xã hội. Đây là nội dung quan trọng trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta để các dân tộc thiểu số phát triển nhanh và bền vững.

- Thứ năm, các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng - quốc gia thống nhất.

Đặc điểm này được hình thành do yêu cầu của quá trình cải biến tự nhiên và nhu cầu hợp sức, hợp quần để cùng đấu tranh chống ngoại xâm nên dân tộc Việt Nam đã hình thành từ rất sớm và tạo ra độ kết dính cao giữa các dân tộc.

Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống quý báu của các dân tộc ở Việt Nam, là một trong những nguyên nhân và động lực quyết định mọi thắng lợi của dân tộc trong các giai đoạn lịch sử, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược để giành thống nhất Tổ quốc.

- Thứ sáu, mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, các dân tộc đề có đời sống văn hóa mang bản sắc phong phú, đa dạng trên cơ sở thống nhất phản ánh truyền thống lịch sử, đời sống tinh thần và niềm tự hào dân tộc.



2Ban Tư tưởng Văn hóa TW: Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của ĐCSVN, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2002, Tr.31.

*6.1.2.2. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam*

\*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam

Đảng cộng sản Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã thực hiện nhất quán những quan điểm và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc. Bên cạnh, căn cứ vào cơ sở thực tiễn lịch sử đấu tranh cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam cũng như dựa vào tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng vấn đề dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt.

Những quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước ta về dân tộc được xây dựng và thực hiện trên cơ sở cụ thể sau đây:

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ giai cấp và dân tộc.

- Cương lĩnh dân tộc của Đảng cộng sản.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thơi kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- Căn cứ vào thực tiễn cách mạng thế giới và Việt Nam hiện nay.

\*Quan điểm và chính sách của Đàng và Nhà nước Viêt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

-Quan điểm dân tộc của Đảng và Nhà nước

Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà nước ta coi trọng việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, cũng như tiềm năng của từng dân tộc và đưa đất nước quá độ lên CNXH.

Quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc thể hiện ở các nội dung cơ bản sau:

+ Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách của cách mạng Việt Nam.

+ Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

+ Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển nguồn nhân lực, chăm lo phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; gìn giữ phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

+ Ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói gaimr nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảm vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy tinh hần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc; đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

Có thể nói: “Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị”3

- Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta

Chính sách dân tộc hiện nay của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện trên toàn diện các lĩnh vực cụ thể sau:

+ Về chính trị: Thực hiện bình đẳng, đoàn kết tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc.Chính sách dân tộc này góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Về kinh tế: Tập trung phát triển kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng vùng, khai thác được thế mạnh của các vùng dân tộc. Đây là chính sách quan trọng nhất để giảm dần sự chênh lệch về phát triển kinh tế giữa các vùng, giữa các dân tộc. Tại Đại hội Trung ương khóa IX đảng ta đã đề ra chính sách phát triển kinh tế cụ thể:

@ Thực hiện chính sách giao đất, giao rừng tạo điều kiện cho đồng bào chủ động sản xuất, gắn bó với đất và rừng. Cần “Có chính sách thu hút dân cư đến sinh sống ở vùng biên giới, hải đảo còn thưa dân”4.

@ Thực hiện chính sách định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số.

@ Đẩy mạnh phân công lao động xã hội để hình thành cơ cấu dân cư mới ở các vùng dân tộc thiểu số, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

@ Chăm lo xây dựng đời sống vật chất, tinh thần, xóa đói giảm nghèo và chú trọng các cơ sở hạ tầng ở miền núi.

Việc thực hiện các nội dung kinh tế thông qua các dự án, chương trình phát triển kinh tế ở các vùng dân tộc thểu số góp phần thúc đẩy quá trình phát triển KTTT định hướng XHCN.

+ Về văn hóa: Phát triển văn hóa, giáo dục của mỗi dân tộc thiểu số, tạo điều kiện xóa mù chữ, phổ cập giáo dục cũng như tạo điều kiện cho từng dân tộc khai thác phát huy và gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc. Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc. Đồng thời bằng nhiều hình thức thúc đẩy một cách hợp lý quá trình mở



3ĐCSVN: Văn kiện Hội nghị lần thứ Bảy BCHTW, khóa IX, Nxb. CTQG, Hà Nội.203, Tr.33-34 ]

4Đảng Cộng sản Việt Nam đã dẫn, Tr.65.

rộng, giao lưu hòa hợp tinh hoa giá trị văn hóa của các dân tộc với các quốc gia, các khu vực và trên thế giới làm cho nền văn hóa của mỗi dân tộc tự bổ sung để đạt tới trình độ giàu có hơn, vừa làm cho quá trình phát triển nền văn hóa XHCN Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc được đây mạnh.

Đấu tranh chống tệ nạn xã hội, chống diễn biến hòa bình trên mặt trận tư tưởng - văn hóa ở nước ta hiện nay.

+ Về xã hội: Thực hiên chính sách xã hôi, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù mỗi vùng dân tộc. Phát huy vao trò của hệ thống chính trị cơ sở và ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

+ Về an nình quốc phòng: Tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chinhs tri, trật tự an toàn xã hội. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên từng đụa bàn. Tăng cường quan hệ quân dân, tạo thế tranh quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Như vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính toàn diện, tổng hợp, bao trumg liên quan tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mối dân tộc và quan hệ các dân tộc trong công đồng quốc gia. Chính sách kinh tế - xã hôi được coi là nền tảng để tăng cường khối đại đoàn kết và thực hiện quyền mình đẳng dân tộc, là cơ sở từng bước khắc phục chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc.

## 6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

### *6.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo*

*6.2.1.1. Khái niệm, bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo*

\*Khái niệm Tôn giáo

Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào đầu óc của con người - những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”5.

Tín ngưỡng và tôn giáo là hai khái niệm khác nhau có quan hệ chặt chẽ mà ranh giới để phân biệt giữa chúng chỉ là tương đối.

Tín ngưỡng là một khái niệm rộng lớn hơn khái niệm tôn giáo: Tín ngưỡng là niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào một hiện tượng, một lực lượng siêu nhiên, tôn sung vào một điều gì đó pha chút thần bi, hư ảo, vô hình tác động đến con người.Tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện lịch sử - tự nhiên - xã hội xác định. Tôn giáo thường có giáo lí, giáo luật, lễ nghi và tổ chức giáo hội. Bất cứ tôn giáo



5C.Mác-Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1994, Tập 20, Tr.437.

nào cũng có tín ngưỡng, do vậ còn có thuật ngữ tín ngưỡng tôn giáo.

Tôn giáo khác với Mê tín là niềm tin mê muội, viển vông quá mức, không dựa trên một cơ sở khoa học nào. Dị đoan là sự suy đoán một cách nhảm nhí, tùy tiện, sai lệch những điều xảy ra trong cuộc sống. Mê tín dị đoan là chỉ những hành động sai lệch quá mức, gây tổn hại cho cá nhân và cộng đồng, được tạo ra bởi niềm tin mù quáng, nhảm nhí, mê muội... Việc xác định hiện tượng mê tín dị đoan chủ yếu dựa vào hậu quả của nó. Biểu hiện chính của mê tín dị đoan là xem bói, lên đồng, kiêng kị nhảm nhí,…

\*Về bản chất của tôn giáo

Trước hết, chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng tôn giáo, tín ngưỡng là một loại hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan, chứa đựng những yếu tố tiêu cực, lạc hậu nhất định. Khác với các hình thái ý thức xã hội khác như triết học, văn học, đạo đức, chính trị…,

qua sự phản ánh của tôn giáo, những hiện tượng tự nhiên trở thành siêu nhiên, thần bí.

Mặt khác, trong bản thân mỗi tôn giáo đều chứa đựng những yếu tố lạc hậu, tiêu cực nhất định khi giải thích về bản chất các sự vật, hiện tượng, giải thích về cuộc sống của thế giới và con người. Một số tôn giáo, thông qua các giáo thuyết, và các hành vi cực đoan khác, đã kìm hãm nhận thức và khả năng vươn lên của con người, trước hết là những tín đồ; thậm chí đẩy họ đến những hành động đi ngược lại trào lưu, xu thế văn minh.

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hoá do con người sáng tạo ra. Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ.

Con người, theo C.Mác, Ph.Ăngghen, chính là thế giới những con người, là nhà nước, là xã hội; nhà nước ấy, xã hội ấy đã sản sinh ra tôn giáo. Hai ông cũng cho rằng, sản xuất vật chất và các quan hệ kinh tế, xét đến cùng là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các hình thái ý thức xã hội, trong đó có tôn giáo.

Do đó, mọi quan niệm về tôn giáo, các tổ chức, thiết chế tôn giáo đều được sinh ra từ những hoạt động sản xuất, từ những điều kiện sống nhất định trong xã hội và thay đổi theo những thay đổi của cơ sở kinh tế.

\*Về nguồn gốc tôn giáo

Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội của tôn giáo:

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, do trình độ của LLSX và điều kiện sinh hoạt vật chất rất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối trước thiên nhiên. Vì vậy con người đã gán cho thiên nhiên sức mạnh siêu nhiên, thần bí. Khi xã hội xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, giai cấp hình thành, đối kháng giai cấp nảy sinh. Trong xã hội đó, các mối quan hệ xã hội ngày càng phức tạp và con người ngày càng chịu tác động của những yếu tố tự phát, ngẫu nhiên, may rủi...nằm ngoài ý muốn và khả năng điều chỉnh của mình với những hậu quả khó lường... Một lần nữa con người lại bị động, bất lực trước lực lượng tự phát nảy sinh trong xã hội. Sự bần cùng về kinh tế, nạn áp bức về chính trị, sự hiện diện của những bất công xã hội cùng với những thất vọng, bất hạnh trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp bị trị - đó là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo.

Trong những thập kỷ gần đây, với sự phát triển của các điều kiện kinh tế - xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của con người ngày càng được đảm bảo, con người có điều kiện hơn trong quan tâm giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh. Đây cũng là nguyên nhân cho sự nẩy sinh, phát triển nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng.

- Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo.

Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết” vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo.

Phải đến một trình độ nhận thức nhất định, khi con người đạt đến khả năng tư duy trừu tượng hoá, khái quát hoá (từ những hiện tượng riêng lẻ xẩy ra được hệ thống hoá, khái quát hoá), con người mới có khả năng sáng tạo ra tôn giáo. Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hoá, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh.

Mặc dù, hiện nay khoa học - công nghệ đạt được những bước phát triển nảy vọt như hiện nay. Những công nghệ mới như thông tin điện tử, sinh học, vật liệu mới, …phát triển mạnh mẽ. Nhưng thế giới là vô cùng, vô tận và trình độ khoa học - kỹ thuật hiện nay chưa cho phép con người chế ngự được hoàn toàn sức manh tự nhiên. Những bất hạnh rủi ra mà con người gặp phải như động đất, song thần, núi lửa, chiến tranh, bệnh dịch, thất nghiệp…là những vẫn đề xã hội hiện đại còn tồn tại thì con người vốn có tín ngưỡng, tôn giáo còn cầu xin sự che chở, sự thứ tha và “phù hộ độ trì” của thần linh, thượng đế.

- Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo

Tôn giáo tồn tại lâu đời trong lịch sử nhân loại, ăn sâu vào tiềm thức của con người. Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội bảo thủ nhất. Những niềm tin tôn giáo ảnh hưởng sâu đậm trong nếp nghĩ, lối sống của một bộ phận con người trong xã hội qua các thế hệ đã trở thành kiểu sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu của cuộc sống xã hội. Vì thế, dù hiện nay nhân loại đã và đang có những biến đổi lớn lao về kinh tế - xã hội nhưng tín ngưỡng tôn giáo vẫn còn tồn tại bởi những lý do đó.

Trong xã hội, sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hôi, hay trong lúc ốm đau bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn bình yên khi làm việc lớn (ví dụ: ma chay, cưới hỏi, làm nhà, khởi nghiệp …) con người dễ tìm tới tôn giáo. Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, long biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước với dân cũng dẫn con người đến với tôn giáo (ví dụ: thờ các anh hung dâ tộc, thờ các thành hoàng làng).

\*Về tính chất của tôn giáo

- Tính lịch sử của tôn giáo: Thể hiện ở chỗ, tôn giáo có sự hình thành, tồn tại và phát triển trong những giai đoạn lịch sử nhất định, nó có khả năng biến đổi để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Khi các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi theo.

- Tính quần chúng của tôn giáo: Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ các tôn giáo chiếm tỉ lệ cao trong dân số thế giới. Dù tôn giáo hướng con người vào niềm tin hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là quần chúng lao động tin theo. Khi thể hiện tính quần chúng, tôn giáo thường có tính nhân văn, nhân đạo, hướng thiện.

- Tính chính trị của tôn giáo: Ở xã hội công xã nguyên thủy, khi xã hội chưa có giai cấp, tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân và thế giới xung quanh mình, tôn giáo chưa mang tính chính trị. Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích, các giai cấp bóc lột thống trị thường sử dụng tôn giáo như một phương tiện dắc lực phục vụ sự thống trị của mình.

Do tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị. Tuy nhiên, khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

Những cuộc chiến tranh tôn giáo đã và đang xảy ra, thực chất vẫn là xuất phát từ lợi ích vật chất của những lực lượng xã hội khác nhau. Trong những cuộc đấu tranh ý thức hệ thì tôn giáo thường là bộ phận của đấu tranh giai cấp. Vì vậy, cần nhận rõ rằng, đa số quần chúng tín đồ đến với tôn giáo nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần; song, trên thực tế, tôn giáo đã và đang bị các thế lực chính trị - xã hội lợi dụng thực hiện mục đích ngoài tôn giáo của họ.

*6.1.2.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Tín ngưỡng tôn giáo là một vấn đề nhạy cảm, phức tạp. Vì vậy, giải quyết những vấn đề nảy sinh từ tôn giáo đòi hỏi phải thận trong, mềm dẻo, linh hoạt. Giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Điều cần lưu ý là tín ngưỡng tôn giáo với nhiều hình thức khác nhau vẫn còn tồn tại trong xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội, việc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng là một nguyên tắc. Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đấng tối cao, đấng thiêng liêng nào đó mà họ tôn thờ, thuộc lĩnh vực ý thức tư tưởng. Do đó, tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân.

Nội dung cở bản của quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng nói lên rằng: Bất kỳ ai cũng được hoàn toàn tự do theo tôn giáo nào đó hoặc không theo một tôn giáo nào. Việc theo đạo, đổi đạo, hay không theo đạo là thuộc quyền tự do lựa chọn của mỗi người dân, không một cá nhân, tổ chức nào, kể cả các chức sắc tôn giáo, tổ chức giáo hội… được quyền can thiệp vào sự lựa chọn này. Mọi hành vi cấm đoán, ngăn cản tự do theo đạo, đổi đạo, bỏ đạo hay đe dọa, bắt buộc công dân phải theo đạo đều xâm phạm đến quyền tự do tư tưởng của họ.

Tôn trọng tự do tín ngưỡng là xuất phát từ việc tôn trọng quyền tự do tư tưởng tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ XHCN. Nhà nước XHCN không can thiệp và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân. Các tôn giáo được Nhà nước thừa nhận đều bình đẳng trước pháp luật. Các giáo hội có trách nhiệm động viên tín đồ của mình thực hiện bổn phận của giáo dan và nghĩa vụ công dân, phấn đấu sống “tốt đời đẹp đạo” phù hợp với lợi ích của dân tộc quốc gia.

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Nguyên tắc này để khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ hướng vào giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng lao động; chủ nghĩa Mác - Lênin không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo, không tuyên chiến với tôn giáo, không chủ trương xoá bỏ tôn giáo như luận điệu tuyên truyền của các thế lực thù địch.

Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xoá bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Mà điều cần thiết trước hết là phải xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học… cũng như những tệ nạn nảy sinh trong xã hội. Đó là một quá trình lâu dài, và không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng, tín ngưỡng tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.

Trong xã hội công xã nguyên thuỷ, tín ngưỡng tôn giáo chỉ biểu hiện thuần tuý về tư tưởng. Nhưng khi xã hội đã xuất hiện giai cấp thì dấu ấn giai cấp - chính trị ít nhiều đều in rõ trong các tôn giáo. Và từ đó hai mặt chính trị và tư tưởng thường thể hiện và có mối quan hệ với nhau trong vấn đề tôn giáo và bản thân mỗi tôn giáo.

Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiến bộ với phản tiến bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động. Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo, cũng như những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối kháng.

- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng.

Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, tôn giáo luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tuỳ thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử cụ thể nên vai trò, tác dụng của tôn giáo đối với đời sống xã hội không như nhau. Quan điểm của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực của đời sống luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề liên quan đến tôn giáo.

### *6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay*

*6.2.2.1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam*

- Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo.

Nước ta hiện nay có 13 tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân (Phật giáo, Công Giáo, Hồi giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Baha’i, Minh Lý đạo - Tam Tông miếu, Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư Đạo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Bà la môn) và trên 40 tổ chức tôn giáo đã được công nhận về mặt tổ chức hoặc đã đăng ký hoạt động với khoảng 24 triệu tín đồ, 95.000 chức sắc, 200.000 chức việc và hơn 23.250 cơ sở thờ tự6

Có tôn giáo du nhập từ bên ngoài, với những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, như đạo Phật, đạo Công Giáo, đạo Tin lành, đạo Hồi; có tôn giáo nội sinh, như đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo.

- Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo.

Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều luồng văn hóa thế giới, trong đó chịu ảnh hưởng sâu sắc của hai nền văn minh lớn là Trung Quốc và Ấn Độ; về sau chịu tác động, ảnh hưởng của các luồng văn hóa của các quốc gia phương Tây. Hơn nữa, Việt Nam là quốc gia có nhiều tộc người sinh sống, nên từ ngàn xưa đã dung nạp, dung hòa nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo đa dạng và phong phú.

Các tôn giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về nguồn gốc và truyền thống lịch sử. Mỗi tôn giáo ở Việt Nam có quá trình lịch sử tồn tại và phát triển khác nhau, nên sự gắn bó với dân tộc cũng khác nhau. Tín đồ của các tôn giáo khác nhau cùng chung sống hòa bình trên một địa bàn, giữa họ có sự tôn trọng niềm tin của nhau. Chưa từng xảy ra xung đột, chiến tranh tôn giáo. Thực tế cho thấy, không có một tôn giáo nào du nhập vào Việt Nam mà không mang dấu ấn, không chịu ảnh hưởng của bản sắc văn hóa ViệtNam.



6Nguồn: Ban tôn giáo Chính phủ 12/2017: Các tổ chức tôn giáo có nhiều hình thức tồn tại khác nhau.

- Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.

Tín đồ các tôn giáo Việt Nam có thành phần rất đa dạng, chủ yếu là người lao động, bao gồm nông dân, công nhân,... Đa số tín đồ các tôn giáo đều có tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm, tôn trọng công lý, gắn bó với dân tộc, đi theo Đảng, theo cách mạng, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Trong các giai đoạn lịch sử, tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân làm nên những thắng lợi to lớn, vẻ vang của dân tộc. Nhưng là tín đồ tôn giáo, đồng bào có nhu cầu tín ngưỡng, có ước vọng sống “tốt đời, đẹp đạo”.

- Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ.

Chức sắc tôn giáo là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo, họ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo. Về mặt tôn giáo, chức năng của họ là truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo, duy trì, củng cố , phát triển tôn giáo, chuyên chăm lo đời sống tâm linh của tín đồ. Trong giai đoạn hiện nay, hàng ngũ chức sắc tôn giáo luôn chịu sự tác động của tình hình chính trị - xã hội trong và ngoài nước, nhưng nhìn chung xu hướng tiến bộ trong hang ngũ chức sắc tôn giáo ngày phát triển theo hướng tích cực.

- Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.

Các tôn giáo lớn ở Việt Nam đều có quan hệ mật thiết với các cá nhân, tổ chức tôn giáo và các tổ chức ngoài tôn giáo có tính quốc tế, đa dạng và phức tạp. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi Nhà nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, đây chính là điều kiện gián tiếp củng cố và phát sinh mới các mối quan hệ giữa các tôn giáo Việt Nam với các tôn giáo ở các nước trên thế giới. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam phải đảm bảo kết hợp giữa mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế với việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, không để cho kẻ địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá, can thiệp vào công việc nội bộ của Nhà nước Việt Nam.

- Các tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực thực dân, đế quốc, phản động lợi dụng.

Trong những năm trước đây cũng như giai đoạn hiện nay, các thế lực thực dân, đế quốc luôn chú ý ủng hộ, tiếp tay cho các đối tượng phản động ở trong nước lợi dụng tôn giáo để thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” đối với nước ta. Lợi dụng đường lối đổi mới, mở rộng dân chủ của Đảng và Nhà nước ta, các thế lực thù địch bên ngoài thúc đẩy các hoạt động làm sầm uất, phát triển tôn giáo, tập hợp tín đồ, tạo thành một lực lượng để cạnh tranh ảnh hưởng và làm đối trọng với Đảng Cộng sản, đấu tranh đòi hoạt động của tôn giáo thoát ly khỏi sự quản lý của Nhà nước; tìm mọi cách quốc tế hóa “vấn đề tôn giáo” ở Việt Nam để tố cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo.

*6.2.2.2. Chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tín gưỡng, tôn giáo hiện nay*

Trên cơ sở quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với tôn giáo, Đảng và Nhà nước ta vận dụng, phát triển sáng tạo những quan điểm, xây dựng những chính sách tôn giáo phù hợp với sự biến đổi tình hình chính trị - xã hội trong nước và thế giới. Những quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta.

Đảng ta khẳng định, tôn giáo sẽ tồn tại lâu cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Thực tế ở nước ta, đang có khoảng 24 triệu người, chiếm hơn 1/4 dân số, đang có nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo và nhiều giá trị của các tôn giáo, cả vật thể và phi vật thể, phù hợp và đóng góp quan trọng cho công cuộc xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam.

Vì vậy, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

- Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Nhà nước XHCN, một mặt, nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tôn giáo, tín ngưỡng; mặt khác, thông qua quá trình vận động quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội thực tiễn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ kiến thức... để tăng cường sự đoàn kết vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, để cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng sống “tốt đời đẹp đạo”, góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc theo định hướng XHCN.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

Qua đó, thực hiện đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa vùng đồng bào theo các tôn giáo, nhằm nâng cao trình độ, đời sống mọi mặt cho đồngbào, làm cho quần chúng nhân dân nhận thức đầy đủ, đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, trong đó có chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Công tác tôn giáo không chỉ liên quan đến quần chúng tín đồ, chức sắc các tôn giáo, mà còn gắn liền với công tác đấu tranh với âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc, dân tộc.

Vì vây, làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, bao gồm hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính tri, do Đảng lãnh đạo. Cần củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo các cấp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh với hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc, dân tộc chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

- Vấn đề theo đạo và truyền đạo.

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

## 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

### *6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam*

*Dân tộc, tôn giáo là những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, đến chính sách đối nội và đối ngoại của mọi nhà nước, đến cuộc sống của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng dân cư.*

Quan hệ dân tộc và tôn giáo là sự liên kết, tác động qua lại, chi phối lẫn nhau giữa dân tộc với tôn giáo trong nội bộ quốc gia, hoặc giữa các quốc gia với nhau trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Do đó, việc giải quyết mối quan hệ này có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định chính trị và phát triển bền vững của mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đa dân tộc và đa tôn giáo.

Quan hệ dân tộc và tôn giáo được hiện dưới nhiều cấp độ, hình thức và phạm vi khác nhau. Ở nước ta hiện nay, mối quan hệ này có những đặc điểm mang tính đặc thù cơ bản sau:

- Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất.

Các tôn giáo ở Việt Nam có truyền thống gắn bó chặt chẽ với dân tộc, đồng hành cùng với dân tộc, gắn đạo với đời. Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo nhìn chung đều đoàn kết, ý thức rõ về cội nguồn, về một quốc gia - dân tộc thống nhất cùng cung sức xây dựng và bảo về Tổ quốc.

Mặc dù trong bối cảnh, các châu lục và các khu vực khác nhau trên thế giới tình trạng chiến tranh, xung đột dân tộc, sắc tộc, tình trạng ly khai, tự trị diễn ra gay gắt, quyết liệt, gây nhiều tổn thất và mất ổn định chính trị - xã hội. Ví dụ ở Ixaren, Palétxtin và một số quốc gia Đông Âu… Song, Việt Nam - ngoại trừ giai đoạn thực dân Pháp và đế quốc Mỹ lợi dụng tôn giáo như một phương tiện để áp bức dân tộc, xâm lược nước ta thì trong lịch sử dân tộc, nhất là từ khi đất nước giành độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, quan hệ dân tộc và tôn giáo luôn được coi trọng và nhìn chung được giải quyết khá tốt, không dẫn đến xung đột lớn trong nội bộ quốc gia. Tuy nhiên, trong triển khai thực tiễn, do nhận thức hoặc do thực hiện chưa đúng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc và tín ngưỡng tôn giáo, nên có nơi có lúc quan hệ này vẫn nảy sinh những mâu thuẫn cần phải nhận diện rõ và đánh giá một cách khách quan, khoa học để tiếp tục tăng cường giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo nằm một mặt phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc và những giá trị đạo đức, văn hóa của các tôn giáo, tín ngưỡng góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa và sự ổn định chính trị quốc gia.

- Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống.

Ở Việt Nam, tín ngữơng truyền thống biểu hện ở nhiều cấp độ, trên phạm vi cả nước, diễn ra ở trong mọi gia đình, dòng họ không phân biệt dân tộc tôn giáo . Trong đó tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ anh hung dân tộc, những người có công với dân, với nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống tâm linh người Việt.

Chính tín ngưỡng truyền thống đã làm nên nét đặc thù trong quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, thậm chí nó còn chi phối mạnh mẽ làm biến đổi các nền văn hóa, hay các tôn giáo bên ngoài du nhập vào Việt Nam. Tuy nhiên, du nhập vào Việt Nam đều phải biến đổi ít nhiều để phù hợp với truyền thống dân tộc, với nền văn hóa bả địa, trong đó có sự chi phối của tín ngưỡng truyền thống, nhất là truyền thống thờ cúng tổ tiên. Sự biến đổi của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Công giáo là điển hình.

- Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết dân tộc.

Từ khi đất nước thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, KTTT, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng thì đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt phát triển, trong đó xuất hiện một số hiện tượng tôn giáo mới như Long hoa Di Lạc, Tin Lành Vàng Chứ, Thanh Hải vô thượng sư, Tiên rồng…; các tổ chức đội lốt tôn giáo như Tin Lành Đề Ga, Hà Mòn ở Tây Nguyên. Tính chất mê tín của các tôn giáo mới khá rõ. Thậm chí, có một số lợi dụng niềm tin tôn giáo để tuyên truyền nội dung gây hoang mang quần chúng, hay thực hiện những nghi lễ phản văn hóa, truyền đạo trái phép, phát tán tài liệu có nội dung xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, làm phương hại đến mối quan hệ dân tộc và tôn giáo, làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết dân tộc tôn giáo gây ra nhiều vấn đề phức tập và tác động tiêu cực đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội ở nhiều vùng dân tộc.

Do vậy các hiện tượng tôn giáo mới phát triển mạnh hiện nay cần phải được quản lý tốt nhằm đảm bảo sự ổn đinh chính trị quốc gia và đảm bảo giải quyết tốt vấn đề dân tộc và tôn giáo ở nước ta.

- Các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo nhằm thực hiện “diễn biến hòa bình”, nhất là tập trung ở 4 khu vực trọng điểm: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyê hải miền Trung.

Những năm gần dây, thế giới xuất hiện những vấn đề mới trong dân tộc và tôn giáo, trong các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội… Các thế lực xấu, thù địch đã triệt để lợi dụng những vấn đề này, kết hợp với những hoạt động trong nước về dân tộc và tín ngưỡng tôn giáo với âm mưu tạo những “ điểm nóng” gây mất ổn định xã hội. Đây là những vấn đề bức xúc, đang nổi lên ở một số địa bàn trọng yếu, nhạy cảm, những khu vực biên giới, vùng sau vùng xa có sự đa dạng về thành phần dân tộc và tín ngưỡng tôn giáo, đặc biệt tập chung ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung.

Lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo, các thế lực thù đich thực hiện chiến lược “diến biến hòa bình”, tuyên truyền xuyên tạc, kích động tư tưởng tự trị, tự ly khai, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi nhằm thực hiện ý đồ phá hoại mối quan hệ dân tộc và tôn giáo, từ đó âm mưu phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo ở nước ta.

### *6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*

Ngày nay, để giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo, Đảng cộng sản Việt Nam chỉ rõ: “…Nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc…Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối địa đoàn kết dân tộc hoặc những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của pháp luật”7.

Trên cơ sở nhận diện rõ các đặc điểm của quan hệ dân tộc và tôn giáo, ở nước ta hiện nay giải quyết mối quan hệ này cầnq uán triệt một số quan điểm sau:

- Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam. Trong lịch sử phát triển, từ khi nước nhà độc lập, Đảng ta luôn khẳng định: xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam; phát huy những giá



7ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2016, Tr.165.

trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, đồng thời “phát huy những giá trị văn hóa đạo đức tốt đẹp và nguồ lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước”8.

Hiện nay, sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng XHCN của Việt Nam càng cần có sự đoàn kết rông rãi của khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo… để tạo động lực to lớn thúc đẩy công cuộc kiến tạo đất nước phồn vinh, phát triển bền vững và bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của quốc gia.

- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng XHCN.

Tôn giáo và dân tộc là hai vấn đề rất nhạy cảm. Nhưng vấn đề liên quan đến dân tộc và tôn giáo nếu không được giải quyết một cách thỏa đáng sẽ dẫn tới nguy cơ gây mất ổn định chính trị, xã hội, dễ tạo cớ cho các thế lực chính trị bên ngoài can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước. Vì vậy, để giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo cần tuân thr nguyên tắc: giải quyết vấn đề tôn giáo trên cơ sở vấn đề dân tộc, tuyệt đối không được lợi dụng vấn đề tôn giáo đòi ly khai dân tộc, hay chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc làm tổn hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc, mà phải đảm bảo giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất đất nước.

- Giải quyết mối quan hệ tôn giáo và dân tộc phải đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.

Trong các mối quan hệ xã hội thì quan hệ dân tộc, tôn giáo và nhân quyền là những quan hệ hết sức nhạy cảm, giữa chúng có sự tác động tương hỗ thống nhất với nhau, đồng thời quy định lẫn nhau. Do vậy việc giải quyết tốt mối quan hệ này là nhằm đảm bảo cho con người những quyền cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và tín ngưỡng, tôn giáo. Song quyền phải gắn liền với pháp luật, do vậy đảm bảo quyền của các dân tộc, quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo cũng chính là đảm bảo thực hiện những nội dung cốt yếu của quyền con người trong khuôn khổ pháp luật.

Tóm lại, việc nhận diện đúng đắn đặc điểm mối quan hệ dân tộc và tín ngưỡng tôn giáo ở nước ta hiện nay để một mặt tiếp tục phát huy hiệu quả và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn tôn tạo sự đồng thuận, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo nhằm xây dựng nước Việt Nam giầu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mặt khác, chủ động phòng ngừa ngăn chặn mọi tác động tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống mọi hành động lợi dụng quan hệ dân tộc và tôn giáo gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất ổn định chính trị và phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN ở nước ta hiện nay.



8Chỉ thị 18-CT/TW của Bộ chính trị, ngày 10/01/2018 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới.

**NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN**

Câu 1. Phân tích quan điểm Mác-Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng XHCN?

Câu 2. Trình bày những quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN?

Câu 3. Phân tích, làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN?

Câu 4. Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN?

Câu 5. Phân tích mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc?

# CHƯƠNG 7

# VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ

# LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

**MỤC ĐÍCH CỦA CHƯƠNG**

*- Kiến thức:* Cung cấp cho người học những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay.

*- Kỹ năng:* Người học có kỹ năng, phương pháp khoa học trong nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề gia đình và xây dựng gia đình, từ đó có những nhận thức mới, độc lập về vấn đề này.

*- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Người học có thái độ và hành vi đúng đắn trong xây dựng gia đình, xây dựng các mối quan hệ gia đình, xã hội.

**NỘI DUNG BÀI GIẢNG**

Trong thời đại ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội với nhiều vấn đề nảy sinh, trong đó vấn đề gia đình cũng có những biến đổi rất phức tạp. Đảng ta rất coi trọng vấn đề gia đình, Đại hội đại biểu toàn quốc lần IX của Đảng đã nhấn mạnh: “Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sông văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội”1.

CNXH khoa học nghiên cứu vấn đề gia đình nhằm làm rõ vị trí, vai trò của gia đình và việc xây dựng gia đình trong quá trình xây dựng CNXH.

## 7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

### *7.1.1. Khái niệm gia đình*

Gia đình là một cộng đồng người đặc biệt, có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen, khi đề cập đến gia đình đã cho rằng: “Quan hệ thứ ba tham dự ngay từ đầu vào quá trình phát triển lịch sử: hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi, nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là gia đình”2.

Cơ sở hình thành gia đình là hai mối quan hệ cơ bản, quan hệ hôn nhân (vợ và chồng) và quan hệ huyết thống (cha mẹ và con cái…). Những mối quan hệ này tồn tại trong sự gắn bó, liên kết, ràng buộc và phụ thuộc lẫn nhau, bởi nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người, được quy định bằng pháp lý hoặc đạo lý. Quan hệ hôn nhân



1Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. CTQG, Hà Nôi, 2001, Tr.116.

2C.Mác và Ph.Ăngghen: “Hệ tư tưởng Đức”, C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Tập 3, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, Tr.41.

là cơ sở, nền tảng hình th ành nên các mối quan hệ khác trong gia đình. Hôn nhân là cở pháp lý cho sự tồn tại của mỗi gia đình. Quan hệ huyết thống là quan hệ giữa những người cùng một dòng máu. Quan hệ huyết thống nảy sinh từ quan hệ hôn nhân. Đây là mối quan hệ tự nhiên, là yếu tố mạnh mẽ nhất gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau.

Trong gia đình, ngoài hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ với con cái, còn có các mối quan hệ khác, quan hệ giữa ông bà với cháu chắt, giữa anh chị em với nhau, giữa cô, dì, chú bác với cháu ...

Giữa các thành viên trong gia đình, không chỉ là quan hệ tình cảm mà còn là quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội, giữa gia đình và xã hội, vì vậy, gia đình cũng là một thiết chế xã hội. Gia đình tồn tại theo những nguyên tắc nhất định, quy định vị trí, vai trò, nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi thành viên với gia đình và gia đình với xã hội. Những nguyên tắc đó có thể được quy định trong luật pháp của mỗi quốc gia hoặc là phong tục, tập quán của từng vùng, miền trong mỗi quốc gia. Chẳng hạn, cha mẹ có nghĩa vụ giáo dưỡng con cái đến tuổi trưởng thành, ngược lại con cái có nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ khi về già…Gia đình là đơn vị cơ sở của xã hội, gia đình có những chức năng xã hội nhất định. Từ những chức năng ấy, gia đình tác động và chịu sự tác động của các thiết chế xã hội khác, như nhà nước, các đoàn thể xã hội, dân tộc, tôn giáo...

Gia đình là một giá trị văn hóa - xã hội: gia đình là cầu nối giữa các thành viên với xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội… Hạt nhân của xã hội là gia đình”3.

Nhiều thông tin xã hội tác động đến con người thông qua gia đình. Những nội dung quản lí của Nhà nướcthong qua hoạt động của gia đình để tác động đến con người như quyền, nghĩa vụ, ý thức công dân,…phần lớn đều được hình thành và phát triển trong môi trường gia đình.

Ngoài ra, gia đình còn là một đơn vị kinh tế, một tổ chức sản xuất, phân phối và tiêu dùng trong xã hội. Hoạt động kinh tế của gia đình có ảnh hưởng quyết định đến đời sống vật chất và tinh thần của gia đình. Cùng với sự phát triển của LLSX và phân công lao động trong xã hội, đơn vị kinh tế - gia đình có sự biến đổi mạnh mẽ về cách thức tổ chức, hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như mức độ tiêu dùng của gia đình.

Như vậy, yếu tố huyết thống và tình cảm là nét bản chất nhất của gia đình. Nhưng xét rộng hơn và đầy đủ hơn, gia đình không chỉ là một đơn vị tình cảm - tâm lý, mà còn là một tổ chức kinh tế - tiêu dùng (sở hữu, sản xuất, thu nhập và chi tiêu…), một môi trường giáo dục văn hóa, một cơ cấu thiết chế xã hội có cơ chế và cách thức vận động riêng. Do đó, có thể hiểu: Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan



3Hồ Chí Minh đã dẫn, Hà Nội, 1996, Tập 9, Tr.523.

hệ nuôi dưỡng cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

### *7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội*

- Gia đình là tế bào của xã hội: Điều nay chứng tỏ rằng gia đình và xã hội có quan hệ mật thiết với nhau. Quan hệ đó giống như sự tương tác hữu cơ của quá trình trao đổi chất, duy trì sự sống giữa té bào và một thực thể sinh vật. Xã hội (cơ thể) lành mạnh tạo điều kiện cho các gia đình (tế bào) hạnh phúc góp phần cho sự phát triển hài hòa của xã hội.

Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Theo quan điểm duy vật thì nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra nhng thứ đó; mặt khác là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình”4.

Việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người, gia đình như một tế bào tự nhiên, là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. Tuy nhiên, mức độ tác động của gia đình đối với xã hội lại phụ thuộc vào bản chất của từng chế độ xã hội, vào đường lối, chính sách của giai cấp cầm quyền, và phụ thuộc vào chính bản thân mô hình, kết cấu, đặc điểm của mỗi hình thức gia đình trong lịch sử. Vì vậy, trong mỗi giai đoạn của lịch sử, tác động của gia đình đối với xã hội không hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn, trong các xã hội dựa trên cơ sở của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, sự bất bình đẳng trong quan hệ xã hội và quan hệ gia đình đã hạn chế rất lớn đến sự tác động của gia đình đối với xã hội. Chỉ khi con người được yên ấm, hòa thuận trong gia đình, thì mới có thể yên tâm lao động, sáng tạo và đóng góp sức mình cho xã hội và ngược lại. Chính vì vậy, quan tâm xây dựng quan hệ xã hội, quan hệ gia đình bình đẳng, hạnh phúc là vấn đề hết sức quan trọng trong cách mạng XHCN.

Gia đình là tổ ấm mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân mỗi thành viên.

Trong gia đình, cá nhân được đùm bọc về vật chất và giáo dục tâm hồn; trẻ thơ có điều kiện được an toàn và khôn lớn, người già có nơi nương tựa,…Ở đó hang ngày diễn ra quan hệ thiêng liêng, sâu đậm vợ - chồng, cha - con, anh - em, những người đồng tâm,



4Ph.Ăngghen: “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Tập 21, Nxb CTQG-ST, Hà Nội, 1995, Tr.44.

đồng cảm suốt cuộc đời. Sự yên ổn, hạnh phúc của gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội. Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình cá nhân mới cảm thấy bình yên, hạnh phúc, có động lực phấn đấu trở thành con người tốt của xã hội.

Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội.

Nhiều thông tin về xã hội tác động đến con người thông qua gia đình. Xã hội (nhà nước, cơ quan, bè bạn…) nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về một con người khi nhận rõ hoàn cảnh gia đình của người ấy. Nhiều nội dung quản lý xã hội không chỉ thông qua hoạt động của các thiết chế xã hội, mà còn thông qua hoạt động của gia đình tác động đến con người; nghĩa vụ và quyền lợi xã hội của mỗi người được thực hiện với sự hợp tác chung của các thành viên gia đình. Qua đó ý thức cá nhân được nâng cao và sự gắn bó giữa gia đình và xã hội có nội dung xác thực.

Tóm lại, giữa gia đình và xã hội có mối quan hệ hữu cơ với nhau, có ảnh hưởng và tác động qua lại lẫn nhau. Không có gia đình để tái tạo sức lao động thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. Ngược lại, không có môi trường xã hội lành mạnh thì gia đình cũng không thể phát triển được.

Trong cách mạng xã hội, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa gia đình và xã hội là một vấn đề rất quan trọng. Cần tránh cả hai khuynh hướng sai lầm, hoặc cho rằng gia đình à việc riêng tư, xã hội không nên can thiệp, hoặc là khuynh hướng tự tư, tư lợi, chỉ biết chăm lo, thu vén cho gia đình riêng, mà không chú ý thực hiện nghĩa vụ của gia đình đối với xã hội. Xã hội phải quan tâm đến gia đình và gia đình, các thành viên trong gia đình phải thấy được trách nhiệm của mình trước xã hội.

### *7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình*

Vai trò của gia đình đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội được biểu hiện thông qua những chức năng của gia đình. Gia đình được sinh ra, tồn tại và phát triển cũng chính vì gia đình đảm đương những chức năng đặc biệt mà xã hội giao phó, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Các chức năng của gia đình được thực hiện trong mối liên hệ thống nhất, tác động lẫn nhau, không thể tách rời.

- Chức năng tái sản xuất con người:

Đóng góp của gia đình đối với xã hội thể hiện qua chức năng đặc biệt này. Xã hội muốn trường tồn phải sản xuất của cải vật chất, mà con người là nhân tố quan trọng nhất của quá trình này. Chức năng này bao gồm các nội dung: Tái sản xuất, duy trì nồi giống, nuôi dưỡng, nâng cao thể lực, trí lực, đảm bảo nguồn lao động xã hội. Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động của xã hội.

Tái sản xuất con người, trước hết xuất phát từ nhu cầu tồn tại của con người là xã hội. Chức năng này cũng là một nhu cầu tự nhiên, chính đáng của con người. Tuy vậy, tùy từng quốc gia dân tộc và từng giai đoạn lịch sử cụ thể mà chức năng này được thực hiện theo hướng khuyến khích hay hạn chế. Chiến lược về dân số hợp lí sẽ trực tiếp tạo ra nguồn nhân lực mới phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục:

Đây là chức năng lớn vì vấn đề giáo dục gia đình nhằm tạo lập và phát triển con người có đạo đức, lối sống, ứng xử, hình thành nhân cách, tri thức khoa học. Giáo dục gia đình mang nội dung toàn diện cả về giáo dục kinh nghiệm và tri thức.

Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. Thực hiện chức năng này, gia đình có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi người. Bởi vì, ngay khi sinh ra, trước tiên mỗi người đều chịu sự giáo dục trực tiếp của cha mẹ và người thân trong gia đình. Những hiểu biết đầu tiên, mà gia đình đem lại đều có ý nghĩa rất quan trọng đối với một đời người. Vì vậy, gia đình là một môi trường văn hóa, giáo dục, trong môi trường này, mỗi thành viên đều là những chủ thể sáng tạo những giá trị văn hóa, chủ thể giáo dục đồng thời cũng là những người thụ hưởng giá trị văn hóa, và là khách thể chịu sự giáo dục của các thành viên khác trong gia đình.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đối với mỗi cá nhân trong suốt cuộc đời, từ lúc còn bé cho đến khi trưởng thành và tuổi già. Mỗi cá nhân trong gia đình đều có vị trí, vai trò nhất định trong việc giáo dục của gia đình.

Thực hiện tốt chức năng giáo dục, trước tiên, đòi hỏi mỗi người làm cha, làm mẹ phải có kiến thức cơ bản, tương đối toàn diện về mọi mặt văn hóa, học vấn, đặc biệt là phương pháp giáo dục. Bởi vì, giáo dục không chỉ là khoa học mà còn là nghệ thuật.

Phương pháp giáo dục của gia đình cũng đa dạng và phong phú, bao gồm:

+ Phương pháp nêu gương, thuyết phục, chịu ảnh hưởng của tâm lý, lối sống và gia phong.

+ Phương pháp dung lời khuyên giải của các thành viên trong gia đình.

+ Phương pháp tự giáo dục.

Chủ thể giáo dục gia đình chủ yếu vẫn là thế hệ ông bà, cha mẹ đối với con cháu. Gíao dục gia đình là một bọ phận bổ sung, hoàn thiện giáo dục nhà trường và xã hội.

- Chức năng kinh tế, tổ chức tiêu dung

Khi hình thành gia đình cá thể, chức năng kinh tế đóng vai trò quan trọng và làm cơ sở cho chức năng khác.

Trong gia đình có sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất, tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm lao động. Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Khác với các đơn vị kinh tế khác, gia đình còn là cộng đồng duy nhất, tham gia vào quá trình tái sản xuất ra sức lao động - một yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất của xã hội.

Cùng với sự phát triển của xã hội, ở mỗi hình thức gia đình và ngay cả ở một hình thức gia đình, nhưng tùy theo từng giai đoạn phát triển của xã hội, chức năng kinh tế của gia đình có sự khác nhau, về quy mô sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất và cách thức tổ chức sản xuất và phân phối. Trong thời kỳ quá độ, kinh tế hộ gia đình có một vị trí và tiềm năng to lớn. Mục đích của kinh tế hộ là làm giàu hợp pháp, tạo điều kiện để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Kinh tế hộ gia đình và công nhân viên chức, các nhà koa học, trí thức, văn nghệ sĩ,…cũng được khuyến khích trong lao động sáng tạo, tăng thu nhập chính đáng, xứng đáng với sự cống hiến của mình.

Thực hiện chức năng này, trước hết gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình. Hiệu quả hoạt động kinh tế của gia đình quyết định hiệu quả đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên gia đình. Đồng thời, gia đình đóng góp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra của cải, sự giầu có của xã hội.

Cùng với đó, gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động cho xã hội, mà còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội. Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như sinh hoạt gia đình. Đây cũng là chức năng quan trọng của gia đình. Xã hội càng phát triển, kinh tế gia đình vững vàng thì việc mua sắm càng gia tăng tạo điều kiện để mở rộng sản xuất. Tổ chức tiêu dùng của gia đình hiện nay nhằm đáp ứng nhu cầu phong phú, duy trì sắc thái, sở thích sinh hoạt riêng của các thành viên.

Tóm lại thực hiện tốt chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dung, không chỉ tạo cho gia đình có cơ sở để tổ chức đời sống, nuôi dạy cọn cái, mà còn có đống góp lớn đối với sự phát triển của xã hội.

- Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình

Đây là chức năng có tính văn hóa xã hội của gia đình và có vị trí đặc biệt quan trọng để tạo ra khả năng thực tế cho xây dựng gia đình hạnh phúc. Chức năng này, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Do vậy, gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi người, là nơi nương tựa về mặt tinh thần chứ không chỉ là nơi nương tựa về vật chất của con người. Với sự hiểu biết về tâm, sinh lý của các thành viên, với thái đọ trân thành, tế nhị đã tạo ra bầu không khí ổn định, cảm giác an toàn, làm cho các thành viên sống lạc quan và tích cực.

Ngoài ra, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị… Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình Gia đình không chỉ là nơi ưu giữ mà còn là nới sáng tạo và thực hiện những giá trị đạo đức, văn hóa. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó. Gia đình cũng là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với công dân.

Như vậy, gia đình là một thiết chế xã hội nhỏ chức năng. Thông qua việc thực hiện những chức năng này mà gia đình tồn tại và phát triển, đồng thơi tác động đến tiến bộ chug của xã hội. Các chức năng được thực hiện trong sự thúc đẩy, hỗ trợ lẫn nhau. Việc phân chia nội dung của chúng chỉ là tương đối.

## 7.2. Cơ sở xây dựng gia định trong thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội

### *7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội*

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH là sự phát triển của LLSX và tương ứng trình độ của LLSX là QHSX mới XHXN. Cốt lõi của QHSX mới ấy là chế độ sở hữu XHCN đối với tư liệu sản xuất từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nguồn gốc của sự áp bức bóc lột và bất bình đẳng trong xã hội và gia đình dần dần bị xóa bỏ, tạo cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ trong trong xã hội. V.I.Lênin đã viết: “Bước thứ hai và là bước chủ yếu là thủ tiêu chế độ tư hữu về ruộng đất, công xưởng và nhà máy. Chính như thế và chỉ có như thế mới mở được con đường giải phóng hoàn toàn và thật sự cho phụ nữ, mới thủ tiêu được “chế độ nô lệ gia đình” nhờ có việc thay thế nền kinh tế gia đình cá thể bằng nền kinh tế xã hội hóa quy mô lớn”5.

Vì vậy, xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đồng thời cũng là cơ sở để biến lao động tư nhân trong gia đình thành lao động xã hội trực tiếp, người phụ nữ dù tham gia lao động xã hội hay tham gia lao động gia đình thì lao động của họ đóng góp cho sự vận động và phát triển, tiến bộ của xã hội. Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh: “Tư liệu sản xuất chuyển thành tài sản chung, thì gia đình cá thể sẽ không còn là đơn vị kinh tế của xã hội nữa. Nền kinh tế tư nhân biến thành một ngành lao động xã hội. Việc nuôi dạy con cái trở thành công việc của xã hội”6.

Do vậy, phụ nữ có địa vị bình đẳng với đàn ông trong xã hội. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở làm cho hôn nhân được thực hiện dựa trên cơ sở tình yêu chứ không phải vì lý do kinh tế, địa vị xã hội hay một sự tính toán nào khác.

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đang được chú trọng là điều kiện, cơ hội để phát huy tiềm năng của mọi gia đình nhằm kế thừa



5V.I.Lênin: “Ngày quốc tế của nữ công nhân”, V.I.Lênin: Toàn tập, Tập 42, Nxb. Tiến bộ, M, 1977, Tr.464.

6Ph.Ăngghen, Ph.Ăngghen: “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, tập 21, Nxb CTQG-ST, HN, 1995, Tr.118.

những giá trị và khắc phục những hạn chế của gia đình truyền thống theo định hướng XHCN.

### *7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội*

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước XHCN. Trong đó, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền lực của mình không có sự phân biệt giữa nam và nữ. Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đè nặng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình. V.I.Lênin khẳng định: “Chính quyền xô viết là chính quyền đầu tiên và duy nhất trên thế giới đã hoàn toàn thủ tiêu tất cả pháp luật cũ kỹ, tư sản, đê tiện, những pháp luật đó đặt người phụ nữ vào tình trạng không bình đẳng với nam giới, đã dành đặc quyền cho nam giới… Chính quyền xô - viết, một chính quyền của nhân dân lao động, chính quyền đầu tiên và duy nhất trên thế giớ đã hủy bỏ tất cả những đặc quyền gắn liền với chế độ tư hữu, những đặc quyền của người đàn ông trong gia đình…”7

Nhà nước XHCN với tính cách là cơ sở của việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội… Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Chừng nào và ở đâu, hệ thống chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện thì việc xây dựng gia đình và đảm bảo hạnh phúc gia đình còn hạn chế.

### *7.2.3. Cở sở văn hóa*

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, cùng với những biến đổi căn bản trong đời sống chính trị, kinh tế, thì đời sống văn hóa, tinh thần cũng không ngừng biến đổi. Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị loại bỏ.

Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cũng cung cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức, nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng CNXH.

Thiếu đi cơ sở văn hóa, hoặc cơ sở văn hóa không đi liền với cơ sở kinh tế, chính



7V.I.Lênnin: “Gửi nữ công nhân”, V.I.Lênnin: Toàn tập, tập 40, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva, 1977, Tr.182.

trị, thì việc xây dựng gia đình sẽ lệch lạc, không đạt hiệu quả cao. Do đó, phải biết kế thùa những văn hóa truyền thống trong quan hệ tình yêu, hôn nhân của mỗi gia đình.

Gia đình truyền thống được hun đúc lâu đời trong lịch sử dân tộc. Hiện nay gia đình truyền thống đang bộ lộ những mặt tích cực và tiêu cực. Để xây dựng gia đình mới phải ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực và quan trọng hơn là phải biết tiếp thu những nội dung tiến bộ của thời đại phù hợp với truyền thống dân tộc. Một mặt phải duy trì phát huy những nét đẹp và có ích của gia đình truyền thống, khắc phục những hủ tục của gia đình đó.

Gia đình hiện nay chịu ảnh hưởng của quan hệ quốc tế. Nhiều hiện tượng hôn nhân và gia đình trên thế giới đã có tác hại đến sự hình thành phát triển của gia đình lành mạnh ở nhiều quốc gia. Tuy vậy, thời đại mới cũng mang lại những nội dung tiến bộ cho gia đình như dân chủ hóa và tôn trọng lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình hiện đại, hiện đại hóa nhu cầu vật chất, tinh thần của gia đình…

### *7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ*

- Hôn nhân tự nguyện: Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Chừng nào, hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì chừng đó, trong hôn nhân, tình yêu, hạnh phúc gia đình sẽ bị hạn chế. Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đây là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ, Ph.Ăngghen nhấn mạnh: “…nếu nghĩa vụ của vợ và chồng là phải thương yêu nhau thì nghĩa vụ của những kẻ yêu nhau há chẳng phải là kết hôn với nhau và không được kết hôn với người khác”8

Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn. Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Ph.Ăngghen viết: “Nếu chỉ riêng hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu mới hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì, mới là hợp đạo đức mà thôi… và nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át đi, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho xã hội”9.

Tuy nhiên, hôn nhân tiến bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nặng nề, nhất là đối với phụ nữ và con cái, cần ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn hiện tượng lợi dụng duyền ly hôn và những lý do ích kỷ 

8Ph.Ănghen: “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, tập 21, Nxb. CTQG-ST, Hà Nội, 1995, Tr.12.

9Ph.Ăngghen: “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Tập 21, Nxb. CTQG-ST, Hà Nội, 1995, Tr.128.

hoặc vì mục đích vụ lợi.

- Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng:

Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được, nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.

Hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện từ sớm trong lịch sử xã hội loài người, khi có sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu nguyên thủy. Tuy nhiên, trong các xã hội trước, hôn nhân một vợ một chồng thực chất chỉ đối với người phụ nữ. “Chế độ một vợ một chồng sinh ra tự sự tập trung nhiều của cải vào tay một người - vào tay người đàn ông, và từ nguyện vọng chuyển của cải ấy lại cho con cái của người đàn ông ấy, chứ không phải của người nào khác. Vì thế, cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người vợ, chứ không phải về phía người chồng”10.

Vì vậy trong thời kỳ quá độ lên CNXH, thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng. Trong đó vợ và chồng đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi vấn đề của cuộc sống gia đình. Vợ và chồng được tự do lựa chọn những vấn đề riêng, chính đáng như nghề nghiệp, công tác xã hội, học tập và một số nhu cầu khác v.v.. Đồng thời cũng có sự thống nhất trong việc giải quyết những vấn đề chung của gia đình như ăn, ở, nuôi dạy con cái… nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc.

Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ với con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau. Nếu như cha mẹ có nghĩa vụ yêu thương con cái, ngược lại, con cái cũng có nghĩa vụ biết ơn, kính trọng, nghe lời dạy bảo của cha mẹ. Tuy nhiên, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em sẽ có những mâu thuẫn không thể tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác, nhu cầu, sở thích, sắc riêng của mỗi người. Do vậy, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề cần được quan tâm của mọi người.

Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý: Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân.

Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn những cá nhân lợi dụng quyền tự do kết hôn,



10Ph.Ăngghen: “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Tập 21, Nxb. CTQG-ST, Hà Nội, 1995, Tr.118.

tự do ly hôn để thảo mãn những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

Như vậy, trong thời kỳ quá độ lên CNXH đảm bảo thực hiện hôn nhân tiến bộ theo nguyên tắc sau:

Hôn nhân tự nguyện xuất phát từ tình yêu chân chính. Đó là sự tôn trọng, trách nhiệm, bình đẳng và quan tâm lẫn nhau trong cuộc sống. Hôn nhân tự nguyện đảm bảo quyền tự do trong việc kết hôn nhưng không loại trừ sự quan tâm giúp, hướng dẫn và giúp đỡ con cái trong việc kết hơn. Mặt khác, hôn nhân tự nguyện còn bao hàm cả việc ly hôn tự nguyện theo đúng phát luật khi hạnh phúc gia đình không còn và được hai người vun đắp. Tuy vậy, cần phải tránh những trường hợp nông nổi hoặc lạm dụng ly hôn do ích kỷ hoặc vụ lợi, bởi lý hôn gây hệ lụy nặng nề cho gia đình con cái và xã hội.

Hôn nhân một vợ một chồng bình đẳng trên cơ cơ sở pháp luật đảm bảo, gia đình được luật pháp bảo hộ. Quan hệ bình đẳng, tình thương và trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình là cơ sở tồn tại và phát triển gia đình.

## 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

### *7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những vấn đề đặt ra từ sự biến đổi của gia đình*

*7.3.1.1. Sự biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình*

Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là “gia đình quá độ” trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Nếu như gia đình truyền thống xưa có thể tồn tại đến ba bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà thì hiện nay, quy mô gia đình hiện đại đã ngày càng được thu nhỏ lại. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai thế hệ cùng sống chung: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có số ít gia đình đơn thân, nhưng phổ biến nhất vẫn là loại hình gia đình hạt nhân quy mô nhỏ.

Với quy mô gia đình ngày càng thu nhỏ, gia đình Việt Nam đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Sự biến đổi của gia đình cho thấy chính nó đang làm chức năng tích cực, thay đổi chính bản thân gia đình và cũng là thay đổi hệ thống xã hội, làm cho xã hội trở nên thích nghi và phù hợp hơn với tình hình mới, thời đại mới.

Tất nhiên, quá trình biến đổi đó cũng gây những phản chức năng như tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình. Xã hội ngày càng phát triển, mỗi người đều bị cuốn theo công việc của riêng mình với mục đích kiếm thêm thu nhập, thời gian dành cho gia đình cũng vì vậy mà ngày càng ít đi. Con người dường như rơi vào vòng xoáy của đồng tiền và vị thế xã hội mà vô tình đánh mất đi tình cảm gia đình. Các thành viên ít quan tâm lo lắng đến nhau và giao tiếp với nhau hơn, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rời rạc, lỏng lẻo...

*7.3.1.2. Sự biến đổi các chức năng của gia đình*

- Sự biến đổi chức năng tái sản xuất con người.

Với những thành tựu của y học hiện đại, hiện nay việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Hơn nữa, việc sinh con còn bị điều chỉnh bởi chính sách xã hội của Nhà nước. Ở nước ta, từ những năm 70 và 80 của thế kỷ trước, Nhà nước đã tuyên truyền, phổ biến và áp dụng rộng rãi các phương tiện và biện pháp kỹ thuật tránh thai và tiến hành kiểm soát thông qua Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, khuyến khích mỗi cặp vợ chống chỉ nên có từ 1 đến 2 con và khoảng cách giữa hai lần sinh là 5 năm.

Nếu như trước kia, do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng. Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chỉ là các yếu tố có con hay không có con, có con trai hay không có con trai như gia đình truyền thống.

- Sự biến đổi chức năng kinh tế, tổ chức tiêu dùng.

Xét một cách khái quát, cho đến nay kinh tế gia đình đã có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt: Thứ nhất, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội. Thứ hai, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền KTTT hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các gia đình Việt Nam đang tiến tới “tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra”, tức là sử dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

- Sự biến đổi chức năng giáo dục: Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục của xã hội mới là tiếp tục nhấn mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng. Sự kỳ vọng và niềm tin của các bậc cha mẹ vào hệ thống giáo dục xã hội trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho con em của họ đã giảm đi rất nhiều so với trước đây, do sự gia tăng của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và trong nhà trường, của đạo đức xã hội. Những tác động trên đây làm giảm sút đáng kể vai trò của gia đình trong thực hiện chức năng xã hội hóa, giáo dục trẻ em ở nước ta thời gia qua.

Hiện tượng trẻ em hư, bỏ học sớm, lang thang, nghiện hút ma túy, mại dâm… cũng cho thấy phần nào sự bất lực của xã hội và sự bế tắc của một số gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Sự biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm: Trong xã hội hiện đại, độ bền vững của gia đình không chỉ phụ thuộc vào sự ràng buộc của các mối quan hệ về trách nhiệm, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; cha mẹ và con cái; sự hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích gia đình, mà nó còn bị chi phối bởi các mối quan hệ hòa hợp tình cảm giữa chồng và vợ; cha mẹ và con cái, sự đảm bảo hạnh phúc cá nhân, sinh hoạt tự do, chính đáng của mỗi thành viên gia đình trong cuộc sống chung.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, nhưng hiện nay, các gia đình đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong tương lai gần, khi mà tỷ lệ các gia đình chỉ có một con tăng lên thì đời sống tâm lý - tình cảm của nhiều trẻ em và kể cả người lớn cũng sẽ kém phong phú hơn, do thiếu đi tình cảm về anh, chị em trong cuộc sống gia đình.

Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa dẫn tới tình trạng phân hóa giàu nghèo sâu sắc, làm cho một số hộ gia đình có cơ may mở rộng sản xuất, tích lũy tài sản, đất đai, tư liệu sản xuất thì trở nên giàu có, trong khi đại bộ phận các gia đình trở thành lao động làm thuê do không có cơ hội phát triển sản xuất, mất đất đai và các tư liệu sản xuất khác, không có khả năng tích lũy tài sản, mở rộng sản xuất. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các hô nghèo, khắc phục khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng ngày càng gia tăng.

Cùng với đó, vấn đề đặt ra là cần phải thay đổi tâm lý truyền thống về vai trò của con trai, tạo dựng quan niệm bình đẳng giữa con trai và con gái trong trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ già và thờ phụng tổ tiên. Nhà nước cần có những giải pháp, biện pháp nhằm bảo đảm an toàn tình dục, giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho các thành viên sẽ là chủ gia đình tương lai; củng cố chức năng xã hội hóa của gia đình, xây dựng những chuẩn mực và mô hình mới về giáo dục gia đình, xây dựng nội dung và phương pháp mới về giáo dục gia đình, giúp cho các bậc cha mẹ có định hướng trong giáo dục và hình thành nhân cách trẻ em; giải quyết thỏa đáng mâu thuẫn giữa nhu cầu tự do, tiến bộ của người phụ nữ hiện đại với trách nhiệm làm dâu theo quan niệm truyền thống, mâu thuẫn về lợi ích giữa các thế hệ, giữa cha mẹ và con cái. Nó đòi hỏi phải hình thành những chuẩn mực mới, bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong gia đình cũng như lợi ích giữa gia đình và xã hội.

*7.3.1.3. Sự biến đổi quan hệ gia đình*

- Sự biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng.

Trong thực tế, hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức, biến đổi lớn. Dưới tác động của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ hiện đai, toàn cầu hóa… khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng - gia đình lỏng lẻo; gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn. Đồng thời, xuất hiện nhiều bi kịch, thảm án gia đình, người già cô đơn, trẻ em sống ích kỷ, bạo hành trong gia đình, xâm hại tình dục… Từ đó, dẫn tới hệ lụy là giá trị truyền thống trong gia đình bị coi nhẹ, kiểu gia đình truyền thống bị phá vỡ, lung lay và hiện tượng gia tăng số hộ gia đình đơn thân, độc thân, kết hôn đồng tính, sinh con ngoài giá thú… Ngoài ra, sức ép từ cuộc sống hiện đại (công việc căng thẳng, không ổn định, di chuyển nhiều…) cũng khiến cho hôn nhân trở nên khó khăn với nhiều người trong xã hội.

Khác với gia đình truyền thống, người chồng là trụ cột của gia đình, mọi quyên lực trong gia đình đều thuộc về đàn ông. Trong gia đình Việt Nam hiện đại ngày nay, không còn mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài mô hình người đàn ông làm chủ gia đình thì còn ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại: Mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình.

- Sự biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình.

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, quan hệ giữa các thế hệ cũng như các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình cũng không ngừng biến đổi. Trong gia đình truyền thống, một đứa trẻ sinh ra và lớn lên dưới sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ ngay từ khi còn nhỏ. Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường, mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, người cao tuổi trong gia đình truyền thống thường sống cùng với con cháu, cho nên nhu cầu về tâm lý, tình cảm được đáp ứng đầy đủ. Còn khi quy mô gia đình bị biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn thiếu về tình cảm. Những biến đổi trong quan hệ gia đình cho thấy, thách thức lớn nhất đặt ra cho gia đình Việt Nam là mâu thuẫn giữa các thế hệ, do sự khác biệt về tuổi tác, khi cùng chung sống với nhau. Người già thường hướng về các giá trị truyền thống, có xu hướng bảo thủ, áp đặt nhận thức của mình đối với người trẻ. Ngược lại, tuổi trẻ thường hướng tới những giá trị hiện đại, có xu hướng phủ nhận yếu tố truyền thống. Gia đình càng nhiều thế hệ, mâu thuẫn thế hệ càng lớn.

Ngày càng xuất hiện nhiều hiện tượng mà trước đây chưa hề hoặc ít có như: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử... Chúng đã làm rạn nứt, phá hoại sự bền vững của gia đình, làm cho gia đình trở nên mong manh, dễ tan vỡ hơn. Ngoài ra, các tệ nạn như trẻ em lang thang, nghiện hút, buôn bán phụ nữ qua biên giới... cũng đang đe dọa, gây nhiều nguy cơ làm tan rã gia đình.

### *7.3.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH phải thực hiện xây dựng gia đình mới, hướng tới hình thành con người mới Việt Nam với những đức tính cao đẹp, đồng thời xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030, mục tiêu chung trong xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam là xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội. Để đạt được mục tiêu đó, cần chú ý một số định hướng sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay, coi đây là một trong những động lực quan trọng quyết định thành công sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung,mục tiêu của công tác xây dựng và phát triển gia đình vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình kế hoạch công tác hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình.

Bởi gia đình là một thiết chế xã hội đa chức năng, trong đó có chức năng kinh tế và tổ chức đời sống. Trong quá trình phát triển xã hội, kinh tế hộ gia đình biến đổi phong phú và có vị trí khác nhau. Định hướng xây dựng gia đình mới là phải đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình.

Đảng và Nhà nước có chính sách kịp thời hỗ trợ gia đình phát triển kinh tế, tích cực khai thác và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình vay vốn hợp lý nhằm xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh, vươn lên làm giàu chính đáng tuân thủ pháp luật.

Thứ ba, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.

Xây dựng gia đình mới ở nước ta hiện nay phải trên cơ sở kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhâ loại. Gia đình truyền thống được hun đúc từ lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới gia đình ấy bộc lộ cả những mặt giá trị và hạn chế.

Gía trị: gia đình truyền thống có những nét đẹp đó là vị trí gia đình được coi trọng; gia đình đoàn kết, nếp sống thủy chung, tình làng nghĩa xóm được đề cao.

Hạn chế: gia đình truyền thống thể hiện tính cục bộ dòng họ, qui mô gia đình lớn (tam, tứ, ngũ đại đồng đường), đông con, tính gia trưởng nặng nệ, phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi, nhiều lễ nghi rườm rà…

Do vậy, Nhà nước cũng như các cơ quan văn hóa, các ban ngành liên quan cần phải xác định, duy trì những nét đẹp có ích; đồng thời, tìm ra những hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ. Xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay là xây dựng mô hình gia đình hiện đại, phù hợp với tiến trình CNH, HĐH đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Mặt khác, xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam hiện nay vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

Thứ tư, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiến bộ, một danh hiệu hay chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn hướng đến. Đó là, gia đình ấm no, hoà thuận, tiến bộ, khoẻ mạnh và hạnh phúc; Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Thực hiện kế hoạch hoá gia đình; Đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư.

Thực tiễn được hình thành từ những năm 60 của thế kỷ XX, tại một số địa phương của tỉnh Hưng Yên, đến nay, xây dựng gia đình văn hóa đã trở thành phong trào thi đua có độ bao phủ hầu hết các địa phương ở Việt Nam. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã thực sự tác động đến nền tảng gia đình với những quy tắc ứng xử tốt đẹp, phát huy giá trị đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam. Chất lượng cuộc sống gia đình ngày càng được nâng cao.

Do vậy, để phát triển gia đình Việt Nam hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ CNH, HĐH với những giá trị mới tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình. Ở đây, cần tránh xu hướng chạy theo thành tích, phản ánh không thực chất phong trào và chất lượng gia đình văn hóa. Các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa phải phù hợp và có ý nghĩa thiết thực với đời sống của nhân dân, công tác bình xét danh hiệu gia đình văn hóa phải được tiến hành theo tiêu chí thống nhất, trên nguyên tắc công bằng, dân chủ, đáp ứng được nguyện vọng, tâm tư, tình cảm, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân.

Tóm lại, xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam không phải là việc riêng của mỗi gia đình mà là nhiệm vụ chung của toàn xã hội, cần có sự tham gia của mọi ngành, đoàn thể, cộng đồng dân cư, dòng họ và mọi cá nhân. Công tác xây dựng gia đình chỉ đạt hiệu quả cao nếu các cấp ủy đảng, chính quyền biết dựa vào cộng đồng dân cư để thực hiện các biện pháp giáo dục, tuyên truyền phù hợp nhằm triển khai những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển gia đình, từ đó tạo ra phong trào thi đua rộng khắp, thiết thực và hiệu quả. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính cho công tác xây dựng và phát triển gia đình với phương châm xã hội hóa, tạo nền tảng cho sự phát triển chung của toàn xã hội.

**NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN**

Câu 1. Tại sao nói gia đình là cộng đồng xã hội đặc biệt?

Câu 2. Phân tích vị trí và chức năng cơ bản của gia đình?

Câu 3. Trình bày những cơ sở của gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH?

Câu 4. Trình bày những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay?

Câu 5. Trình bày những phương hướng xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay?

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng: Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc, Nxb. CTQG-ST, Hà Nội, 2018

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006

3. Bộ giáo dục và đào tạo: Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, dành cho bậc Đại học - không chuyên lý luận chính trị, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2019

4. Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, 30/12/2017 Quy định chi tiết một số điều, biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo

5. Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030 - Quyết định số 629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29 tháng 5 năm 2012

6. C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, Tập: 3, 4, 19, 20, 21, 42

7. Dương Xuân Ngọc: Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị, Nxb. CAND, Hà Nội, 2016

8. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam: VI, VII, VIII, XIX, X, XI, XII, XIII, Nxb. CTQG-ST, Hà Nội

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 24-NQ/TƯ về công tác dân tộc; Nghị quyết số 25-NQ/TƯ về công tác tôn giáo, ngày 12/3/2003 của BCH Trung ương (khóa IX), Nxb. CTQG, Hà Nội, 2003

10. Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1991

11. Đảng Cộng sản Việt Nam: Cương lĩnh xây dựng đất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển), Nxb. CTQG, Hà Nội, 2011

12. Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý: Gia đình học, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2007

13. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2002, 2004

14. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, “Chương trình cao cấp lý luận chính trị”, Nxb. LLCT, Hà Nội, 2014

15. Học viện Chính trị Công an nhân dân, Dương Xuân Ngọc (chủ biên): Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb. CNND, Hà Nội, 2017

16. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, dành cho hệ cao cấp lý luận chính trị, Hà Nội, 2018

17. Hoàng Chí bảo, Nguyễn Việt Thông, Bùi Đình Bôn (đồng chủ biên): Một số vấn đề lý luận về giai cấp công nhân Việt Nam trong điều kiện KTTT, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2010

18. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, Tập: 1, 3, 7, 9, 10

19. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: Giới thiệu tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001

20. Hoàng Chí Bảo, Thái Ninh: Dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991

21. Lê Ngọc Văn: Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2011

22. Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Văn Mạnh (đồng chủ biên): 55 xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân: một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2000

23. Luật Hôn nhân và Gia đình, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2010

24. Nguyễn Quang Mạnh: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: lý luận và thực tiễn, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2010

25. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên): Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2016

26. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (khóa XIV): Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật số 02/2016/QH14, ngày 18/11/2016

27. Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên): Một số vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam hiện nay, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2010

28. V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, Tập: 25, 26, 31, 33, 35, 36, 39, 43